

**THÔNG TIN NGHIÊN CỨU  
BẢO TỒN DI SẢN**

**Trung tâm Bảo tồn  
Di sản Văn hóa Thế giới Hội An**

*Chỉ đạo nội dung*  
**Phạm Phú Ngọc**  
*Giám đốc Trung tâm*  
*Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An*

*Chịu trách nhiệm biên soạn*  
**Quảng Văn Quý**  
*Phó Giám đốc Trung tâm*  
*Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An*

*Ban Biên soạn*  
**Quảng Văn Quý**  
**Trương Thị Ngọc Cẩm**  
**Phan Văn Quang**  
**Nguyễn Chí Trung**  
**Trần Văn An**  
**Phùng Tấn Đông**  
**Võ Hồng Việt**  
**Phạm Phước Tịnh**

*Trình bày*  
**Võ Hồng Việt**  
**Nguyễn Văn Thịnh**

*Thiết kế bìa*  
**Trần Thanh Hoàng Phúc**

**Tập 01 (71) - 2026**

**🌀 Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ**

- Từ nỗi lo mất an ninh tình lý Quảng Nam đến ý đồ xây dựng Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm của chính quyền Sài Gòn - ThS. Quảng Văn Quý ..... 2
- Chính sách và nguồn lực hỗ trợ bảo tồn các di tích thuộc sở hữu tư nhân và cộng đồng ở Đô thị cổ Hội An - ThS. Phạm Phú Ngọc ..... 10
- Bình đồ không gian cư trú cư dân Hội An: Quá trình hình thành nhìn từ địa - khảo cổ lịch sử - ThS. Nguyễn Chí Trung ..... 17
- Gió mùa trong cấu trúc, tổ chức hoạt động của thương cảng Hội An - CN. Nguyễn Văn Thịnh ..... 25
- Thương mại “Châu Ân thuyền” của thương nhân Nhật Bản ở cảng thị Hội An thế kỷ XVI, XVII - TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh ..... 30
- Theo dấu nhân vật Lý Tài của phong trào Tây Sơn - NNC. Trần Văn An ..... 35
- Chính sách ban thưởng của triều Nguyễn ở vùng đất Hội An - ThS. Phạm Phước Tịnh ..... 39
- Tiếp cận quan lộ và những chính sách về học vấn, phép khoa cử của Nguyễn Tường Vân qua góc nhìn tư liệu - CN. Lê Thị Lưu ..... 45
- Các cơ sở chùa Phật Bắc tông ở Hội An - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc ..... 48
- Khám thờ trong di tích phố cổ Hội An - Giá trị nghệ thuật và di sản tư liệu - CN. Võ Hồng Việt ..... 53
- Nét duyên của vè trong kho tàng ngữ văn dân gian ở Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi ..... 57
- Bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Đô thị cổ Hội An - ThS. Đoàn Cẩm Giang ..... 62
- Bài chòi Hội An - Di sản trong lòng di sản - CN. Phan Văn Dưỡng ..... 66
- Canh tác hoa màu, cây ăn quả trên đất rẫy ở Cù Lao Chàm - CN. Lê Thị Ngọc Hương ..... 70
- Nhóm nhạc gia đình, bạn bè ở phố cổ Hội An trong đô thị sáng tạo toàn cầu - CN. Trương Hoàng Vinh ..... 75

**🌀 Thông tin tư liệu**

- Thông tin về việc phòng thủ của triều đình nhà Nguyễn tại pháo đài cửa biển ở Đà Nẵng - Phòng NCKH ... 80

**🌀 Sự kiện nổi bật**

**🌀 Văn bản pháp quy**

**🌀 Di sản đó đây**

# TỪ NỖI LO MÁT AN NINH TỈNH LÝ QUẢNG NAM ĐẾN Ý ĐỒ XÂY DỰNG TRUNG TÂM CẢI HUẤN TẠI CÙ LAO CHÀM CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

ThS. Quảng Văn Quý

## Mở đầu

Trong quá trình sưu tầm các tư liệu về Hội An ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng), chúng tôi may mắn được tiếp cận hàng chục văn bản rất đặc biệt của chế độ chính quyền Sài Gòn trong những năm 1960 -1961, liên quan đến ý đồ xây dựng một Trung tâm Cải huấn quan trọng ở đảo Cù Lao Chàm - Hội An với quy mô tương tự “*Trung tâm Cải huấn Côn Sơn*” - còn gọi là nhà tù Côn Đảo<sup>1</sup> nhằm lưu đày, biệt tích các chiến sĩ cách mạng của miền Trung Việt Nam mà địch cho là các can phạm hạng A, hạng nguy hiểm của các tỉnh Trung phần miền Nam Việt Nam. Những văn bản này bao gồm các công điện, báo cáo, chỉ thị mật, tối mật về chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan giữa Tỉnh trưởng Quảng Nam với các cơ quan cấp cao của chính quyền Sài Gòn như: Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa (VNCH), Tòa Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần (*đặt tại Huế*), Văn phòng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn, Bộ Quốc phòng VNCH<sup>2</sup>... Những tài liệu quý này,

cũng đã được Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV công bố tại triển lãm tư liệu lưu trữ “*Dấu ấn lịch sử Quảng Nam qua tài liệu lưu trữ*” do Trung tâm này hội hợp với Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam tổ chức nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam (24/3/1975 - 24/3/2025) tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ). Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu bước đầu nội dung một số văn bản nêu trên, để chúng ta có thể hình dung được phần nào ý đồ thâm độc và quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng của chính quyền Sài Gòn, để xây dựng một Trung tâm Cải huấn quy mô tại Cù Lao Chàm - Hội An nhằm đàn áp phong trào cách mạng của ta ở miền Trung.

## 1. Về sự ra đời các Trung tâm Cải huấn của chính quyền Sài Gòn ở Hội An

Trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hội An luôn là địa bàn tinh lý của Quảng Nam, do vậy, qua các giai đoạn lịch sử, ngoài việc xây dựng các cơ quan đầu não về quân sự, hành chính, Pháp và Mỹ cùng ngụy quyền Quảng Nam đã xây dựng tại Hội An, hệ thống các nhà tù nhằm giam cầm các chí sĩ, chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước tham gia các phong trào đấu tranh cách mạng. Từ đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp cho xây dựng ở Hội An một nhà tù với tên gọi là nhà tù/lao Faifo tồn tại đến năm 1945. Sau khi tái chiếm lại Hội An vào năm 1947, thực dân Pháp lại cho xây dựng ở Hội An một nhà

1. “*Trung tâm Cải huấn Côn Sơn*”- nhà tù Côn Đảo là một trong những nhà tù lớn nhất trong hệ thống các nhà tù của Mỹ - ngụy ở miền Nam Việt Nam, chúng được ví như những “*Địa ngục trần gian*”.

2. Bản sao các văn bản này đang được lưu trữ tại Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An.



Di tích nhà tù Faifo nằm trên đường Lý Thường Kiệt, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng

lao mới (nay tại số 127 Phan Chu Trinh), còn gọi là nhà lao Thông Đăng, tồn tại đến năm 1954.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết, đất nước ta tạm thời bị chia cắt hai miền. Từ năm 1957, khi tiếp quản Quảng Nam, chế độ độc tài Ngô Đình Diệm và chính quyền Sài Gòn đã tu bổ và sử dụng lại nhà lao Thông Đăng để nơi giam giữ các tù nhân chính trị tham gia các phong trào kháng chiến. Từ năm 1957 - 1959, địch sử dụng nhà lao Thông Đăng để làm Trung tâm Cải huấn Quảng Nam - nơi tổ chức các lớp “Huấn chính”, “Tổ cộng” điển hình của Quảng Nam.

Tuy nhiên, sau Nghị quyết 15 (1959) của Trung ương Đảng được ban hành, cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn đấu tranh vũ trang, phong trào ở Quảng Nam nhanh chóng hồi phục và phát triển mạnh mẽ. Để đối phó với lực lượng cách mạng, ngụy quyền Quảng Nam đẩy mạnh đàn áp, bắt bớ và giam giữ cán bộ cách mạng. Nhà lao Thông Đăng sớm rơi vào tình trạng quá tải, nên đầu năm 1960 chúng cho xây dựng thêm một Trung tâm Cải huấn tỉnh Quảng Nam tại xóm Mới, Sơn Phong còn được gọi là nhà lao Xóm Mới. Nhà lao này ban đầu có hai dãy giam, mỗi dãy tám phòng (khoảng 30m<sup>2</sup>/phòng), và

khu biệt giam 10 phòng được xây dựng hết sức kiên cố. Phía trước là dãy nhà Ban Giám thị và cai ngục. Để tăng mức kiểm soát, ngụy quyền Quảng Nam còn bố trí các gia đình lưu vong chống Cộng cư trú xung quanh, biến họ thành một “hàng rào sống” bảo vệ nhà lao này.

## 2. Từ nỗi lo mất an ninh khi đặt Trung tâm Cải huấn ở nội ô Hội An - tỉnh lỵ Quảng Nam

Theo thiết kế ban đầu, Trung tâm Cải huấn Quảng Nam (nhà lao Xóm Mới) có sức chứa khoảng 300 người. Tuy nhiên, đến cuối năm 1960, số tù nhân chính trị bị giam giữ tại đây đã tăng lên đến 600 người, trong đó có nhiều tù chính trị được phía ngụy quyền Sài Gòn coi là “đặc biệt nguy hiểm”. Chính số lượng lớn tù nhân chính trị bị địch giam giữ tại đây cũng sẽ có khả năng gây mất an ninh ngay tại tỉnh lỵ Hội An, nếu các lực lượng vũ trang của Việt Cộng tấn công nhà lao giải thoát tù nhân. Trường hợp này cũng đã xảy ra đối với nhà lao Thông Đăng trong những năm kháng chiến chống Pháp<sup>3</sup>. Và nỗi lo sợ này cũng đã được đề cập trong các tài liệu của ngụy quyền Quảng Nam trong những năm 1960 mà chúng tôi đã đề cập.

Cụ thể, vào ngày 4/12/1960, Tỉnh trưởng Quảng Nam đã ban hành Mật điện số 62-NA/MM gửi Đồng lý Văn phòng Phủ Tổng thống, Đại diện Chính phủ tại Trung nguyên Trung phần, đồng thời kính chuyên Bộ Nội vụ. Nội dung Mật điện này có đoạn như sau: “...*Vì tình hình*

3. Vào đêm, 30/4/1954, Lực lượng vũ trang tỉnh và thị xã Hội An lúc bấy giờ đã tiến công đánh vào nội ô Hội An, giải phóng 1.200 tù nhân là những chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước của ta bị địch giam cầm tại đây.

khẩn trương, việc lưu giữ gần sáu trăm can nhân nông cốt Việt Cộng trong số có khoảng một trăm can nhân hoạt động nguy hiểm ở trại cải huấn, sẽ gây nhiều tai hại ngay tại tỉnh lỵ. Tỉnh tôi đã họp Ủy ban an ninh tỉnh để thảo luận kế hoạch dự định xin cho di chuyển tạm thời một trăm can nhân hạng A nói trên ra Cù Lao Chàm trong một thời gian để biệt tích. Vị trí Cù Lao Chàm sẽ được tăng cường một trung đội Bảo An, một trung đội Dân Vệ và đặt nơi giam giữ cẩn mật dưới một hình thức an táng nhân công. Các loại can nhân B và C ít nguy hiểm sẽ được di chuyển các lần sau tùy theo tình hình. Kính xin cho biết tôn ý để thi hành...”.

Trên cơ sở Mật điện trình của tỉnh Quảng Nam, ngày 9 tháng 12 năm 1960, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (VNCH), Bùi Văn Lương đã có Công điện (chuyển tay) gửi Tổng Quân đốc các Trung tâm Cải huấn Sài Gòn<sup>4</sup>. Nội dung Công điện như sau: “TCCD 62-NA/MM ngày 4/12/1960 của tỉnh Quảng Nam về việc tỉnh này xin di chuyển tạm 100 can nhân Việt Cộng tới nguy hiểm ra biệt giam tạm tại Cù Lao Chàm để giải tỏa bớt Trung tâm Cải huấn tỉnh, yêu cầu quý Nha cử gấp nhân viên đến Quảng Nam, và nếu cần sẽ ra tại chỗ, để phối hợp với tỉnh xem xét vấn đề này cùng đặt kế hoạch di chuyển, phòng thủ, tiếp ứng khi có biến v.v... Phúc trình Bộ gấp với đề nghị thích nghi”.

Đồng thời cùng với Văn bản này, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (VNCH) lúc bấy giờ cũng đã có Công điện Thượng khẩn Số: 2276-BNV/C9-19M, gửi Tỉnh Trưởng tỉnh Quảng Nam<sup>5</sup>, với nội dung như sau: TCCD

6-NA/MM ngày 4.12.1960, Bộ đã chỉ thị Tòa Tổng Quân đốc các Trung Tâm Cải huấn cử nhân viên ra tiếp xúc với quý tỉnh để xem xét vấn đề tại chỗ hầu dự kế hoạch di chuyển, phòng thủ v.v. .

Trong khi chờ đợi, yêu cầu:

1. Tăng cường biện pháp an ninh.
2. Cho biết chi tiết về vị trí của Cù Lao Chàm và tại đây có sẵn doanh trại dọn bớt để thu nhận can phạm cùng lực lượng tổ chức phòng thủ.
3. Gửi về danh sách số can phạm cần di chuyển ra Cù Lao Chàm có ghi tuổi, ngày và bút tích của trung thẩm, thời hạn còn lại hoặc tuổi tiền thọ hình nếu là can phạm bị truy tố ra Tòa án”<sup>6</sup>.

Như vậy, từ các tài liệu nêu trên, chúng ta thấy rằng, ý đồ ban đầu của nghị quyền Quảng Nam và các Cơ quan cấp trên là chỉ đưa tạm thời 100 can phạm nguy hiểm ra Cù Lao Chàm biệt giam, nhằm giảm bớt sự quá tải, áp lực và sự nguy hiểm cho Trung tâm Cải huấn Quảng Nam tại vùng nội ô Hội An.

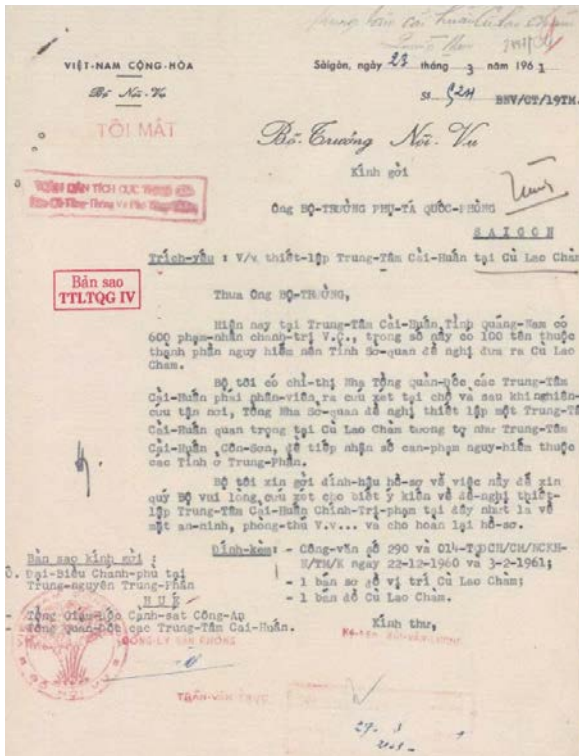
### 3. Ý đồ xây dựng Trung tâm Cải huấn hoàn chỉnh như Trung tâm Cải huấn Côn Sơn ở Cù Lao Chàm

Ban đầu ý đồ của địch là vậy, nhưng đã có một bước ngoặt mới diễn ra vào ngày 23/3/1961, khi Bộ Nội vụ đề xuất với Bộ Quốc phòng (VNCH) nghiên cứu xây dựng hẳn một Trung tâm Cải huấn quy mô lớn tại Cù Lao Chàm, tương tự mô hình nhà tù Côn Sơn để giam giữ lâu dài tù chính trị nguy hiểm từ toàn khu vực Trung phần. Điều này thể hiện khá chi tiết ở các tài liệu của địch được chúng tôi lược dẫn sau đây:

4. Văn bản cũng đồng kính gửi: ông đại biểu Chánh phủ tại Trung nguyên Trung phần (Huế); ông Tỉnh trưởng Quảng Nam; ông Tổng Giám đốc Nha Cảnh sát và Công an (Sài Gòn); ông Tổng Quân đốc Bảo an và Dân vệ.

5. Thông đạt đại biểu Chánh phủ tại Trung nguyên Trung phần.

6. Văn bản này cũng có các Bản sao kính gửi: Tổng Giám đốc Bảo an và Phòng vệ; Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an; Tổng Quân đốc các Trung tâm Cải huấn (tham chiếu Công điện chuyển tay số 2239-BNV/C9-19M ngày 9/12/1960 của Bộ); Ông Chánh Sự vụ Phủ Tổng thống “Trình T.T” kèm theo công điện chuyển tay nói trên.



Ngày 23 tháng 3 năm 1961, Bộ Nội vụ (VNCH) có Công điện Tối mật số: 924 BNV/C9/19TM về việc thiết lập Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm gửi ông Bộ trưởng phụ tá Quốc phòng<sup>7</sup> với nội dung: “Hiện nay, tại Trung tâm Cải huấn tỉnh Quảng Nam có 600 phạm nhân chính trị V.C., trong số này có 100 tên thuộc thành phần nguy hiểm nên Tỉnh Sở quan đề nghị đưa ra Cù Lao Chàm. Bộ tôi có chỉ thị Nha Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn phải phân-viễn ra cứu xét tại chỗ và sau khi nghiên cứu tận nơi, Tổng Nha sơ quan đề nghị thiết lập một Trung tâm Cải huấn quan trọng tại Cù Lao Chàm tương tự như Trung tâm Cải huấn Côn Sơn, để tiếp nhận số can phạm nguy hiểm thuộc các tỉnh ở Trung phần.

7. Văn bản trên cũng có bản sao gửi: Đại biểu Chánh phủ tại Trung nguyên Trung Phần (Huế); Tổng Giám đốc Cảnh sát Công an; Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn do Đồng lý Văn phòng Trần Văn Trực ký gửi vào ngày 27/3/1961.

8. Việt Cộng.

Bộ tôi xin gửi đính hậu hồ sơ về việc này, để xin quý Bộ vui lòng cứu xét cho biết ý kiến và đề nghị thiết lập Trung tâm Cải huấn Chính trị phạm tại đây như thế nào về mặt an ninh, phòng thủ v.v... và cho hoàn lại hồ sơ.” ... Đính kèm: Công văn số 290 và 014-TQCH/CM/NCKH-N/TMK ngày 22/12/1960 và 3/2/1961; 1 bản sơ đồ vị trí Cù Lao Chàm; 1 bản đồ Cù Lao Chàm”<sup>9</sup>.

Ngày 31 tháng 3 năm 1961, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung nguyên Trung phần tại (Huế) ban hành văn bản mật số: 132/CT/M về thiết lập một Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm (Quảng Nam) gửi Tỉnh trưởng Quảng Nam với nội dung sau: “Tòa, tôi kính gửi đính theo sau để quý Tỉnh trưởng, bản sao mật văn số 524/BNV/CT/19TM ngày 23/3/61 của Bộ Nội Vụ gửi Bộ Quốc phòng về việc thiết lập một Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm. Tuân hành chỉ thị của Bộ Nội vụ, Nha Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn vừa ủy phái ông Hồng Dụ Châu, Đốc sự Hành chánh Kiểm tra viên, ra tiếp xúc cùng quý Tỉnh để cứu xét tại chỗ việc lựa chọn địa điểm để thiết lập Trung tâm Cải huấn nói trên. Tòa tôi kính nhờ quý Tỉnh dành mọi dễ dàng để ông Hồng Dụ Châu có thể làm tròn nhiệm vụ và kính nhờ quý Tỉnh phái một ông Phó Tỉnh trưởng đại diện cùng đi với ông Châu ra Cù Lao Chàm lựa chọn địa điểm để thiết lập Trung tâm Cải huấn này”.

Và cũng trong ngày 31 tháng 3 năm 1961, Tòa Đại biểu Chánh phủ tại Trung nguyên Trung phần có Mật điện số: 81-VP/CTM điện Tỉnh trưởng Quảng Nam tại ở Hội An: “... giới thiệu ông Hồng Dụ Châu, Đốc sự Hành chánh được Bộ Nội Vụ ủy phái ra cùng tỉnh Quảng Nam cứu xét lựa chọn địa điểm thiết lập Trung tâm

9. Trong hồ sơ, văn bản chúng tôi tiếp cận không có bản sơ đồ vị trí Cù Lao Chàm; bản đồ Cù Lao Chàm.

*Cải huấn Cù Lao Chàm, sẽ đến Hội An tiếp xúc quý Tỉnh lúc 7 giờ 30 sáng ngày 1/4/1961, và sẽ sẵn sàng đi Cù Lao Chàm lúc 8 giờ ngày ấy*". Theo đó, yêu cầu tỉnh Quảng Nam phái một ông Phó Tỉnh trưởng đại diện cùng đi với ông Châu ra Cù Lao Chàm<sup>10</sup>

Ngày 18 tháng 4 năm 1961, Bộ Nội vụ (VNCH) lại có văn bản mật số: 825-BNV/CT/19MK gửi Tòa Đại biểu Chánh phủ tại Trung nguyên Trung phần (Huế) về việc *di chuyển phạm nhân nguy hiểm*. Trong văn bản có nêu: "... *Nhà Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn vừa trình Bộ là đã phái Kiểm tra viên đến tiếp xúc với quý Tòa và quan sát Cù Lao Chàm (Quảng Nam) để thiết lập tại đây một Trung tâm Cải huấn chánh trị phạm, hầu thu nhận số can phạm nguy hiểm thuộc các tỉnh Trung phần và đề phòng lúc tình hình khẩn trương sẽ di chuyển đến đây số phạm nhân nguy hiểm hiện có ở các Trung tâm Cải huấn Quảng Trị, Thừa Thiên, kể cả Thanh Tân, Ổ Ổ và Thành nội Huế. Xin quý Tòa chỉ thị cho tỉnh Quảng Nam cử một phái đoàn có tính cách chuyên môn đến Cù Lao Chàm nghiên cứu kỹ lưỡng công việc thiết lập Trung tâm Cải huấn này về mặt an ninh, nước uống và kiến thiết v.v...*

*Đồng thời thông báo cho tỉnh Thừa Thiên đình chỉ việc xây cất đợt III Trung tâm Cải huấn Thanh Tân, Ổ Ổ. Số tiền dự trù cho đợt công tác này sẽ dành cho công tác xây cất Trung tâm Cải huấn Cù Lao Chàm, khi được Thượng cấp chấp thuận...*".

Ngày 12 tháng 5 năm 1961, Bộ Quốc phòng (VNCH) có văn bản mật Số: 2567-QP/VP/2/M gửi Tổng lý Văn phòng Bộ Nội vụ cho ý kiến về thiết lập Trung tâm Cải

huấn tại Cù Lao Chàm. Tại Văn bản này, Bộ Quốc phòng cho rằng: "... *Không thấy có ai trở ngại về việc thiết lập một Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm. Riêng về phương diện an ninh cho Trung tâm này, Bộ chỉ thị cho hạ Tổng Quân cảnh Trung tâm Cải huấn liên lạc trực tiếp với Bộ Tư lệnh Quân khu II để giải quyết...*".

Ngày 18 tháng 5 năm 1961, Bộ Nội vụ có Chỉ thị số: 22058-BNV/CT/19M<sup>11</sup> gửi: Ông Đại biểu Chánh phủ tại Trung nguyên Trung phần (Huế) về di chuyển phạm nhân nguy hiểm. Nội dung văn bản như sau: "... *Do công văn thương dẫn, Bộ tôi có xin quý Tòa chỉ thị tỉnh Quảng Nam cử một phái đoàn có tính cách chuyên môn đến Cù Lao Chàm, nghiên cứu kỹ lưỡng công việc thiết lập tại nơi đây một Trung tâm Cải huấn tương tự như Trung tâm Cải huấn Côn Sơn. Vậy xin quý Tòa cho Bộ tôi biết kết quả dành cho việc nghiên cứu này lúc thuận tiện...*".

Ngày 2 tháng 6 năm 1961, tỉnh Quảng Nam đã có văn bản Mật Số: 1966/AN/I/M về Thiết lập Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm<sup>12</sup> do thiếu tá Nguyễn Hữu Thu, Tỉnh trưởng ký, gửi ông Đại biểu Chánh phủ Trung nguyên Trung phần tại Huế. Nội dung văn bản như sau: "*Theo chỉ thị của quý Tòa, Tỉnh tôi đã cử một phái đoàn chuyên môn ngày 2 và 3/5/1961 đi nghiên cứu việc thiết lập một Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm. Phái đoàn có mục đích nghiên cứu về phương diện xây cất, an ninh, sức khỏe. Thành phần bao gồm*<sup>13</sup>:

11. Tham chiếu: Công văn số 02125-BNV/CT/19MK ngày 18/4/1961 của Bộ Nội vụ.

12. Nội dung văn bản trên tham chiếu văn bản số 339-CT/M ngày 21/4/1961, Công văn số 424-CT/M ngày 24/5/1961.

13. Ông Ty trưởng Liên ty Kiến thiết gồm Đà Nẵng; một Trung úy Bảo An; một nhân viên Ty Công an; hai Trắc lượng viên và 4 công nhân thuộc Ty Liên địa để đo đạc.

10. Tòa nhờ ông Châu trao tay mật văn số 282/CT/M ngày 31/3/1961 của Tòa gửi tỉnh Quảng Nam về việc này.

Nay tình tôi kính đề nghị quý tòa hồ sơ gồm có: *Họa đồ Cù Lao Chàm tỷ lệ*

*1/25.000: 1 bản; Họa đồ vị trí, cao độ dự định thiết lập Trung tâm Cải huấn (tỷ lệ 1/1000): 1 bản; Ảnh chụp bãi Bãi Bắc từ trên đồi: 2 tấm; BĐ 355629 nhìn xuống: 1 tấm; Tờ trình về kế hoạch an ninh: 1 bản; Tờ trình về điều kiện sức khỏe: 1 bản; Tờ trình về dự án xây cất: 1 bản.*

*Riêng tờ trình về dự án xây cất được dự trù:*

*- Diện tích tối thiểu xây cất là 3.6 mẫu (có thể mở rộng).*

*- Giá xây cất thông thường: 11.020.760,00.*

*- Giá xây cất chắc chắn: 13.841.240,00.*

*- Dung nạp rộng rãi: 700 cá nhân”.*

Trên cơ sở báo cáo của tỉnh Quảng Nam, ngày 10 tháng 6 năm 1961, Đại biểu Chánh phủ Trung nguyên Trung phần có văn bản<sup>14</sup> gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ (VNCH) về thiết lập Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm (Quảng Nam), báo cáo về kết quả khảo sát thực địa tại Cù Lao Chàm để xây dựng Trung tâm Cải huấn. Văn bản xác nhận rằng công tác nghiên cứu đã hoàn tất, hồ sơ đã đầy đủ và đề nghị Bộ Nội vụ xem xét phê duyệt dự án. Nội dung văn bản có đoạn như sau: “... *Thừa tiếp quý công văn số 2125/BNV/CT/19/WK ngày 18/4/1961 thượng dẫn, Tòa tôi đã ủy tỉnh Quảng Nam cử một phái đoàn có tính cách chuyên môn đến Cù Lao Chàm nghiên cứu việc thiết lập tại nơi đây một Trung tâm Cải huấn. Nay tiếp Tỉnh ủy phúc trình kết quả công tác nghiên cứu nội trên về phương diện địa thế, an ninh và sức khỏe. Tòa tôi xét thấy việc nghiên cứu như vậy cũng đã đầy, đủ*

*và kỹ lưỡng, vậy kính đề trình quý Bộ thẩm hành bản sao mật văn số 1966/AN/I/M/TT ngày 7/6/1961 của Tỉnh Sở quan, cùng hồ sơ đính hậu (7 bản) về dự định thiết lập một Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm...”.*

Như vậy, từ nội dung các tài liệu, văn bản nêu trên, chúng ta thấy rằng ý đồ xây dựng một Trung tâm Cải huấn quy mô tương tự Trung tâm Cải huấn Côn Sơn, đã được ngụy quyền Sài Gòn và Quảng Nam chuẩn bị hết sức công phu và thực hiện kỹ lưỡng với đầy đủ các thủ tục, đi đến đảm bảo tính khả thi để tiến hành trên thực tế. Trung tâm Cải huấn Cù Lao Chàm nếu được xây dựng sẽ có quy mô tương đối lớn, có diện tích lên đến 3,6 mẫu và có thể mở rộng thêm khi cần thiết; sức chứa của Trung tâm này có thể lên đến trên 700 tù nhân. Trung tâm Cải huấn Cù Lao Chàm gần như biệt lập với đất liền không chỉ lưu đầy các tù chính trị mà địch cho là nguy hiểm ở Quảng Nam và còn là nơi thu nhận số can phạm chính trị nguy hiểm thuộc các tỉnh Trung phần và đề phòng lúc tình hình khẩn trương sẽ di chuyển đến đây số phạm nhân nguy hiểm hiện có ở các Trung tâm Cải huấn Quảng Trị, Thừa Thiên, kể cả Thanh Tân, Ô Ô và Thành nội Huế.

Tuy nhiên, qua đánh giá điều kiện thực tế, ngày 8/8/1961 Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam lại có Văn bản số: 2732/-AN/I-M gửi Bộ Nội vụ và Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần tại Huế báo cáo chi tiết những trở ngại của việc thiết lập Trung tâm Cải huấn tại Cù Lao Chàm do các nguyên nhân chủ yếu sau: Khó khăn về nước uống; khí hậu không thuận lợi; đường liên lạc, tiếp tế trở ngại; cụ thể: “... *Cù Lao Chàm cách bờ biển 15 cây số. Mùa đông (có gió Bắc) biển thường động luôn, phương tiện đi lại phải là ca nô lớn có động cơ, hoặc ghe bầu. Nhưng đến Cù Lao, bờ biển có rất nhiều đá ngầm trở ngại lớn cho sự ghé bến...”*; vị trí đất hẹp “...

14. Tham chiếu Công văn số 02125/BNV/CT/19/W/K ngày 18/4/1961 và số 02658/BNV/CT/19/M ngày 18/5/1961 Bộ Nội vụ.

*bị gò bó trong giới hạn nhỏ hẹp không thể bành trướng được. Chung quanh Trung tâm không có ruộng, rẫy để cấy trồng rau tươi; trên sườn núi dốc chỉ có thể kiếm củi đun hoặc bán...”*

Vì vậy, Tỉnh trưởng Quảng Nam cho rằng: “... Nếu cần lập gấp một Trung tâm Cải huấn vĩnh viễn cho một số đông phạm nhân thì chắc phải đặt lại vấn đề trị liệu tổ chức những cơ sở xây cất, bỏ phòng... một cách qui mô với hệ thống giao thông, tiếp tế thường xuyên và chu đáo. Song nếu vậy, Tỉnh tôi thiết tưởng tốn phí xây cất và điều hành Trung tâm sẽ rất lớn mà kết quả đem lại chắc không được như mong muốn...”. Theo đó tỉnh Quảng Nam đề nghị Bộ Nội vụ xem xét lại. Có lẽ nội dung kiến nghị của Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam là cơ sở quan trọng để dự án xây dựng Trung tâm Cải huấn Cù Lao Chàm không tiếp tục được triển khai trên thực tế?

#### **4. Và nỗi lo mất an ninh của nguy quyền Quảng Nam khi xây dựng Trung tâm Cải huấn ở nội ô Hội An đã trở thành sự thật**

Sau cao trào “đồng khởi” năm 1964, lực lượng vũ trang cách mạng ở Hội An và Quảng Nam đã không ngừng lớn mạnh, từng bước đấu tranh trực diện với kẻ thù. Trong những năm 1966, 1967, lực lượng vũ trang cách mạng địa phương cũng đã lập nên nhiều chiến công lớn trên chiến trường Quảng Đà. Vào thời điểm chiến trường ác liệt năm 1967, Trung tâm Cải huấn Quảng Nam (nhà lao Xóm Mới) tại Hội An đã giam giữ hơn 1.200 tù nhân cách mạng. Tại nhà lao này, các chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước phải chịu đựng sự đọa đày và tra tấn tàn bạo của địch. Trước tình hình đó, việc tập kích nhà lao để giải phóng tù nhân trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, một kế hoạch phối

hợp hành động đã được Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2 (V25) và Thị ủy Hội An thống nhất.

Kế hoạch này đã được chuẩn bị rất công phu và bí mật, với ba mũi đánh: cải trang, đặc công và cường tập. Khó khăn lớn nhất là phải vô hiệu hóa các khối thuốc nổ được chôn dưới nhà lao, một nhiệm vụ chỉ có thể thực hiện bởi một cơ sở nội tuyến đáng tin cậy. Nhờ công tác binh vận tốt của các cơ sở Thị ủy Hội An, một cơ sở nội tuyến trong nhà lao đã được huy động để cắt đường dây điện điều khiển mìn, đảm bảo an toàn cho các chiến sĩ và tù nhân.

Theo như kế hoạch đã định, đêm ngày 14 tháng 7 năm 1967, cuộc tập kích chính thức bắt đầu. Từ vùng giải phóng Cẩm Thanh, lực lượng của ta đã vượt sông rầm quân ở Trường Lệ. Sau khi bàn bạc thống nhất kế hoạch, một trung đội của Tiểu đoàn 2 cải trang thành lính nguy tiến về phía nhà lao. Bằng sự dũng cảm và mưu trí, các chiến sĩ đã vượt qua sự kiểm tra của lính cảnh sát, tiến nhanh về phía cổng nhà lao, nhanh chóng tiêu diệt toán lính gác và các vọng gác. Cùng lúc, các đơn vị chủ lực khác của Tiểu đoàn 2 và bộ đội thị xã Hội An tấn công từ phía sau, dùng bộc phá và mìn định hướng phá tan các lớp rào bảo vệ, dọn đường xông vào. Các mũi tấn công đồng loạt tiêu diệt khu vực giám thị, lính bảo vệ và các lô cốt. Đòn tấn công phối hợp bất ngờ và mạnh mẽ khiến địch không kịp trở tay. Đồng thời, các đơn vị vũ trang tại Hội An cũng đồng loạt quấy rối, pháo kích vào nhiều vị trí địch trong thị xã như Dinh Tỉnh trưởng và quận lỵ Hiếu Nhơn, làm cho địch bị phân tán lực lượng, không xác định rõ được mục tiêu, hướng tấn công chính của ta nên phản ứng yếu ớt.

Khi trận đánh khai hỏa, các tù nhân bên trong các phòng giam nhận được chỉ thị từ loa phát thanh, nhanh chóng lui về cuối phòng giam. Sau tiếng nổ của bộc phá,

các cánh cửa sắt được phá tung, tù nhân ủa ra và được hướng dẫn chạy về hai hướng: vùng giải phóng Điện Dương (*Điện Bàn*) và vùng giải phóng Cẩm Thanh (*Hội An*).

Để hỗ trợ việc giải phóng nhà lao Hội An, ngoài lực lượng vũ trang, ta đã huy động một bộ phận lớn nhân dân các xã Cẩm Thanh, Cẩm Châu cùng tham gia chiến dịch. Tại Cồn Đầm, nhân dân Cẩm Thanh đã được huy động để nhanh chóng và bí mật làm một chiếc cầu phao tạm bằng cách ghép nhiều chiếc ghe lại, bên trên trải mảnh tre để tù nhân vượt sông. Bên cạnh đó, trên các tuyến đường rút lui, các bẹ chuối được rải sẵn để làm dấu hiệu/lộ tiêu chỉ đường cho các tù nhân di chuyển trong đêm. Không những vậy, tại các điểm tập kết, người dân đã chuẩn bị sẵn sàng những rổ khoai, sắn để tiếp sức cho những cán bộ, chiến sĩ cách mạng và đồng bào vừa thoát ngục.

Có thể nói rằng, cuộc tiến công tập kích Trung tâm Cải huấn Quảng Nam (*nhà lao Xóm Mới*) đã thành công rực rỡ, giải phóng được hơn 1.200 cán bộ, chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước khỏi ách xiềng xích của kẻ thù để trở về với cách mạng. Thắng lợi này là kết quả của sự chuẩn bị công phu, mưu trí, dũng cảm của các đơn vị vũ trang, cùng với sự hỗ trợ nhiệt tình, chu đáo và hết mình của lực lượng quần chúng nhân dân các vùng giải phóng ở Hội An.

### 5. Một vài nhận xét

Từ các tài liệu lưu trữ của chế độ nguy quyền Sài Gòn và Quảng Nam liên quan đến việc xây dựng một Trung tâm Cải huấn quy mô ở Cù Lao Chàm - Hội An, chúng ta thấy rằng đây là ý đồ mang tính mục tiêu chiến lược của địch muốn biến đảo Cù Lao Chàm thành một nhà tù biệt lập, tương tự Côn Đảo (*Trung tâm Cải huấn Côn Sơn*), để cô lập tuyệt đối các chiến sĩ cách mạng

ở Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng, miền Trung nói chung hòng cắt đứt liên hệ của họ với phong trào cách mạng bên ngoài. Qua các văn bản chúng ta cũng nhận thấy những tính toán an ninh rất cẩn trọng và chi li của địch từ việc lựa vị trí đảo Cù Lao Chàm vừa cách xa bờ, địch vừa tăng cường lực lượng vũ trang canh giữ, nhằm hạn chế tối đa nguy cơ vượt ngục; đến việc tổ chức bài bản khảo sát thực địa, lập kế hoạch xây dựng, tính toán sức chứa và điều kiện sinh hoạt; hoạt động này còn là sự phối hợp liên ngành giữa cải huấn, cảnh sát, quân đội và nội vụ; cùng với những tính toán tập trung các nguồn lực để xây dựng một Trung tâm Cải huấn hoàn chỉnh. Những ý đồ và kế hoạch này, nếu địch thực hiện trọn vẹn, sẽ biến đảo Cù Lao Chàm thành một “*Côn Đảo*” thứ hai, một nhà tù khắc nghiệt, một địa ngục trần gian ở Hội An, trở thành nơi giam cầm, biệt tích lâu dài các lực lượng cách mạng kiên cường trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Việc nghiên cứu tìm hiểu các tư liệu này sẽ góp phần bổ khuyết làm sáng tỏ thêm các thông tin về lịch sử đấu tranh cách mạng ở Hội An nói riêng và lịch sử đấu tranh cách mạng của thành phố Đà Nẵng nói chung ♦

### \* Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An (1999), *Hội An thị xã Anh hùng*, Nxb Đà Nẵng.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An (1999), *Lịch sử Đảng bộ Hội An (1930-1975)*.

3. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2023), *Kỷ yếu tọa đàm khoa học Di tích Nhà lao thực dân, đế quốc ở Hội An - Giá trị bảo tồn và phát huy*.

4. Các tài liệu lưu trữ của Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An.

# CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC HỖ TRỢ BẢO TỒN CÁC DI TÍCH THUỘC SỞ HỮU TƯ NHÂN VÀ CỘNG ĐỒNG Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN

ThS. Phạm Phú Ngọc



Đường Nguyễn Thái Học cuối thế kỷ XX - Ảnh tư liệu

số liệu thống kê, trong khu vực I có tổng cộng 1.130 di tích kiến trúc nghệ thuật<sup>1</sup>. Trong số các loại hình di tích, nhà ở là loại hình chiếm số lượng lớn nhất. Về sở hữu, di tích thuộc sở hữu tư nhân là 930 di tích, chiếm 82,3%; di tích thuộc sở hữu cộng đồng

## 1. Đặc điểm di tích thuộc sở hữu tư nhân và cộng đồng ở Đô thị cổ Hội An

Đặc điểm khá đặc thù của Đô thị cổ Hội An so với các di sản văn hóa khác ở Việt Nam và trên thế giới là có cuộc sống đương đại của người dân trong lòng Đô thị cổ, di sản được xem là “Bảo tàng sống”. Chủ nhân thực sự trong đó chính là cộng đồng dân cư. Cộng đồng dân cư ở đây không chỉ nắm giữ các di tích mà còn đang thực hành, bảo lưu các giá trị di sản văn hóa truyền thống, đưa giá trị di sản đến với bạn bè trong nước và quốc tế. Theo

là 13 di tích, chiếm 1,2%; di tích thuộc sở hữu nhà nước là 187 di tích, chiếm 16,5%. Trong khu vực khoanh vùng bảo vệ II (gồm IIA và IIB), gần như toàn bộ các công trình đều thuộc sở hữu của tư nhân và cộng đồng.

Ngoài ra, di tích lịch sử - văn hóa ngoài vùng ven, phần lớn cũng thuộc hai hình thức sở hữu này, bao gồm nhiều loại hình di tích: Nhà ở, nhà thờ tộc, chùa, đình, miếu, lăng, mộ...

1. Nay thuộc phường Hội An, thành phố Đà Nẵng

## **2. Tình hình thực hiện chính sách và hỗ trợ bảo tồn di tích sở hữu tư nhân và cộng đồng ở Đô thị cổ Hội An**

### **2.1. Về lĩnh vực quản lý**

Từ rất sớm, Hội An đã có dự thảo Quy chế bảo vệ Khu phố cổ (1985), đến năm 1987, Quy chế bảo vệ và sử dụng di tích Khu phố cổ Hội An được UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng chính thức ban hành. Từ sau khi Khu phố cổ được công nhận là Di sản văn hóa thế giới (1999), Hội An đã ban hành nhiều quy chế để quản lý toàn diện các hoạt động trong Khu phố cổ, như: Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích trong Khu phố cổ (2006), Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong Khu phố cổ và một số vùng phụ cận (2008); Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết đặt biển hiệu trên địa bàn thị xã Hội An (2006); Quy chế quản lý hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã Hội An (2007); Quy chế tạm thời về quản lý hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy trên địa bàn thị xã Hội An (2007). Đặc biệt Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích trong Khu phố cổ đã được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần vào các năm: 2008, 2015,... Đến năm 2020, các Quy chế này được tích hợp chung vào Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020, đảm bảo cơ sở pháp lý quản lý lâu dài cho Khu phố cổ.

Song song với đó, từ sớm Hội An cũng đã tiến hành phân loại giá trị bảo

tồn cho từng di tích trong khu vực I theo tiêu chí:

Loại đặc biệt: Bảo tồn được nguyên trạng các yếu tố gốc của tất cả các hạng mục công trình; có nhiều chi tiết kiến trúc, mỹ thuật độc đáo.

Loại I: Bảo tồn được các yếu tố gốc và có giá trị về kiến trúc, lịch sử kiến trúc.

Loại II: Bảo tồn được nguyên trạng các yếu tố gốc và có giá trị về kiến trúc, lịch sử kiến trúc của nếp nhà trước.

Loại III: Bảo tồn được mái ngói âm dương.

Loại IV: Nhà xây, đúc kiểu mới, mái bằng hoặc lợp các loại vật liệu khác không phải là ngói âm dương.

Tương ứng với từng loại di tích này, Quy chế bảo vệ đưa ra các quy định về tu bổ, xây dựng di tích trong khu vực I và II để chủ di tích nắm bắt thực hiện.

Để giải quyết việc cấp phép xây dựng, tu bổ di tích tư nhân - tập thể trong Khu phố cổ, thành phố Hội An giao cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trước đây tham mưu và cấp phép để đảm bảo cho hoạt động kiểm tra, giám sát, cấp phép, tuyên truyền quy định theo Quy chế bảo vệ di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An đã ban hành. Trình tự, thủ tục và các hướng dẫn liên quan được công khai, ngày càng chuẩn hóa, tạo thuận lợi cho chủ di tích khi có nhu cầu. Tổng hợp số lượng cấp phép xây dựng, tu bổ di tích tư nhân - tập thể trong Khu phố cổ giai đoạn 1999 - 2024 như sau:

Năm	Số lượng tiếp nhận				Số lượng cấp phép			
	Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
		Khu vực I	Khu vực IIA	Khu vực IIB		Khu vực I	Khu vực IIA	Khu vực IIB
1999	<b>85</b>	45	36	4	<b>85</b>	45	36	4
2000	<b>97</b>	52	40	5	<b>97</b>	52	40	5
2001	<b>120</b>	117	3	0	<b>120</b>	117	3	0
2002	<b>122</b>	121	1	0	<b>122</b>	121	1	0
2003	<b>179</b>	115	59	5	<b>179</b>	115	59	5
2004	<b>91</b>	44	41	6	<b>91</b>	44	41	6
2005	<b>190</b>	36	62	92	<b>190</b>	36	62	92
2006	<b>94</b>	45	43	6	<b>94</b>	45	43	6
2007	<b>122</b>	52	63	7	<b>122</b>	52	63	7
2008	<b>281</b>	115	111	55	<b>225</b>	80	108	37
2009	<b>412</b>	171	131	110	<b>291</b>	115	91	85
2010	<b>307</b>	97	85	125	<b>217</b>	73	59	85
2011	<b>355</b>	126	97	132	<b>263</b>	93	70	100
2012	<b>323</b>	120	94	109	<b>268</b>	95	81	92
2013	<b>296</b>	97	91	108	<b>245</b>	85	77	83
2014	<b>302</b>	94	100	108	<b>264</b>	83	83	98
2015	<b>206</b>	73	57	76	<b>176</b>	60	50	66
2016	<b>224</b>	90	58	76	<b>222</b>	95	63	64
2017	<b>258</b>	107	67	84	<b>249</b>	102	65	82
2018	<b>230</b>	73	59	98	<b>171</b>	40	42	89
2019	<b>220</b>	74	54	92	<b>149</b>	49	38	62
2020	<b>165</b>	64	43	58	<b>139</b>	53	38	48
2021	<b>121</b>	40	37	44	<b>116</b>	37	36	43
2022	<b>188</b>	81	60	47	<b>162</b>	66	54	42
2023	<b>156</b>	56	50	50	<b>122</b>	44	42	36
10/2024	<b>200</b>	78	41	81	<b>147</b>	58	32	57
<b>Tổng</b>	<b>5.344</b>	2.183	1.583	1.578	<b>4.526</b>	1.855	1.377	1.294

Năm 2008, Hội An ban hành Quy chế phối hợp cấp phép và kiểm tra xử lý vi phạm xây dựng trong Khu phố cổ với sự tham gia của các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương.

Từ năm 2010, Hội An ban hành Cơ chế hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích hàng tháng cho 46 di tích tín ngưỡng cộng đồng có giá trị trên địa bàn thành phố, trong đó có di tích trong Khu phố cổ. Định mức hỗ trợ theo cấp xếp hạng di tích: Di tích cấp quốc gia là 350.000đ/tháng/người, di tích cấp tỉnh là 300.000đ/tháng/người, di tích trong danh mục bảo vệ thành phố Hội An là 270.000đ/tháng/người

Từ năm 2011, Hội An xây dựng đề án thành lập mạng lưới cộng tác viên quản lý, bảo tồn di sản trong Khu phố cổ, kiện toàn lại vào năm 2020 với 27 thành viên, thành phần bao gồm: Khôi trưởng, Tổ trưởng dân phố, cán bộ công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố có liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn Khu phố cổ và những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, những người có tâm huyết với công tác này. Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho đội ngũ này là 150.000đ/tháng/người.

## 2.2. Về lĩnh vực bảo tồn

Từ năm 2004, UBND tỉnh Quảng Nam có quyết định phê duyệt dự án khả thi đầu tư tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ tại khu Di sản văn hóa thế giới Hội An với tổng kinh phí đầu tư hơn 47 tỷ đồng, đối tượng là 94 di tích, trong đó có 30 di tích thuộc sở hữu nhà nước, 64 di tích tư nhân - tập thể, cơ chế đóng góp vốn đầu tư (40% từ vốn ngân sách Trung ương, tỉnh và 60% từ vốn ngân sách của thành phố và dân/chủ di tích đóng góp) và tỷ lệ vốn đầu tư hỗ trợ tu bổ các nhà cổ thuộc sở hữu tập thể, tư nhân từ 40% đến 75% tùy vào từng loại di tích và vị trí của

di tích; đồng thời bổ sung thêm cơ chế hỗ trợ cho vay vốn tu bổ di tích 3 năm không lãi. Đây là dự án đã tạo điều kiện rất lớn về cơ chế kinh phí để đầu tư tu bổ di tích trong Khu phố cổ, hình mẫu trong việc huy động các nguồn lực nhà nước và nhân dân cùng chung tay tham gia vào công tác bảo tồn.

Trên cơ sở thành công của dự án trên, năm 2008, Ủy ban nhân dân thành phố Hội An ban hành Cơ chế quản lý hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa - cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân - tập thể trong Khu phố cổ (đến năm 2020 được tích hợp vào Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An). Theo đó, ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ từ 40% đến 75% kinh phí cho chủ di tích tu bổ, tùy theo giá trị bảo tồn của di tích, địa điểm di tích ở trục đường chính hay kiệt/hẻm và đảm bảo các quy định khác liên quan. Cụ thể: Đối với di tích trong khu vực I: Loại đặc biệt, loại I: Hỗ trợ kinh phí đối với tất cả các hạng mục được tu bổ; Loại II: Hỗ trợ kinh phí đối với các hạng mục được tu bổ của nếp nhà trước, các nếp nhà còn lại được hỗ trợ tu bổ hệ mái (ngói âm dương, rui, hoành và nhân công thực hiện); Loại III, loại IV: Hỗ trợ tu bổ đối với hạng mục hệ mái (ngói âm dương, rui, hoành và nhân công thực hiện). Đối với di tích trong khu vực IIA: Hỗ trợ tu bổ đối với hạng mục hệ mái (ngói âm dương, rui, hoành và nhân công thực hiện). Tỷ lệ hỗ trợ từ 40% - 75% tùy theo giá trị và vị trí di tích, trong đó những di tích có vị trí không thuận lợi: ở các kiệt, hẻm được mức hỗ trợ cao hơn do sự hưởng lợi từ du lịch không bằng các di tích ở trên trục đường chính. Đối với di tích trong khu vực IIA: Nhà nước hỗ trợ 40% cho mỗi hạng mục được hỗ trợ<sup>2</sup>.

2. Khoản 3, Điều 10 Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Hội An.

Ngoài ra, đối với di tích ngoài Khu phố cổ, năm 2010, Hội An cũng đã ban hành Cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư tu bổ các di tích trên địa bàn thành phố Hội An nằm ngoài Khu phố cổ. Theo đó, tùy theo giá trị và hình thức sở hữu, ngân sách nhà nước sẽ có mức hỗ trợ đầu tư tu bổ cụ thể, như: Di tích cấp quốc gia: Di tích nhà nước được đầu tư 100%, di tích sở hữu tư nhân -

tập thể là từ 40% - 100%. Di tích cấp tỉnh: Di tích nhà nước được đầu tư 100%, di tích sở hữu tư nhân - tập thể là từ 40% - 75%. Di tích bảo vệ thành phố: Di tích nhà nước được đầu tư 100%, di tích sở hữu tư nhân - tập thể là từ 30% - 60%.

Tình hình thực hiện cơ chế hỗ trợ này trong thời gian từ năm 1999 - 2023 như sau:

Năm	Số lượng di tích hỗ trợ tu bổ	Kinh phí (ĐVT: Triệu đồng)				Tur nhân đóng góp
		Tổng	Trong đó		-	
			Nhà nước hỗ trợ			
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Tỉnh		
1999	-	-	-	-	-	
2000	4	37.500	37.500	-	-	
2001	22	219.300	219.300	-	-	
2002	7	53.600	53.600	-	-	
2003	12	145.200	145.200	-	-	
2004	5	76.000	68.700	-	7.300	
2005	19	1,313.720	838.650	-	475.070	
2006	40	2,425.634	1,007.666	-	1,417.968	
2007	18	1,051.056	173.350	-	877.706	
2008	19	2,526.389	1,065.358	-	1,461.031	
2009	9	1,179.074	801.078	-	377.996	
2010	10	1,931.575	1,167.299	-	764.276	
2011	18	3,509.965	2,114.002	-	1,395.963	
2012	11	1,414.906	1,040.287	-	374.619	
2013	13	2,069.774	944.463	-	1,125.311	
2014	15	1,916.650	1,318.925	-	597.725	
2015	6	2,399.054	1,509.535	-	889.519	
2016	19	6,323.645	4,149.291	-	2,174.354	
2017	18	3,813.298	2,415.852	-	1,397.446	
2018	6	616.766	339.000	-	277.766	

2019	6	2,375.000	1,745.683	-	629.317
2020	18	1,641.883	1,641.883	-	-
2021	19	1,881.652	1,881.652	-	-
2022	26	9,200.160	9,200.160	-	-
2023	15	4,207.784	4,207.784	-	-
2024	2	580.448	580.448	-	-
<b>Tổng</b>	<b>357</b>	<b>52,910.032</b>	<b>38,666.665</b>	-	<b>14,243.367</b>

Các di tích thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể cộng đồng, các di tích thuộc sở hữu tư nhân có giá trị khi được hỗ trợ đều do cơ quan chuyên môn của thành phố là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An làm chủ đầu tư nhằm đảm bảo thủ tục đầu tư, giải pháp thi công theo nguyên tắc bảo tồn tính chân xác nguyên vẹn của di tích.

Sự hỗ trợ của nhà nước còn được triển khai thông qua nhiều hình thức hết sức thiết thực, cần thiết đối với di tích tư nhân, tập thể cộng đồng; trong đó đặc biệt là có các dự án/chương trình chống môi; hỗ trợ nhân công, gỗ, kỹ thuật... chống đỡ công trình xuống cấp, bảo vệ di tích trước mùa mưa bão.

Bên cạnh nguồn kinh phí đầu tư của nhà nước, chủ di tích cũng đã đầu tư nguồn kinh phí rất lớn để bảo vệ di tích. Ngoài kinh phí tham gia cùng nhà nước trong cơ chế hỗ trợ nêu trên, số lượng 5.344 giấy phép được Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cấp và tham mưu cấp giai đoạn 1999 - 2024 cho thấy, chủ di tích đã đầu tư hàng trăm tỉ đồng. Ngoài ra, kinh phí bỏ ra của chủ di tích, doanh nghiệp còn rất lớn qua các hoạt động góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di tích như: Phòng chống môi mọt, quét vôi, trang trí, kinh doanh, tổ chức

sinh hoạt văn hóa tại di tích tập thể - cộng đồng: hội quán, nhà thờ tộc, đình, miếu...

### 3. Một số khó khăn, bất cập và kiến nghị

#### 3.1. Khó khăn, bất cập

Phần lớn (hơn 80%) di tích trong khu phố cổ thuộc về quyền sở hữu của tư nhân và tập thể. Yêu cầu đặt ra là bên cạnh trách nhiệm bảo tồn bằng được các giá trị di sản (*vật thể, phi vật thể và tư liệu*), thì di sản đó phải tạo ra được nguồn lực đảm bảo để cộng đồng tái đầu tư cho di sản; đồng thời trong hoạt động bảo tồn phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo tồn nghiêm ngặt nhưng đáp ứng được nhu cầu dân sinh trong bối cảnh cuộc sống đương đại. Khi các lợi ích hài hòa thì cộng đồng sẵn sàng chấp thuận, đồng hành với mọi chính sách bảo tồn mà nhà quản lý đề ra. Đây là hai mặt đối lập cần tìm ra sự thống nhất hoàn hảo đảm bảo lợi ích cho các yêu cầu.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển ngay tại từng di tích là nhà ở của người dân trong Khu phố cổ Hội An là vấn đề không mới, và dù đã được nhận diện, giải quyết đạt được nhiều kết quả, song hiện nay vẫn đang là vấn đề hiện hữu cần khắc phục triệt để. Tựu chung lại là:

- Lĩnh vực trùng tu di tích:

+ Yêu cầu trùng tu di tích đảm bảo vật liệu truyền thống nhưng hiện nay, nguồn vật liệu gỗ vô cùng khan hiếm do chính sách bảo vệ rừng; vật liệu ngói thay thế không sản xuất được theo kỹ thuật truyền thống vì yêu cầu bảo vệ môi trường.

+ Chi phí đầu tư cho việc trùng tu di tích mất nhiều thời gian và chi phí hơn. Nhu cầu buôn bán, kinh doanh của chủ di tích không cho phép thực hiện các giải pháp trùng tu thực sự bài bản, khoa học.

+ Nhu cầu tu bổ di tích của người dân ngày càng tăng trong khi đội ngũ nhân công tham gia tu bổ di tích chưa có những quy chuẩn dẫn đến chưa thể kiểm soát lực lượng này trong khi họ là người can thiệp trực tiếp vào di tích.

+ Xung khắc trong giải pháp trùng tu: trong khi yêu cầu tu bổ cần gìn giữ tối đa yếu tố gốc thì chủ di tích mong muốn thay thế cấu kiện, chi tiết hơn là giải pháp chắp nối; nhu cầu thay thế vật liệu lát nền, vữa xây,... của chủ di tích khi tu bổ so với hiện trạng công trình.

- Nhu cầu dân sinh: Người dân mong muốn thụ hưởng những tiện ích hiện đại trong ngôi nhà và các tiện ích công cộng trong khi môi trường sống lại là khu đô thị di sản, các yếu tố bên trong ngôi nhà và quy mô cơ sở hạ tầng đều là một bộ phận cấu thành của di sản.

- Hệ quả của sự phát triển du lịch tác động đến công tác quản lý nhà nước về di sản:

+ Lạm dụng không gian di tích để tổ chức hoạt động kinh doanh, buôn bán,

lấn át không gian sinh hoạt văn hóa, kể cả tự ý thay đổi kiến trúc cho mục đích kinh doanh: tháo dỡ vách ngăn, che chắn sân trời, ...

+ Tình trạng đóng cửa di tích, không có người ở khi không hoạt động kinh doanh, khiến cho cơ quan chức năng khó khăn tiếp cận, nắm bắt tình hình phục vụ công tác quản lý về cháy nổ, bão lụt, trộm cắp...

+ Dân số cơ học tăng mạnh (*khách tham quan*) cùng với dân cư tại chỗ trong một không gian không lớn, tạo sự ngột ngạt, cùng với đó là những nhu cầu thiết yếu về ăn, uống tạo lượng chất thải lớn ra môi trường.

### 3.2. Kiến nghị

Nhu cầu nguồn lực hỗ trợ cho đầu tư bảo tồn di tích tư nhân, cộng đồng ở Đô thị cổ Hội An là rất lớn, cả về kinh phí, nhân lực, kỹ thuật, phương tiện... Trong khi đó, kết quả của hoạt động bảo tồn di tích tư nhân, cộng đồng có ý nghĩa quyết định đến việc bảo vệ tính chân xác, giá trị nổi bật toàn cầu và mọi hoạt động quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An. Do đó, chúng tôi mong muốn rằng UNESCO cùng các tổ chức quốc tế tiếp tục dành sự quan tâm, ưu tiên có những chương trình, dự án hỗ trợ đối với Đô thị cổ Hội An. Đồng thời kính đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ ngành ở Trung ương quan tâm đề xuất cấp thẩm quyền, để có một hành lang pháp lý vững chắc hơn nữa từ Trung ương đến cơ sở, có những cơ chế đặc thù, phù hợp với đặc thù của Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An

# BÌNH ĐỒ KHÔNG GIAN CƯ TRÚ CƯ DÂN HỘI AN: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÌN TỪ ĐỊA - KHẢO CỔ LỊCH SỬ

ThS. Nguyễn Chí Trung



Bến chợ Hội An năm 1994 - Ảnh tư liệu

Tìm hiểu về một vùng đất - vùng dân cư, cùng với các công trình nghiên cứu chuyên ngành về lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội,... việc nghiên cứu được tiếp cận hay cách nhìn từ địa lý - không gian tự nhiên là một định hướng ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm ứng dụng, nhằm góp phần hướng đến một cách tiếp cận đa diện, khách quan về lịch sử - văn hóa. Bởi từ cách tiếp cận địa lý lịch sử - văn hóa - kinh tế - chính trị,... chúng ta mới thực sự hiểu biết một cách toàn diện, đầy đủ, sâu sắc, đúng đắn về quá khứ, hiện tại và định hướng phát triển tương lai về một vùng đất, cộng đồng dân cư, rộng hơn là một quốc gia - dân tộc. Trong

phạm vi của một bài viết, dựa vào kết quả nghiên cứu về địa lý tự nhiên vùng đất Hội An đã được công bố - xuất bản: Địa chí Hội An: Tập 1 - Sinh thái (Nxb Đà Nẵng, năm 2025), nhất là với góc nhìn hạn hẹp: *Bình đồ không gian cư trú cư dân Hội An: Quá trình hình thành nhìn từ địa khảo cổ lịch sử*, bài

viết chỉ xin được gợi mở, đặt vấn đề tìm hiểu bước đầu. Mong có dịp trở lại với một chuyên khảo, chuyên sâu, và với sự tham gia của nhiều học giả chuyên ngành. Mặt khác, nội dung bài viết dưới đây xin được đặt vấn đề, nhằm góp phần lưu ý về định hướng quy hoạch vùng Hội An hiện nay trong không gian thành phố Đà Nẵng, cùng “*kỷ nguyên phát triển vươn mình của dân tộc - Việt Nam*”.

Vùng đất Hội An, sau ngày 1/7/2025 bao gồm các phường: Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây và xã Tân Hiệp, thuộc thành phố Đà Nẵng ngày nay. Nơi đây, vốn là một không gian cư trú cố kết/gắn kết, liên kết về tự nhiên, kinh tế, văn hóa,

xã hội của cả khối cộng đồng cư dân vùng hạ lưu, cửa sông (*Thu Bồn*) - ven biển - Cửa Đại và đảo (*biển*) Cù Lao Chàm, trong suốt chiều dài, tiến trình lịch sử. Nhìn một cách tổng thể, rộng hơn, xa hơn cả về không gian và thời gian, nhiều học giả nghiên cứu còn khẳng định: không gian kinh tế - văn hóa vùng đất Hội An còn nằm trên trục Tây - Đông, từ Mỹ Sơn xuống Kinh đô Trà Kiệu (*thời vương quốc Champa*), ôm dọc hai bên bờ sông Thu Bồn, qua Dinh trấn Quảng Nam (*ở Thanh Chiêm - Điện Bàn*), xuống Phố cảng - thương cảng quốc tế Faifo - Hội An, ra Cửa Đại - Cù Lao Chàm và theo dọc sông Đê Võng (*Lộ Cảnh Giang*) ngược lên/ra tận Cửa Hàn - Đà Nẵng (*của thời thương cảng quốc tế Đại Việt*). Xưa kia, không gian cư trú - không gian văn hóa, kinh tế này hoàn toàn không phụ thuộc vào một cấp hành chính - cấp huyện, mà là tập hợp của từng khu vực/địa bàn dân cư làng - xóm, phe - giáp, thôn - ấp sinh sống trên các cồn - bãi ở ven hai bờ sông; trên cồn - bãi - đầm ở ven biển; và trên đảo - biển. Bình đồ không gian cư trú đó được hình thành, phát triển bởi: sự thay đổi, dịch chuyển của các dòng sông/dòng chảy; sự tạo/bồi, biến đổi của các cồn - bãi bồi, cồn - bãi - đầm... do đặc điểm địa lý tự nhiên nơi đây. Và bởi các lớp dân cư có nguồn gốc bản địa, tiền trú, nhập cư, cùng hội cư - hội nhân, đồng thời cùng hội nhập tiếp biến - giao lưu kinh tế, văn hóa và đã trải qua tiến trình lịch sử hàng ngàn năm từ giai đoạn Tiền - Sơ sử cách ngày nay hơn 3.000 - 2.000 năm. Trên cơ sở/yếu tố này mà từng làng - xã, xóm - thôn - ấp được tiếp nối hình thành và phát triển, số lượng ngày tăng dần, đông đảo trải qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, suốt hơn 3.000 năm trên vùng đất - không gian cư trú này của cư dân Hội An. Thực ra,

mãi đến trước năm 1945, khối cộng đồng dân cư nơi này, về địa giới hành chính vẫn thuộc các tổng, huyện khác nhau của phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Phải sau cách mạng tháng 8/1945 Hội An mới trở thành một địa danh hành chính cấp huyện - tức thị xã Hội An. Lúc này, không gian cư trú cộng đồng dân cư nơi đây (*về cơ bản nằm trong vùng hạ lưu, cửa sông - ven biển*) mới thuộc/ chung về một cấp hành chính - cấp huyện: thị xã Hội An (*sau là thành phố*). Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ xâm lược (1945 - 1975) và 50 năm bảo vệ, xây dựng quê hương (1975 - 2025), cộng đồng cư dân Hội An - trong không gian cư trú này càng được gắn kết chặt chẽ, cùng đấu tranh bảo vệ, xây dựng quê hương, với nhiều chiến công, thành tích xuất sắc: được nhà nước công nhận/phong tặng: Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân và Anh hùng Lao động (*trong thời kỳ đổi mới*). Và chắc hẳn không gian cư trú, không gian kinh tế, văn hóa Hội An xưa sẽ mãi là một thực thể không thể tách rời. Yếu tố, sức mạnh tạo nên sự gắn kết cộng đồng dân cư nơi đây về lịch sử, văn hóa - kinh tế được tạo bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có vai trò, vị trí đặc thù của không gian địa lý tự nhiên. Tìm hiểu bình đồ không gian cư trú của khối cộng đồng cư dân Hội An, trải qua các giai đoạn/thời kỳ lịch sử, nhìn từ địa lý tự nhiên và khảo cổ lịch sử có thể giúp chúng ta phần nào hiểu được tính đặc biệt/đặc thù của một không gian địa lý - văn hóa - kinh tế Hội An<sup>1</sup>.

Nhìn trên tổng thể, Hội An nằm ở vị trí - vùng hạ lưu sông, ven biển và cửa sông/biển. Nơi đây chính là điểm hội

1. Bài viết dưới đây xin sử dụng danh xưng Hội An với khái niệm để chỉ chung cho cả vùng không gian địa lý - văn hóa - kinh tế nơi đây. Về cơ bản bao gồm địa giới hành chính các phường: Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, xã Tân Hiệp thành phố Đà Nẵng hiện nay.

tụ, kết nối của hầu hết các nguồn sông, cửa sông/biển xứ Quảng trước khi ra biển Đông, là trường hợp điển hình: Điểm hội tụ, kết nối giữa “*Lục địa và biển*”. Nhờ vào vị trí này mà từ Hội An có điều kiện thông thương với các vùng của xứ Quảng. Nghĩa là từ Hội An: Ngược theo nguồn Thu Bồn - Vu Gia/Ô Gia, có thể đến được các vùng núi, trung du, đại ngàn - Tây Nguyên ở phía Tây; theo nguồn Chiên Đàn/ Trường Giang có thể đến được cả vùng phía Nam, nối thông Cửa Đại - Hội An với cửa An Hòa, Cửa Lở; theo sông Đẻ Võng/Cổ Cò/ Lộ Cảnh Giang có thể vươn lên cả vùng phía Bắc, nối thông Cửa Đại - Hội An với Cửa Hàn - Đà Nẵng. Hơn nữa, từ Cửa Đại - một cửa biển lớn, vươn ra quần đảo Cù Lao Chàm, liên kết với biển Đông, căng buồm lan tỏa, giao lưu với cả nước và cả thế giới Đông - Tây<sup>2</sup>. Từ đây, theo quan điểm Khu vực học, Hội An nằm ở trung điểm của một trong những tuyến chính của hệ thống “*giao thương châu Á*”, và dễ dàng tiếp xúc, kết nối với “*tuyến giao thương đại dương*”. Nghĩa là bao gồm các tuyến giao thương chính: Tuyến giao thương vùng duyên hải - kết nối cảng biển, cửa sông; tuyến giao thương đại dương - quốc tế Đông - Tây; tuyến giao thương lục địa - kết nối với cả Đông Nam Á bán đảo.

2. Nhiều chứng cứ khảo cổ học, dân tộc học, lịch sử và văn hóa học đã cho biết một hệ thống (*chợ, bến chợ, phường, vựa buôn nguồn*) trao đổi kinh tế dựa vào các dòng sông ở Quảng Nam sớm được hình thành, qua nhiều thời kỳ, giai đoạn lịch sử (*từ thời kỳ cư dân Tiên Sa Huỳnh - Sa Huỳnh, đến cư dân Champa, Đại Việt - Đại Nam*). Không gian trao đổi hàng hóa, từ vùng núi phía Tây Quảng Nam nơi sinh sống của các dân tộc ít người, đến cư dân sống tại vùng gò đồi trung du thuộc các huyện Tiên Phước, Hiệp Đức, Đại Lộc, Phú Ninh, Nông Sơn, Quế Sơn, Hòa Vang trước đây... và xuống vùng đồng bằng, hạ lưu ven biển như Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành và cả Đà Nẵng trước đây... đều có thể trao đổi mua bán sản vật với nhau, tạo thành một mạng lưới buôn bán thủy nội địa khá phong phú, đa dạng.

Ở đây bao gồm cả tuyến di cư; truyền bá văn hóa/văn minh Hoa - Ấn; giao thương - mậu dịch. Cùng với các tuyến giao thương trên biển này mà hình thành những “*con đường tơ lụa*”, “*con đường hương liệu*”, “*con đường gốm sứ*”, “*con đường lúa gạo*”, “*con đường muối*”... mà Hội An cũng là một trung điểm, luôn đóng vai trò quan trọng trên các con đường thương mại đó giữa phương Đông và phương Tây. Với ý nghĩa đó, Hội An không chỉ là một “*Trung tâm kinh tế vùng*” mà còn trở thành “*Trung tâm kinh tế liên vùng*” và ở một mức độ nào đó còn thể hiện như một “*Trung tâm liên thế giới*”<sup>3</sup>. Chính vị trí địa lý tự nhiên đã đưa Hội An trở thành một vùng đất hiếm có, độc đáo ở miền Trung - Việt Nam, với diện tích không rộng nhưng khá đa dạng về địa hình - địa mạo, vùng địa chất, cảnh quan tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên. Bao gồm: tài nguyên địa chất cảnh quan, hệ sinh thái vùng cồn cát/ cồn - bãi - đầm; tài nguyên địa chất cảnh quan, hệ sinh thái vùng cồn - bãi ven sông; tài nguyên địa chất cảnh quan, hệ sinh thái vùng cửa sông - ven biển (*thuộc đới biển ven bờ*); và tài nguyên cảnh quan địa chất, hệ sinh thái vùng biển và đảo. Nghĩa là Hội An nằm trong vùng có đa dạng cảnh quan tài nguyên - môi trường, hệ sinh thái độc đáo ở miền Trung - Việt Nam.

Địa hình vùng đồng bằng của Hội An và cả khu vực lân cận, nhìn tổng thể có cấu trúc lòng chảo, thấp dần từ Tây bắc xuống Đông nam, độ dốc thoải trung bình 0,015°. Độ cao tăng dần khi đi lên phía Tây, ra phía Bắc và vào phía Nam hạ lưu sông Thu Bồn, phần sát biển độ cao rất nhỏ, hiện nay đang còn là vùng đầm

3. Theo nghiên cứu: Nguyễn Văn Kim (chủ biên), 2025, *Hệ thống thương cảng Trung bộ Việt Nam – Tiềm năng, vị thế và các mối giao lưu vùng, liên vùng*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

lầy. Do cấu trúc địa hình như vậy nên nơi đây là chỗ hội tụ các con sông có hướng khác nhau: từ phía Tây đến có sông Thu Bồn và các chi lưu của nó; phía Bắc có sông Đẻ Vỡng, phía Nam có sông Trường Giang. Các con sông này lại xuất phát từ các lưu vực mà có cấu tạo địa hình rất khác nhau. Hai sông Đẻ Vỡng và Trường Giang thuộc loại đầm phá ven biển, do vậy lưu lượng rất nhỏ và hầu như không có phù sa<sup>4</sup>. Cấu trúc này, đã tạo nên Hội An - một địa hình sông nước, với hệ thống sông lớn, nhỏ chằng chịt và chia cắt bởi những bãi/nồng/trảng/cồn cát...; bãi/đầm/hói/vũng nước... chúng được cấu thành bởi nhiều địa hình có nguồn gốc khác nhau của khu vực cửa sông - ven biển - biển đảo. Do nhiều nguyên nhân về nguồn gốc thành tạo, giai đoạn địa chất và các yếu tố tác động khác nhau mà địa hình ở khu vực Hội An có nhiều loại hình nguồn gốc như: Địa hình nguồn gốc sông; Địa hình nguồn gốc sông - đầm lầy; Địa hình nguồn gốc biển; Địa hình nguồn gốc sông - biển; Địa hình nguồn gốc biển - đầm lầy; Địa hình nguồn gốc biển - gió; Địa hình nguồn gốc sông - biển - đầm lầy; Địa hình nguồn gốc hồ - đầm lầy. Với đặc điểm vị trí địa lý cấu thành địa hình, địa mạo khu vực Hội An đã để lại kết quả một vùng đất có những hình thái khá đặc biệt. Theo các nhà nghiên cứu - khảo sát địa chất, lịch sử phát triển địa hình - bình độ không gian cư trú cư dân vùng Hội An và lân cận có thể chia thành 3 giai đoạn, tương ứng với 3 vùng/dạng địa hình sau:<sup>5</sup>

4. Hồ Vương Bình và nnk (1995), *Báo cáo điều tra địa chất đô thị Đà Nẵng - Hội An*, Lưu trữ địa chất, Hà Nội.

5. Theo Vũ Văn Phái, Đặng Văn Bào - Đại học Tổng hợp Hà Nội, *Đặc điểm, địa mạo khu vực Hội An và lân cận - vùng cửa sông Thu Bồn*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (1991), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. tr.87 - 97.

Giai đoạn trước Công nguyên: sự phát triển địa hình trong giai đoạn này có liên quan chặt chẽ với đợt biển tiến. Lúc này khi mực nước biển đạt tới mức cực đại (*cao hơn khoảng 4 - 5m so với mực biển hiện nay*), hầu hết khu vực bị nước biển tràn ngập. Các quá trình địa mạo bờ biển hoạt động mạnh mẽ để tạo nên các bề mặt cát biển cao 5 - 7m. Tương ứng với bình đồ - địa hình/địa mạo dạng này là một dải cồn - bãi - trảng - nong... cát và bầu kéo dài từ Lai Nghi, Điện Bàn xuống vùng đất Thanh Hà - Cẩm Hà, thuộc Hội An Tây hiện nay, xuống sông Cỏ Cò/ Lộ Cảnh Giang - gần sát biển. Đây chính là vùng/ dạng địa hình cồn cát phía Tây, được hình thành không bị ngập nước biển sớm nhất ở vùng Hội An.

Giai đoạn từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XVI - XVII: Vào đầu Công nguyên, mực biển đạt cực đại làm cho vùng cửa sông Thu Bồn trở thành vũng biển. Từ trước Công nguyên đến thế kỷ XVI - XVII, mực nước biển còn dâng cao, phần lớn vùng cửa sông Thu Bồn kéo dài lên đến các xã Cẩm Kim và phần lớn vùng phía Đông - Nam vùng Hội An đều ngập nước (*tạo thành vùng cửa sông loe như hình phễu*). Sau đó mực nước biển lại bắt đầu hạ thấp dần, tiến trình đó kéo dài từ đầu Công nguyên cho đến thế kỷ XVI - XVII và tiếp tục cho đến nay với các dạng địa hình có nguồn gốc khác nhau lần lượt được tạo thành<sup>6</sup>. Tiến trình này cũng hình thành nên các dạng địa hình/bình đồ: Vùng thấp trũng và vùng ngập nước ở Hội An sau này. Vùng thấp trũng điển hình có ở khu vực Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong (*thuộc phường Hội An hiện nay*) và Cẩm Châu, Cẩm Thanh (*Hội An Đông hiện nay*) và các đảo (*sông*) thuộc Cẩm Thanh và

6. Hiện nay, mực nước biển đang ở thời kỳ nước biển sẽ dâng cao dần.

Cầm Nam, Cầm Kim (*thuộc phường Hội An hiện nay*). Dải bãi - cồn cát ven biển thuộc vùng An Bàng - Cầm An, xứ Phước Trạch (*thuộc Hội An Tây và Hội An Đông hiện nay*) cũng được hình thành sau khi biển lùi vào giai đoạn đầu Công nguyên. Vùng/dạng địa hình ngập nước điển hình thuộc khu vực hạ lưu sông Thu Bồn: như khu rừng dừa nước Cầm Thanh, và một số nơi cồn nổi trên các sông thuộc Cầm Nam, Cầm Thanh, Cầm Kim (*trước đây*). Dạng địa hình/vùng đảo duy nhất có cư dân sinh sống tại Hòn Lao - Cù Lao Chàm. Vùng đảo này có mối quan hệ hữu cơ mật thiết với vùng hạ lưu sông Thu Bồn - rừng ngập nước Cầm Thanh trong hệ sinh quyển.

Từ thế kỷ XVII đến nay, cửa sông Thu Bồn đã bị ảnh hưởng bởi các nhân tố tự nhiên và các hoạt động kinh tế của con người, biến đổi cửa sông diễn ra theo nguyên lý “*Bồi tụ vùng châu thổ*” và nguyên lý “*Cửa sông*” đã hình thành nên các vùng đất cao hay đầm lầy tại Cầm Thanh, Cầm Châu, Cầm Hà trước đây. Trong đó bao gồm cả sự lấp cạn của con sông Cổ Cò, sự chuyển dịch mạnh mẽ, liên tục của sông chính ở vùng hạ lưu, và sự bồi cạn chuyên dịch cửa biển - Cửa Đại xuống phía Nam<sup>7</sup>. Một trong những đặc

7. Trong khoảng thời gian 6.000 năm trở lại đây đã xảy ra hai lần biển tiến: Lần biển tiến thứ nhất vào khoảng 6.000 - 4.000 năm trước. Đây là lần biển tiến mạnh mẽ nhất, mực nước cực đại trong thời gian này cao hơn mực nước biển hiện nay từ 4 - 5m. Do vậy cả một vùng rộng lớn nằm trong biển và sau khi biển thoái, một vùng rộng lớn bao quanh hạ lưu sông được che phủ bởi cát có nguồn gốc biển với tuổi trên 4.000 năm. Sau khi biển rút cùng với sự tương tác do quá trình hoạt động của sông, nên hiện nay chỉ còn hai đôi tượng địa hình được hình thành trước khi biển tiến. Lần biển tiến thứ hai đạt mức cực đại vào khoảng đầu Công nguyên khoảng 2.000 năm trước. Các dao động không theo chu kỳ này (*hiện tượng biển tiến và biển lùi*) có ý nghĩa quyết định sự hình thành và phát triển địa hình khu vực Hội An và lân cận.

điểm khác về địa hình của vùng Hội An nói riêng, đồng bằng xứ Quảng nói chung đó là ở giữa những dãy cồn cát di động xuất hiện những dải đất trũng, nước ngọt khá rộng gọi là “*bàu*”. Chúng là nguồn gốc của những vụng biển nhỏ nằm song song với đường bờ biển và thông với biển qua những “*cửa*” vụng nhất định. Sự xâm lấn của các cồn cát di động và do các cửa ngày càng bị bịt kín làm cho chúng (*các vụng biển*) bị cô lập với biển mà trở thành hồ. Các cửa bị vùi dưới cát được nhân dân địa phương gọi là “*cửa lấp*”. Nước trong các vụng biển/ bầu ngày càng giảm độ mặn, mặc dù được nước mặn cung cấp thêm, chúng vẫn cạn dần và trở thành đất trũng. Các thời kỳ biển tiến, lùi nêu trên ở khu vực Hội An, cùng với những hoạt động của hệ thống sông Thu Bồn, Vu Gia... ngày nay vẫn không ngừng tích tụ các trầm tích hỗn hợp sông biển, gây hiện tượng chuyên dời mạnh mẽ hoặc làm lấp đầy, chắm dứt việc lưu thông của các nhánh sông như các sông Đẽ Vững, sông Đò, sông Thanh Hà... và toàn bộ khu vực Hội An.<sup>8</sup>

Đặc điểm địa lý tự nhiên này đã có tác động chi phối mạnh mẽ và ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình hình thành và phát triển của các lớp, khối cộng đồng dân cư ở đây trong đời sống sinh hoạt kinh tế - văn hóa. Đặc biệt là với vai trò một cảng - thị quốc tế trong lịch sử. Đối chiếu tư liệu/kết quả khảo cổ học: Tại di tích khảo cổ học Bãi Ông, Cù Lao Chàm, Hội An năm 1999, 2000 các nhà khảo cổ học đã phát hiện được khá nhiều hiện vật gốm thô (*đất nung*), hiện vật đá, công cụ mài như rìu tứ giác ngắn, rìu có vai, lưỡi ghe,

8. Phần trình bày này của chúng tôi dựa vào kết quả nghiên cứu được công bố trên *Địa chỉ Hội An - Tập 1 - Sinh thái*, Nxb Đà Nẵng, 2025.

bàn mài nhiều loại; Công cụ từ chất liệu cuội: Hòn kê, chày, hòn đập, bàn nghiền, dụng cụ miết gốm, chì lưới...; hoặc răng hàm cá, kim bằng xương, mảnh nhuyễn thể, hạt cây, than tro... Chúng được nằm trong tầng văn hóa ổn định, có niên đại xác định bằng phương pháp các-bon phóng xạ qua mẫu than ( $C_{14}$ ):  $3.100 \pm 60$  BP (tức là cách ngày nay khoảng hơn 3.000 năm). Đến trước sau Công nguyên, vùng cư trú - Bãi Ông Hội An đã bị nước biển dâng - biển tiến, vùi lấp. Phải đến hơn 1.000 năm sau - vào khoảng các thế kỷ VIII, IX - X mới trở lại có cư dân sinh sống (tương ứng với thời kỳ cư dân thuộc vương quốc Champa).

Ở vùng dạng địa hình cồn cát phía Tây được hình thành vào giai đoạn trước Công nguyên, kết quả nghiên cứu điền dã, khảo cổ học cho thấy những khu di tích - di chỉ mộ táng văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, tập trung cơ bản trên một dải cồn cát lớn ở đây, liên tiếp, kéo dài khoảng 5 - 6km, ôm bên dưới bởi một dòng chảy nhỏ/con sông chảy theo hướng chủ đạo là Tây - Đông, mà nay chỉ còn lại dấu vết, tục danh địa phương ngày nay gọi là Rọc gốm. Cồn cát lớn này, chạy từ phía Tây (giáp với Lai Nghi, Điện Bàn) xuống phía Đông (đến trung tâm Hội An hiện nay) lại được chia cắt bởi các dòng chảy nhỏ cắt ngang, chạy theo hướng Bắc - Nam (thường khô/cạn vào mùa hè/khô) để tạo nên những cồn nhỏ, bị chia cắt nhau vào mùa mưa. Trên các cồn nhỏ này hình thành nên các di tích - di chỉ cư trú từ Đông xuống Tây là: Lai Nghi, Trảng Sỏi, Thanh Chiêm, An Bang, Hậu Xá II, Hậu Xá I, Xuân Lâm.

Tất cả đều mang tính chất phân bố men theo dòng chảy mà nay chỉ còn lại dấu vết hoặc là con sông chết. Đặc biệt các

hiện vật này đều cho thấy sự ảnh hưởng, giao lưu với văn hóa Hán (*Trung Quốc*), Văn hóa Đông Sơn, Óc Eo (ở phía Bắc và Nam, Việt Nam), và cả vùng Nam, Đông Nam Á hải đảo. Có thể nói, vào giai đoạn này (trước và đầu Công nguyên - cách đây khoảng 2.000 năm), Hội An đã là tiền cảng thị hay cảng thị sơ khai (*Preport - town or Embryonary port town*) là tiền đề cho sự hình thành những tiểu vương quốc Champa vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Cũng trên dải cồn cát này, là hệ thống di chỉ - di tích thuộc thời kỳ cư dân Champa từ thế kỷ II - III đến thế kỷ XIII - XIV<sup>9</sup>.

Sau giai đoạn từ đầu Công nguyên cho đến thế kỷ XVI - XVII và tiếp tục cho đến nay, các dạng địa hình/bình đồ: Vùng thấp trũng và vùng ngập nước ở Hội An lần lượt hình thành các khu vực đủ điều kiện cư dân sinh sống. Thông qua di tích

9. Qua các lần khai quật, đào thám sát khảo cổ, hiện vật phát hiện được tại các di tích này phổ biến là gốm gia dụng, vật dụng, gạch, ngói ống với chất liệu gốm hơi mịn, đồ án trang trí chủ yếu hoa văn ô vuông. Địa tầng thể hiện rất rõ sự chuyển tiếp từ văn hóa Sa Huỳnh lên Champa. Bao gồm các di tích khảo cổ học: Đồng Nà (*Cấm Hà trước đây*): Niên đại khoảng thế kỷ II đến III, IV; Trảng Sỏi (*Thanh Hà trước đây*): Thế kỷ VIII đến XIV; Thanh Chiêm (*Thanh Hà trước đây*): Niên đại khoảng thế kỷ I kéo dài đến XVII - XVIII; Hậu Xá I (*Thanh Hà trước đây*): Niên đại tầng văn hóa I từ thế kỷ III - IV đến X - XI, tầng văn hóa II từ thế kỷ I đến III - IV; Lăng Bà (*Cấm Thanh trước đây*): Niên đại khoảng thế kỷ IX - X đến XVI - XVIII; Khu vực I (*Cấm Phô trước đây*): Niên đại khoảng thế kỷ III - IV; Bãi Làng (*Cù Lao Chàm*): Niên đại khoảng thế kỷ VII đến X... Đặc biệt với mật độ phát hiện hiện vật gốm bán sứ, sứ có nguồn gốc từ Việt Nam, Trung Quốc, Islam, Chăm... niên đại từ thế kỷ III - IV đến XIII - XIV đã thể hiện rõ một điểm tụ cư, buôn bán sầm uất trên sông vào thời kỳ Champa. Trên đất Thanh Hà hiện còn khá nhiều giếng cổ tương truyền có từ thời Chăm hoặc do người Việt học theo cách của người Chăm xây dựng từ rất lâu rồi. Hay còn nhiều phiến đá trong kiến trúc tín ngưỡng của người Chăm, có trang trí hoa văn đẹp hiện còn lưu giữ trong các chùa, miếu ở Thanh Hà.

khảo cổ học, di tích lịch sử - văn hóa và tư liệu/tài liệu/thư tịch lịch sử, chúng ta có thể nhận biết khá rõ quá trình kiến tạo/hình thành các dạng địa hình này, cùng với sự hình thành các cộng đồng dân cư làng - xã, xóm - thôn - ấp, phe - giáp ở vùng Hội An. Vào thế kỷ XV đã xuất hiện cư dân Việt, trên cơ sở vùng đất này vốn đã có cư dân Chăm cư trú - với Chiêm cảng (*cảng của người Champa*) và Lâm Ấp phố (*phố của người Lâm Ấp/ Champa*) từ các thế kỷ trước. Thuở ban đầu, qua số lượng di tích/dấu tích cho biết cư dân Việt ở đây với số lượng rất ít ỏi, nhưng tăng nhanh một cách đột biến vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII cho đến thế kỷ XVIII - XIX<sup>10</sup>. Cụ thể, vào thế kỷ XV - XVI, trên vùng đất Hội An hiện nay đã có các làng/xã: Vông Nhi, Cẩm Phô, Hoài Phô, Cổ Trai, Thanh

---

10. Cùng với sự kiến tạo, hình thành các dạng địa hình làm cho bình đồ không gian cư trú cư dân Hội An mở rộng, phát triển, ngoài biến động dân cư tự nhiên, còn bởi do biến động cư dân cơ học đó là: Có 4 đợt di dân lớn theo sau các đợt tấn công của vua chúa các triều đình phong kiến Việt Nam vào Đàng Trong - Xứ Quảng trong đó có Hội An. - Đợt thứ nhất gắn với sự kiện Huyền Trân Công chúa đời nhà Trần năm 1306 - đợt này mới chỉ có hiện tượng di dân. - Đợt thứ hai gắn với cuộc tấn công quy mô lớn của cha con Hồ Quý Ly năm 1402 - đợt này di dân vào đây đã có tổ chức, nhưng chưa có điều kiện để lập làng/xã. - Đợt thứ ba gắn với cuộc tấn công khẳng định chủ quyền lãnh thổ của vua Lê Thánh Tông (*niên hiệu Hồng Đức*) năm 1471. Sau sự kiện này lần lượt các làng/xã ở Hội An ra đời. - Đợt thứ tư: Đây là đợt di dân lớn, lâu dài thường xuyên, liên tục được bắt đầu từ chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558 sau cả Quảng Nam năm 1570 và đặt dinh trấn Quảng Nam năm 1602 cho đến triều nhà Nguyễn. Nhiều làng xã tiếp tục ra đời và phát triển mạnh mẽ về mọi mặt. Đặc biệt là về kinh tế thương nghiệp, nội thương, ngoại thương. Ở đây, bao gồm cả sự nhập cư của cư dân/thương nhân Hoa, Nhật... và hiện tượng di dân có tính chất đơn lẻ của một số người hay nhóm tộc họ nào đó vì kẻ sinh nhai “*đất lành chim đậu*” hay là tị nạn chính trị hoặc các tội đồ trong thời Lê đã vào đây ở các thời kỳ trước và sau hoặc khoảng giữa các đợt di dân lớn nêu trên và sau này vào các thời kỳ chiến tranh: 1954, và trước 1975.

Hà, được thành lập. Sang thế kỷ XVII có các làng - xã : Hội An, Thanh Châu, Minh Hương, Đê Vông, Hoa Phô, An Mỹ, Xuân Mỹ, Tân Hiệp (*ở Cù Lao Chàm*), Phước/Phúc An hay Phước Trạch. Thế kỷ XVIII có các làng - xã: Kim Bồng (*Đông, Tây*), Phong Hộ, Tân An, Hòa Yên. Thế kỷ XIX có làng Mậu Tài. Riêng Thanh Châu sang thế kỷ XIX - đầu XX tiếp tục chia tách thành các làng Thanh Đông, Thanh Tây, Thanh Nam, rồi: Thanh Nhứt, Thanh Nhì, Thanh Tam.<sup>11</sup>

Có thể khái quát bức tranh, cô đọng nhất về đặc điểm hay tính đặc thù của bình đồ không gian cư trú cư dân vùng đất Hội An. Do nằm ở vị trí - vùng hạ lưu sông, ven biển và cửa sông/biển - nơi đây chính là điểm hội tụ, kết nối của hầu hết các nguồn sông, cửa sông/biển xứ Quảng trước khi ra biển Đông, là trường hợp điển hình: Điểm hội tụ, kết nối giữa “*Lục địa và biển*”. Quá trình hình thành/cấu thành, thay đổi/chuyển đổi địa hình - thủy đạo chịu ảnh hưởng/tác động mạnh mẽ của các chu kỳ biển tiến - biển lùi, của cả hệ thống sông chính và thủy nội địa. Nơi đây được cấu thành bởi nhiều nguồn gốc khác nhau của khu vực cửa sông - ven biển - đảo, có địa sinh thái biển - đảo, đầm, rừng ngập mặn, vừa có địa sinh thái còn/bãi/nồng/trảng cát; Bàu/hói/vũng nước; mương, lạch... được bao bọc bởi sông trong - sông ngoài và hệ thống còn, bãi bồi trên sông nước... Nét chủ đạo tạo nên bình đồ, quy hoạch không gian cư trú Hội An chính là theo dòng chảy chính theo hệ/trục nguồn Thu Bồn qua khu vực

---

11. Đến trước ngày 1/7/2025 (*trước khi chính quyền cấp huyện - thành phố Hội An sáp nhập*) thì Hội An gồm có 13 xã/phường đó là: Cẩm An, Minh An, Tân An, Cẩm Châu, Cửa Đại, Cẩm Nam, Cẩm Phô, Sơn Phong, Thanh Hà, Cẩm Hà, Cẩm Kim, Tân Hiệp.

Hội An, cùng với 2 con sông: Đê Vông và Trường Giang, về cơ bản chảy theo hướng Bắc - Nam, tạo thành sông trong/sau, sông ngoài/trước với hướng cơ bản là Tây - Đông hoặc Tây Bắc - Đông Nam, và những dòng chảy này luôn có xu hướng dịch chuyển dần xuống phía Nam. Nói thông giữa sông trong, sông ngoài, bởi dày đặc các dòng chảy theo hướng Bắc - Nam. Các dòng chảy này thường khô cạn vào mùa hè/nắng/khô, nhưng lại là những khe/suối/mương... nước chảy khá mạnh vào mùa mưa (ví như khe *Ồ Ồ qua lạch Chùa Cầu*). Đồng thời, ngược lại nó cũng có tác dụng chia bớt lượng nước ở sông trước sang sông sau, khi sông trước, cùng các nhánh phụ của hệ thống chính - sông Thu Bồn bị ngập lụt, nước dâng cao. Trên những dòng chảy này, chia cắt liên tiếp là các chuỗi cồn/bãi/trảng tạo điều kiện môi trường cho các lớp dân cư sinh sống<sup>12</sup>. Vì vậy, chúng chia cắt địa hình với một đặc thù rất điển hình/rõ nét đó là: Cứ một cồn gắn với địa bàn dân cư lại có một dòng chảy và liên tiếp như vậy nếu cắt theo trục Đông - Tây. Từ phía tây giáp với huyện Điện Bàn trước đây, xuống phía Đông - Trung tâm Hội An hiện nay, tạo nên các di tích - di chỉ cư trú: Lai Nghi, Trảng Sỏi, An Bàng, Thanh Chiêm, Hậu Xá, Xuân Lâm... mỗi điểm này lại cách nhau một dòng chảy nhỏ cắt ngang, chạy theo hướng Bắc - Nam. Ngoài ra, lấy phố cổ Hội An hiện nay làm trung tâm, thì ta thấy các di tích như: Đòng Nà, Bàu Ốc, Bàu Sấu, Trảng Kèo, Trà Quế (*Cấm Hà*)... ở phía Bắc, Tây - Bắc, Trà Quân, Lãng Bà (*Cấm Thanh trước đây*), An Bàng, Phước Trạch (*Cấm An - Cửa Đại trước*

12. Ngoài ra cũng cần phải kể đến các nhánh sông nội vùng: Sông Đò, sông Đính, sông Thanh Hà và mương, lạch, suối - khe, dòng chảy cỏ, dòng chảy mùa mưa...

*đây*)... ở phía Đông; hay Xuân Lâm (*Cấm Phô trước đây*) ở ngay cồn trung tâm Hội An. Cùng với các cồn/bãi có nguồn gốc biển, sông - biển hay sông... lần lượt hình thành không gian cư trú của các lớp dân cư Hội An qua từng thời kỳ, có chuyển tiếp, nhưng cũng khá nhiều điểm cư trú lần lượt được hình thành trên những “*Xóm mới*”, bãi bồi, “*châu bồi - cồn nổi trên sông*”... tạo nên bức tranh bình đồ cư trú của cư dân Hội An khá đa dạng, phong phú. Điều này đã được minh chứng khá sống động qua các di tích - di chỉ khảo cổ học và tư liệu về quá trình hình thành khối cộng đồng cư dân Hội An trong lịch sử.

Với những đặc điểm về vị trí, địa hình, thủy đạo, tạo nên bình đồ không gian cư trú cư dân Hội An - nhìn từ địa - khảo cổ lịch sử được trình bày ở trên, có thể nói đây là cơ sở tạo nên tính đa dạng sinh học - hệ sinh thái và kinh tế - văn hóa ở Hội An, đồng thời cũng là cơ sở tạo nên sự đa dạng, phong phú của Di sản văn hóa Hội An (*cả về vật thể và phi vật thể*). Có văn hóa sông nước, văn hóa biển, văn hóa nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thương (*thị dân*), cả sự kế thừa, giao lưu, hội nhập, tiếp biến văn hóa quốc tế, và với sự độc đáo về một Di sản đô thị, Đô thị sinh thái - nhân văn nổi bật toàn cầu, là sự gắn kết giữa Di sản văn hóa với Khu dự trữ sinh quyển thế giới trong một không gian địa - kinh tế - văn hóa rộng mở. Đây chính là đặc điểm đáng được quan tâm trong quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan - dân cư - quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đất Hội An hiện nay, trong không gian thành phố Đà Nẵng và “*kỷ nguyên phát triển vươn mình của dân tộc - Việt Nam*” ♦

# GIÓ MÙA TRONG CẤU TRÚC, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG CẢNG HỘI AN

CN. Nguyễn Văn Thịnh



Một góc Cù Lao Chàm cuối thế kỷ XX - xã Tân Hiệp, thành phố Đà Nẵng

Trong lịch sử hình thành và phát triển của các thương cảng cổ ở khu vực Đông Nam Á, yếu tố tự nhiên, đặc biệt là chế độ gió mùa giữ vai trò quan trọng, chi phối trực tiếp hoạt động hàng hải, thương mại và đời sống xã hội cảng thị. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu về thương cảng Hội An, gió mùa thường chỉ được nhắc đến như một điều kiện tự nhiên thuận lợi cho giao thương, chứ chưa được xem xét như một nhân tố cấu trúc, góp phần định hình quá trình vận hành kinh tế, xã hội và văn hóa của cảng thị này.

Bài viết này tiếp cận dưới góc độ xem gió mùa không chỉ là bối cảnh, điều kiện tự nhiên mà là một tác nhân lịch sử tác động, ảnh hưởng đến hoạt động

thương mại, tổ chức cư trú - không gian và sinh hoạt văn hóa tại Hội An, một đô thị thương cảng gắn chặt với các yếu tố tự nhiên - gió mùa.

## 1. Chế độ gió mùa trong tổ chức hoạt động thương mại của thương cảng Hội An

Hội An nằm trong không gian biển Đông, khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ gió mùa nhiệt

đới, yếu tố tự nhiên mang tính quy luật, chi phối trực tiếp hoạt động hàng hải và thương mại biển trong khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh kỹ thuật hàng hải tiên cận đại còn phụ thuộc lớn vào sức gió, sự luân phiên của chế độ gió mùa đã quyết định lịch trình di chuyển của tàu thuyền, tổ chức cấu trúc và vận hành thương mại của thương cảng Hội An theo chu kỳ tự nhiên.

Các tuyến hải thương quốc tế đi qua vùng biển Việt Nam, từ Malacca, Goa đến Macao, Trung Quốc và Nhật Bản, đều tuân thủ lịch trình gió mùa: từ khoảng tháng 3 đến tháng 9 là gió thổi từ Tây nam lên Đông bắc, thuận lợi cho các đoàn thuyền đi lên phía Bắc; từ tháng 9 đến tháng 12 là gió thổi từ Đông bắc xuống Tây nam, tạo điều kiện cho hành

trình trở về phương Nam<sup>1</sup>. Chính chu kỳ gió mùa này đã định hình hải trình, thời gian di chuyển cũng như điểm dừng chân của các đoàn thương thuyền trong mạng lưới hải thương khu vực.

Các ghi chép sớm của giáo sĩ Cristoforo Borri cho thấy hoạt động giao thương với Đàng Trong không diễn ra liên tục quanh năm, mà tập trung trong khuôn khổ một mùa hội chợ kéo dài nhiều tháng tại các cảng thị. Theo Borri, giao dịch thương mại với Đàng Trong “*chủ yếu là Trung Hoa và Nhật Bản trong hội chợ tại một cảng của xứ này kéo dài chừng 4 tháng*”<sup>2</sup> và chính hình thức buôn bán theo mùa vụ đó đã mang lại nguồn thu đáng kể cho chính quyền sở tại. Nhận xét này phản ánh rõ mối liên hệ giữa điều kiện gió mùa và hình thức tổ chức thương mại tại các thương cảng miền Trung, trong đó cảng thị Hội An giữ vai trò trung tâm.

Các thương nhân đến Hội An không chỉ để trao đổi hàng hóa, mà còn để chuẩn bị cho những chặng hải hành tiếp theo. Theo ghi chép của Pierre-Yves Manguin, thương nhân thường ghé Cù Lao Chàm và Hội An để bổ sung nước ngọt, lương thực, chuẩn bị cho các chuyến đi từ Hội An đến Macao (*khoảng 9 ngày*) hoặc đến Malaya (*khoảng 20 ngày*)<sup>3</sup>. Điều này cho thấy Hội An không chỉ là điểm đến cuối cùng, mà còn là một trạm trung chuyển quan trọng trong cấu trúc, tổ chức hải thương vận hành theo gió mùa.

Sự phụ thuộc vào chu kỳ gió mùa không chỉ quy định thời điểm tàu thuyền đến và rời cảng, mà còn kéo dài thời gian lưu trú của thương nhân ngoại quốc tại Hội An. Chen Ching Ho, trong nghiên cứu về cộng đồng Hoa thương ở Hội An, đã chỉ ra rằng, một bộ phận thương nhân là những người “*vì gió mùa không thuận, hoặc vì thương vụ kéo dài, không kịp gió mùa tháng Bảy, tháng Tám để trở về, đành phải lưu lại qua năm chờ kỳ gió sang năm mới về Bắc*”<sup>4</sup>. Hiện tượng này cho thấy gió mùa không chỉ là yếu tố tự nhiên, mà còn là tác nhân trực tiếp tạo nên chu kỳ thời gian cư trú đặc thù của xã hội thương nhân tại cảng thị Hội An.

Từ đó có thể thấy, các hoạt động buôn bán, lưu trú và giao lưu xã hội tại Đô thị thương cảng Hội An đều được tổ chức xoay quanh chu kỳ gió mùa, đặc điểm này khác biệt căn bản với các bến trao đổi nội địa hay các điểm giao thương không phụ thuộc trực tiếp vào yếu tố môi trường, hàng hải biển.

## **2. Gió mùa và hiện tượng thương nhân “lưu đông” đến sự định hình cấu trúc, tổ chức cư trú - không gian đô thị thương cảng Hội An**

Một trong những hệ quả xã hội quan trọng nhất của chế độ gió mùa đối với thương cảng Hội An là hiện tượng thương nhân “lưu đông”, đó là việc các thương nhân ngoại quốc buộc phải cư trú dài ngày, thậm chí kéo dài nhiều tháng hoặc qua năm, tại cảng thị để chờ đợi điều kiện hải trình thuận lợi. Trong bối cảnh kỹ thuật hàng hải tiền cận đại còn phụ thuộc chặt chẽ vào yếu tố tự nhiên, việc không kịp rời cảng trước khi gió đổi chiều đồng

1. Hoàng Thị Anh Đào (2017), “Hoạt động thương mại - truyền giáo của Bồ Đào Nha và Pháp ở Việt Nam (thế kỷ XVI - XIX)”, *Luận án tiến sĩ Lịch sử*, Huế, tr.32.

2. Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, tr. 90.

3. Pierre-Yves Manguin, *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Champa* (Người Bồ Đào Nha trên các bờ biển Việt Nam và Champa), Paris: École française d'Extrême-Orient, 1972, tr. 92-94.

4. Chen Ching Ho (1965), Mấy vấn đề về người “Minh Hương”, *Tân Á Sinh hoạt lưỡng châu san*, quyển 8 kỳ 12, tr.1-4.

nghĩa với việc thương nhân phải ở lại Hội An trong suốt mùa gió bất lợi, chờ đến chu kỳ gió tiếp theo mới có thể tiếp tục hành trình.

Nhà nghiên cứu Chen Ching Ho đã chỉ ra nguyên nhân cốt lõi của hiện tượng này là “*vì gió mùa không thuận*”, khiến nhiều thương nhân “*không kịp gió mùa tháng Bảy, tháng Tám để trở về, đành phải lưu lại qua năm, chờ kỳ gió sang năm mới về Bắc*”<sup>5</sup>. Nhận định này cho thấy “*lưu đông*” không phải là hiện tượng ngẫu nhiên hay cá biệt, mà là hệ quả trực tiếp của quy luật gió mùa, diễn ra phổ biến và có tính cấu trúc trong hoạt động thương mại của thương cảng Hội An.

Trong thời gian lưu trú dài ngày, thương nhân không chỉ tiến hành giao dịch hàng hóa, mà còn dần tham gia vào đời sống kinh tế - xã hội của đô thị thương cảng. Do ảnh hưởng của chế độ gió mùa, nhiều thương nhân Trung Hoa và Nhật Bản phải ở lại Hội An trong mùa đông, từ đó phát sinh nhu cầu thuê nhà ở, kho bãi, thiết lập các mối quan hệ buôn bán và sinh hoạt lâu dài với cư dân bản địa. Việc lưu trú kéo dài khiến họ không còn tồn tại như những “*khách buôn tạm thời*”, mà từng bước trở thành một bộ phận gắn bó mật thiết với đời sống đô thị thương cảng Hội An. Đặc biệt, khi chúa Nguyễn thực hiện các chính sách ưu đãi khi cho phép các thương nhân người Nhật, người Hoa lập phố riêng: “*Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm và nơi thuận tiện để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố, một phố người Tàu và một phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực*

*riêng, có quan cai trị riêng, và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu và người Nhật cũng vậy*”<sup>6</sup>.

Những ghi chép của Pierre Poivre vào giữa thế kỷ XVIII phản ánh sinh động thực tế này. Khi đến Hội An, ông đã nhận xét rằng “*đã có rất nhiều thương điếm cho thuê, muốn bao nhiêu cũng được; những nhà lớn nhất thường cho thuê với giá khoảng một trăm đồng bạc trong suốt vụ gió mùa*”<sup>7</sup>. Poivre cho biết các thương xá lớn có thể được thuê trọn vẹn “*suốt cả mùa gió*” với giá lên tới 1.00 piastres<sup>8</sup>. Những tư liệu này cho thấy nhu cầu lưu trú dài ngày của thương nhân đã thúc đẩy sự phát triển của các phạm vi, không gian cư trú và buôn bán mang tính ổn định, phục vụ trực tiếp cho đời sống của các thương nhân tại thương cảng Hội An theo từng chu kỳ gió mùa.

Hiện tượng “*lưu đông*” không chỉ kéo dài sự hiện diện của thương nhân ngoại quốc, mà còn tác động sâu sắc đến cấu trúc, tổ chức cư trú và tổ chức không gian đô thị của Hội An. Pierre Poivre ghi nhận tại đây có khoảng 6.000 người Hoa, phần lớn là những đại thương gia, nhiều người cưới vợ Việt và nộp thuế cho chính quyền sở tại<sup>9</sup>. Chính sự cư trú kéo dài theo chu kỳ gió mùa đã tạo điều kiện cho quá trình chuyển biến từ lưu trú tạm thời sang cư trú bán ổn định, thúc đẩy sự hình thành các khu phố người Hoa, người Nhật, cùng hệ thống nhà ở kết hợp kho hàng, một dạng không gian đặc trưng của đô thị thương cảng Hội An, nơi chức năng sinh hoạt và thương mại đan xen chặt chẽ.

6. Cristoforo Borri (1998), sách đã dẫn, tr.98.

7. Thành Thế Vỹ (1961), *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb Sử học, tr.193.

8. Philippe Hédúy (2025), *Lịch sử chinh phục Đông Dương 1624 - 1885*, Nxb Thuận Hóa, tr.34-36.

9. Philippe Hédúy, sách đã dẫn, tr.34-36.

5. Chen Ching Ho (1965), bài viết đã dẫn.

Dưới tác động của chế độ gió mùa, không gian đô thị Hội An được tổ chức xoay quanh trục sông - cảng. Các khu phố buôn bán ven sông Thu Bồn - Hội An, nơi tập trung nhà ở kết hợp kho hàng, bến/bãi và cầu tàu, đã hình thành nhằm đáp ứng yêu cầu lưu trú và giao dịch kéo dài theo mùa mậu dịch. Không gian này phản ánh rõ mối quan hệ hữu cơ giữa điều kiện tự nhiên, hoạt động thương mại và tổ chức đô thị của cảng thị Hội An.

Bên cạnh các không gian cư trú và buôn bán, thời gian “*lưu đông*” kéo dài theo chu kỳ gió mùa cũng tạo điều kiện cho sự ra đời của các thiết chế tôn giáo, tín ngưỡng cộng đồng như chùa, hội quán, đình miếu phục vụ các cộng đồng thương nhân ngoại quốc. Trong thời gian lưu trú, nhiều thương nhân đã tham gia xây dựng, duy trì các cơ sở tín ngưỡng, đồng thời tổ chức các sinh hoạt lễ hội gắn với cộng đồng mình, và họ được phép “*sống theo tập tục riêng*”<sup>10</sup> như Borri miêu tả. Những công trình này không chỉ đáp ứng nhu cầu tinh thần của thương nhân lưu trú, mà còn trở thành các nhân tố quan trọng trong cấu trúc đô thị Hội An.

Có thể thấy rằng, sự hình thành các khu phố người Hoa, người Nhật và hệ thống hội quán tại Hội An không thể tách rời bối cảnh, chế độ gió mùa. Chính thời gian cư trú kéo dài theo chu kỳ gió đã khiến thương nhân cần đến những không gian sinh hoạt ổn định, từ đó thúc đẩy quá trình tổ chức và mở rộng phạm vi, không gian đô thị. Dưới tác động của yếu tố tự nhiên mang tính quy luật này, Hội An trở thành một đô thị thương cảng vừa mang tính lưu động của thương nhân và tính ổn định cư trú đan xen lẫn nhau, phản ánh rõ

nét đặc trưng của Hội An trong mạng lưới thương mại biển khu vực Đông Nam Á.

### **3. Gió mùa và đời sống văn hóa - tín ngưỡng cộng đồng ở đô thị thương cảng Hội An**

Không chỉ chi phối hoạt động kinh tế và cấu trúc, tổ chức cư trú - không gian đô thị, chế độ gió mùa còn tác động sâu sắc đến đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cư dân thương cảng Hội An. Trong một đô thị thương cảng vận hành theo lịch thương mại mùa vụ, nơi sinh kế và sự an toàn của con người phụ thuộc trực tiếp vào biển và chu kỳ gió, các thực hành tín ngưỡng gắn với các nghi lễ cầu an, cầu thuận buồm xuôi gió, cúng biển và cúng bến/bãi đã hình thành như một phần không thể tách rời của đời sống cộng đồng. Những tín ngưỡng này phản ánh rõ tâm thức của cư dân sống dựa vào biển, coi tự nhiên, đặc biệt là gió mùa như một lực lượng siêu nhiên mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng.

Hoạt động buôn bán tại Hội An gắn chặt với chu kỳ gió mùa và diễn ra tập trung trong một khoảng thời gian nhất định trong năm, đời sống sinh hoạt và tín ngưỡng của cư dân cảng thị cũng vận động theo chu kỳ này. Các nghi lễ cầu an, cầu cho mưa thuận gió hòa, biển yên sóng lặng thường được tổ chức vào thời điểm bắt đầu hoặc kết thúc mùa mậu dịch, vừa mang ý nghĩa tâm linh, vừa thể hiện sự chuẩn bị tinh thần cho những chuyến hải hành dài ngày và đầy rủi ro. Trong bối cảnh đó, tín ngưỡng không chỉ là niềm tin cá nhân, mà còn là một hình thức thích ứng văn hóa của cộng đồng trước những bất trắc của tự nhiên.

Đối với các thương nhân ngoại quốc, sự an toàn của chuyến đi biển và khả năng trở về quê hương phụ thuộc rất lớn vào

10. Cristoforo Borri (1998), sách đã dẫn, tr.98.

điều kiện gió mùa. Chính vì vậy, trong thời gian lưu trú tại Hội An, họ không chỉ tham gia vào hoạt động buôn bán, mà còn hòa nhập vào không gian tín ngưỡng của cảng thị. Chen Ching Ho đã chỉ ra rằng, do phải lưu trú dài ngày vì không kịp mùa gió thuận, nhiều thương nhân Hoa đã gắn bó sâu rộng với đời sống cộng đồng địa phương, trong đó có việc tham gia các sinh hoạt tín ngưỡng và cộng đồng<sup>11</sup>. Điều này tạo điều kiện cho sự giao thoa, tiếp biến giữa tín ngưỡng bản địa của cư dân Việt với các hình thức tín ngưỡng biển, tín ngưỡng bảo trợ hàng hải của người Hoa, người Nhật tại thương cảng Hội An.

Sự hiện diện của nhiều thiết chế tín ngưỡng như hội quán, đình miếu thờ các vị thần bảo hộ thương nhân và người đi biển tại Hội An, cho thấy rõ vai trò của yếu tố gió mùa trong việc hình thành không gian tâm linh của đô thị thương cảng. Các hội quán không chỉ là nơi sinh hoạt cộng đồng, mà còn là trung tâm thực hành tín ngưỡng, nơi thương nhân cầu mong bình an cho các chuyến hải hành và cho việc trở về thuận lợi theo chu kỳ gió mùa. Trong không gian đó, các tín ngưỡng ngoại lai và tín ngưỡng bản địa không tồn tại tách biệt, mà đan xen, bổ sung cho nhau, phản ánh tính chất “mở”, đa cộng đồng của thương cảng Hội An.

Như vậy, gió mùa không chỉ điều khiển sự vận động của tàu thuyền và con người trên biển, mà còn trở thành một yếu tố kết nối giữa tự nhiên và tâm linh trong đời sống văn hóa của cư dân cảng thị Hội An. Thông qua các nghi lễ, tín ngưỡng và thực hành văn hóa gắn với biển và chu kỳ gió, gió mùa đã góp phần định hình nên bản sắc văn hóa đặc thù của Hội An, một thương cảng quốc tế, nơi con người

không ngừng thích ứng với tự nhiên bằng hoạt động kinh tế và đời sống tinh thần.

Dựa vào điều kiện tự nhiên thuận lợi, cùng các chính sách phát triển ngoại thương của các chúa Nguyễn, thương cảng Hội An đã sớm phát triển mạnh mẽ vươn tầm ra khu vực và quốc tế. Bên cạnh các yếu tố nội sinh ấy, thì gió mùa là nhân tố góp phần cấu trúc, định hình toàn bộ hoạt động của thương cảng Hội An trong lịch sử. Thông qua việc tổ chức hoạt động thương mại, kéo dài thời gian cư trú, định hình phạm vi, không gian đô thị và ảnh hưởng đến đời sống văn hóa - tín ngưỡng, gió mùa đã góp phần tạo nên đặc tính của Hội An như một cảng thị mang tính chu kỳ, thích ứng linh hoạt với môi trường biển.

Từ góc độ xem gió mùa không chỉ là bối cảnh, điều kiện tự nhiên mà là một tác nhân lịch sử tác động, ảnh hưởng đến hoạt động thương mại, tổ chức cư trú - không gian và sinh hoạt văn hóa, mở ra một hướng nghiên cứu mới cho thương cảng Hội An, qua đó góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức về mối quan hệ giữa con người, cảng thị và tự nhiên trong lịch sử hải thương Việt Nam và khu vực. Có thể thấy, Hội An như một cảng thị vận hành theo chu kỳ tự nhiên, cho phép nhìn nhận đô thị này như một thực thể lịch sử gắn chặt với môi trường biển, nơi con người không chỉ khai thác các điều kiện tự nhiên cho mục đích kinh tế, mà còn liên tục thích ứng đời sống xã hội, không gian cư trú và sinh hoạt văn hóa theo quy luật của gió mùa. Chính sự thích ứng linh hoạt và bền bỉ này, đã góp phần tạo nên tính bền vững và sức sống lâu dài của thương cảng Hội An trong nhiều thế kỷ, đồng thời làm nên bản sắc riêng của một đô thị thương cảng quốc tế trong lịch sử hải thương Việt Nam và khu vực Đông Nam Á ♦

11. Chen Ching Ho (1965), bài viết đã dẫn.

# THƯƠNG MẠI “CHÂU ÁN THUYỀN” CỦA THƯƠNG NHÂN NHẬT BẢN Ở CẢNG THỊ HỘI AN THẾ KỶ XVI, XVII

TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh



Tái hiện đám cưới giữa công nữ Ngọc Hoa với thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro tại Sự kiện Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản

Xuất phát từ chính sách “*hải cấm*” của nhà Minh (thế kỷ XVI) và sắc lệnh cấm đạo của chính quyền Mạc phủ Tokugawa (cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII), nhiều người Nhật Bản (trong đó phần lớn là thương nhân, Ki tô hữu) theo Châu Án thuyền cập bến các cảng thị ở khu vực Đông Nam Á để mưu sinh, lánh nạn... Như một cơ duyên của lịch sử, cũng vào thời điểm ấy, tại Hội An, chính quyền chúa Nguyễn đang thực hiện chính sách mở cửa, hướng biển, chào đón sự hiện diện của các thế lực thương nhân đến từ khắp nơi trên thế giới. Sự hội tụ các yếu tố “*nội sinh*” và “*ngoại sinh*” thuận lợi đã tạo điều kiện cho cộng đồng người Nhật được tiếp xúc, giao lưu kinh tế, văn hóa, tôn giáo với người Việt tại

cảng thị này thông qua hoạt động của mạng lưới thuyền Châu Án vào thế kỷ XVII.

## 1. Từ sự ra đời của hệ thống “*Châu Án thuyền*”

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, những phát kiến địa lý của châu Âu đã mở rộng và phát huy hơn nữa vai trò của “*Con đường tơ lụa trên biển*” có từ đầu Công nguyên. Các cường quốc biển như:

Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... lần lượt thống trị hoạt động buôn bán Á - Âu, từ đó tạo nên bối cảnh nhộn nhịp chưa từng có trong quan hệ hải thương ở khu vực Đông Nam Á.

Trong bối cảnh ấy, Nhật Bản đã chủ động và tích cực tham gia mạng lưới hải thương Á - Âu bằng chính sách “*Châu Án thuyền*” của Mạc phủ Tokugawa. Hệ thống này được thiết lập vào những năm 1590 bởi Toyotomi Hideyoshi (1537 - 1598) và tồn tại cho đến những năm 1630. Thật ra các thuyền buôn Nhật Bản bắt đầu đến Đông Nam Á một cách thường xuyên là từ đầu giai đoạn Muromachi (1336/1338 - 1573), nhưng sự ra đời một hệ thống thể chế hoàn chỉnh phải đến những năm 1590 dưới sự cầm

quyền của Hideyoshi (1537 - 1598). Theo đó, Châu Ấn thuyền (朱印船 /*Shuinsen*) là loại thuyền buồm (thuyền màn) thương mại có trang bị vũ trang và được cấp giấy phép thông hành của chính quyền Mạc phủ đóng dấu đỏ để đi buôn bán với các nước. Với chế độ này, chỉ những tàu nào có mang giấy phép đóng dấu đỏ (*Shuinjō - Châu Ấn trang*) của Mạc phủ mới được phép đi ra nước ngoài buôn bán. Các tàu nước ngoài muốn đến Nhật để buôn bán cũng cần phải có giấy phép của Mạc phủ Tokugawa. Hệ thống Châu Ấn thuyền, ban đầu được Hideyoshi đề xuất nhằm giúp giảm thiểu nạn cướp biển (*wako*) vốn đã hoành hành ở vùng biển ven bờ Đông Á kể từ thời Chiến Quốc Sengoku Jidai (1478 - 1605). Quan trọng hơn, việc ban hành Châu Ấn trang sẽ cho phép Mạc phủ Tokugawa kiểm soát mọi hoạt động thương mại tại Nhật Bản và góp phần làm suy giảm tiềm lực kinh tế và quân sự của các Daimyo hùng mạnh - những lãnh chúa đang cạnh tranh quyền thống trị của Shogun Tokugawa. Trong hơn ba thập kỷ, hệ thống Châu Ấn đã cấp 350 giấy phép cho thương nhân Nhật Bản, cũng như 43 giấy phép cho thương nhân Trung Quốc và 38 giấy phép cho thương nhân từ châu Âu<sup>1</sup>. Qua đó, chính quyền Mạc phủ Tokugawa muốn bảo đảm an toàn cho các tàu buôn của Nhật và nước ngoài, tránh khỏi nạn cướp biển, cũng như xác lập uy quyền của mình.

Tuy nhiên, Châu Ấn không phải là một loại thuyền có cấu trúc và sức chứa cố định và cũng không phải là tên gọi một loại hình thuyền đặc trưng của người Nhật Bản. Như chúng ta đã biết, đến cuối thế kỷ XVI, với sự bùng nổ của thời đại hải thương, trên biển Đông lưu thông rất nhiều loại tàu thuyền khác nhau như: thuyền galleon Tây Ban Nha, thuyền carrack Bồ Đào Nha, thuyền jong Đông Nam Á, thuyền dhow Ấn Độ, thuyền chiến Hà Lan và Anh, và thuyền buồm lai

ghép vượt đại dương. Vì thế, một tàu có Châu Ấn có thể là một trong số rất nhiều loại tàu khác nhau, vì giấy phép không phải được cấp cho chính những con tàu đó mà cho các thương nhân hoặc công ty thương mại riêng lẻ. Do đó, về mặt kỹ thuật, bất kỳ con tàu nào có giấy phép Châu Ấn đều là “*Châu Ấn thuyền*”. Ngoài một số ít tàu Châu Ấn là tàu châu Âu thì phần lớn chúng là những chiếc thuyền buồm được thiết kế và đóng theo kiểu Trung Quốc, với một số điều chỉnh theo kiểu phương Tây. Loại thuyền này phổ biến trên biển Đông từ khoảng những thập niên đầu của thế kỷ XVI khi những thợ đóng tàu được đào tạo tại Bồ Đào Nha từ Quảng Đông đã đến Nam Kinh để đóng những chiếc “*Ch. wugongchuan*”, vũ trang sử dụng các cải tiến và điều chỉnh theo kiểu phương Tây trên tất cả các bộ phận của con tàu. Đến những năm 1530, những con tàu viễn dương lai Trung - Tây đầu tiên không dùng cho mục đích quân sự đã được đóng tại Phúc Châu, với vai trò là tàu triều cống chính thức di chuyển giữa Phúc Châu và Naha, thủ phủ của Okinawa thuộc quần đảo Ryukyu. Những con tàu này chính xác là những chiếc thuyền buồm đi biển với buồm trên bằng vải hình vuông hoặc hình tam giác theo phong cách phương Tây, trong khi cột buồm trước và cột buồm chính được thiết kế bằng tre theo phong cách Trung Quốc. Thân tàu nhọn với các đặc điểm của châu Âu và tháp pháo mũi tàu có hình dạng đặc biệt tương tự như trên tàu chiến Nhật Bản, với sáu đến tám khẩu pháo. Các con tàu có từ bốn đến sáu trạm chèo lớn được sử dụng trong điều kiện thời tiết lặng gió hoặc để điều khiển trong cảng hẹp hoặc để quay đầu tàu trong bến cảng<sup>2</sup>. Những chiếc thuyền buồm này thường có từ hai đến ba trăm thủy thủ đoàn và chở từ 500 đến 700 tấn hàng hóa; trong so sánh với những chiếc thuyền buồm Tây Ban Nha hay “*Manila*” vào thời kỳ đó chở hơn một nghìn

1. Pegg, R. (2019), *Early Edo Maritime Trade: Red-seal System Maps and Ships*, Orientations, tr.78.

2. Oruga Sadao (1979), *Người Nhật trong thời Châu ấn thuyền*, Tokyo, tr.79-80.

thủy thủ đoàn và hành khách cùng tới đa 2.000 tấn hàng hóa. Cách thức thiết kế này là phù hợp cho những con tàu được sử dụng ở biển Đông vì khoảng đường di chuyển tương đối ngắn lại phụ thuộc vào chế độ gió mùa. Peri khi tìm hiểu về quan hệ Nhật Bản và Đông Dương thế kỷ XVII, cũng cho biết tàu của thương nhân Gorozaemon đến buôn bán ở Việt Nam có chiều dài khoảng 20 gen (*khoảng 36 mét*), chiều rộng là 5 gen (*khoảng 9 mét*). Những phòng của tàu này được cấu tạo thành 3 tầng lầu. Như vậy tàu buôn của Nhật có trọng tải và kích thước tương đương với tàu của phương Tây và Trung Quốc tại thời điểm này. Do đó, những chiếc thuyền buồm lai Trung Quốc - phương Tây mang lại hiệu quả rất cao và đây chính là loại thuyền chiếm số lượng nhiều nhất trong các thuyền Châu Á. Những con tàu này được đóng ở nhiều nơi trên khắp các lãnh địa (*Han*) Nhật Bản, kể cả ở trạm giao dịch của người Nhật ở Ayutthaya. Nhưng phần lớn chúng xuất xưởng ở một cảng thị có tính quốc tế cao là Nagasaki.

Điểm khởi đầu của mạng lưới này xuất phát từ Hirado hay Nagasaki nằm về phía Nam Nhật Bản đến các cảng thị Đông Nam Á (*trong đó có Hội An*) do thương nhân Nhật Bản đảm nhận. Sau đó hàng hóa được vận chuyển đến Trung Hoa trên các con tàu của thương nhân người Hoa. Thêm vào đó, năm 1593, Mạc phủ Tokugawa ban hành Châu Á trạng (*Shuinjo*<sup>3</sup>) - một loại giấy thông hành đặc biệt, khuyến khích các tàu thuyền lớn đi về các cảng thị tại Đông Nam Á để có thể dễ dàng tiếp xúc, trao đổi hàng hoá với tàu thuyền Trung Quốc. Từ đây, các thuyền Châu Á cập bến cảng thị Hội An một cách thường xuyên hơn và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giao thương của thương cảng này.

3. Một số nguồn tư liệu dịch là Phụng thư tức là văn bản mà Phụng hành (*Buygyo*), cấp cho thuyền buôn từ Nhật Bản ra nước ngoài theo chủ trương của Shogun.

## 2. Đến hoạt động thương mại của “Châu Á thuyền” ở Hội An (thế kỷ XVI, XVII)

Thương mại “Châu Á thuyền” giữa Nhật Bản và Hội An được bắt đầu thông qua các bức thư kết nối giữa chúa Nguyễn và chính quyền Mạc phủ. Ngay trong những bức thư đầu tiên, Mạc phủ Tokugawa đã trình bày rõ quan điểm: “*Thương thuyền của quốc gia chúng tôi, khi đến Quý quốc đều phải mang theo văn thư có áp dấu Châu Á. Đây là bằng chứng mà tôi đã công nhận là thương thuyền. Thương thuyền nào không mang theo Châu Á thì không nên cho thông thương*”<sup>4</sup>. Ngoài ra, nhằm ngăn ngừa nạn hải tặc, buôn lậu, Mạc phủ Tokugawa đã thông báo: và “*Nếu bọn hung đồ là người nước ngoài, thì nên trừng trị răn đe chúng*” (11/1601). Như vậy, chỉ có những thuyền có dấu đỏ (*Châu Á*) thì mới được phép buôn bán với Đàng Trong và từ đây, quan hệ giao thương giữa các thương nhân Nhật Bản tại cảng thị Hội An đều chịu sự chi phối của hệ thống “Châu Á thuyền”.

Từ Nagasaki, các tàu Châu Á đến buôn bán tại cảng thị Hội An một cách thường xuyên từ đầu thế kỷ XVII. Theo tính toán của Iwao Seiichi, về số lượng “Châu Á thuyền”, từ năm 1604 đến 1635, chính quyền Mạc phủ Tokugawa đã cấp 355 Châu Á trạng cho các thương thuyền Nhật Bản đi ra nước ngoài, trong số 280 thuyền đến Đông Nam Á này có 85 thuyền đến Đàng Trong của Đại Việt. Cụ thể: An Nam (14 thuyền), Thuận Hóa (1 thuyền), Cochinchina (70 thuyền)<sup>5</sup>. Theo GS. Kikuchi Seiichi trong bài viết *Người Nhật ở Hội An thời*

4. Kawamoto, Kuniye (1991), Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam căn cứ theo Gaiban Tsuusho (Ngoại phiên thông thư), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An* (tổ chức ngày 22 – 23/3/1990), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.172.

5. Tana, Li. (2016, Nguyễn Nghị dịch), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb Trẻ, Hồ Chí Minh, tr.201.

các chúa Nguyễn, các “Châu Án thuyền” lợi dụng gió mùa, rời Nhật từ mùa thu đến mùa đông, mùa xuân đến mùa hè năm sau trở lại Nhật Bản. Vì vậy, thuyền viên của các “Châu Án thuyền” sinh sống ở Hội An ít nhất là nửa năm. Tài liệu ghi chép lại có 110 thuyền viên trên con thuyền đi về miền Trung Việt Nam năm 1608. Có 300 thuyền viên trên con thuyền đi Hội An năm 1623. Có 150 thuyền viên trên “Châu Án thuyền” đi Hội An năm 1633. Trong công trình nghiên cứu của TS. Noriko (Nhật Bản) cho biết: “Từ Nhật Bản, thương nhân trên các “Châu Án thuyền” dựa theo gió mùa để vượt biển xuống giao thương với khu vực phía Nam, trong đó có cả Đàng Ngoài và Đàng Trong của nước Việt. Họ căng buồm vào khoảng tháng 11 Âm lịch để gió mùa đông bắc thổi xuống phía Nam. Họ ở lại các thương cảng như Hội An, Phố Hiến, Thanh Hà, Hưng Nguyên... khoảng sáu tháng để mua bán và giong buồm về nước khi cơn gió mùa đông nam đầu hè thổi ngược lên. Việc mua bán nhiều khi không đúng như kế hoạch nên nhiều thương nhân đã ở lại (hoặc cử người đại diện) để tìm nguồn hàng cho chuyến thuyền sau... Sau khi xuống hàng, họ tìm mua kỳ nam, trầm hương, gỗ quý, tơ lụa, đồ gốm sứ, ngà voi, sừng tê giác, nhựa thông, da trâu, gân hươu... là những sản vật vốn dồi dào ở nước Việt ...”<sup>6</sup>. Vì vậy, sự có mặt của người Nhật ở Hội An, đặc biệt với việc định cư lập phố buôn bán trong thời đại “Châu Án thuyền” đã thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế ở Hội An - Đàng Trong. Còn theo nhận xét của Li Tana, chính các quan hệ có tính cách cá nhân này đã hướng tàu bè của Nhật tới Đàng Trong.

Với sự chi phối của “Châu Án thuyền” thì một đặc điểm nổi bật trong hoạt động thương mại giữa hai bên, chủ yếu là các

thuyền Châu Án của Nhật Bản tới Hội An để buôn bán, còn chiều ngược lại hầu như rất ít. Có nghĩa là người Nhật luôn giữ vai trò chủ động trong hoạt động giao thương với Hội An. Điều đó nói lên rằng hoạt động thương mại của hai bên là hoạt động một chiều: các thuyền Châu Án đến Hội An mang theo hàng hóa, tiền và sau khi bán hàng hóa của Nhật Bản rồi mua hàng hóa của Hội An và các nước trong khu vực thì quay trở về Nhật Bản. Điều này duy trì cho đến khi Nhật Bản thực hiện chính sách tỏa quốc thì thay đổi hoàn toàn. Lúc này, thông qua Công ty Đông Ấn Hà Lan, hoạt động giao thương giữa Nhật Bản và Hội An tiếp tục được kết nối. Thành Thế Vỹ đã có nhận định rất xác đáng rằng: “Ngay việc người Trung Quốc và người Nhật Bản đến Đàng Ngoài và Đàng Trong cũng đã là do sự chủ động của người Trung Quốc và người Nhật Bản thôi”<sup>7</sup>. Một thực tế là suốt một quá trình dài, Đàng Trong không có tàu xuất dương ra nước ngoài để buôn bán, có chăng thì đó cũng là những thuyền công do chúa Nguyễn sai phái đi mua những thứ hàng hóa, vật dụng mà nhà nước, hoàng tộc cần, chứ không phải vì mục đích thương mại. “Nó hầu như có tính chất bị động, tuy rằng lác đác cũng đôi khi có một chuyến thuyền do vua chúa phái đi sang Trung Quốc, sang Xiêm La, Mã Lai, Indonesia,... Những chuyến sai phái như thế cũng vẫn không do nền kinh tế bản thân thúc giục, đòi hỏi phải mang hàng sản xuất khá nhiều của mình đi tiêu thụ ở nước ngoài hoặc đi mua những hàng về để chế biến bồi đắp cho nền sản xuất của mình tăng tiến hơn nữa. Những chuyến đi đó, ngoài việc đi thám thính tình hình, chỉ có mỗi một mục đích là tìm kiếm cho vua chúa những thứ dùng vào việc thống trị và sinh hoạt xa hoa của họ”<sup>8</sup>. Không có

6. Borri, C (1999), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Dịch giả Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.27.

7. Thành Thế Vỹ (1961), *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb Sử học, Hà Nội, tr.70.

8. Thành Thế Vỹ (1961), *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, sđd, tr.87.

tàu thuyền xuất dương để buôn bán còn bởi một thực tế không thể phủ nhận là do xã hội Đàng Trong ở thế kỷ XVI - XVIII chưa có thương nhân lớn người Việt - “*đại thương gia*” - những người có đủ vốn liếng và dũng khí thực hiện những chuyến vượt biển để giao thương với thế giới bên ngoài.

Về con đường buôn bán, trao đổi, các tàu Shuinsen thường xuất phát từ Nagasaki men theo rìa biển Đông, giáp Trung Hoa đến các cảng Đàng Trong và Đàng Ngoài, hoặc có thể tới Macao hay Đài Loan để đến Việt Nam, rồi cập cảng các nước Đông Nam Á khác. Trong đó, tuyến hải thương của “*Châu Án thuyền*” từ Nagasaki tới Hội An dài khoảng 1.400 lý và mất từ 4 - 6 tuần.

Có thể khẳng định rằng, mặc dù thời kỳ “*Châu Án thuyền*” có thời gian tồn tại không dài, song đã để lại những tác động sâu sắc, góp phần tái định hình diện mạo kinh tế không chỉ của Nhật Bản mà còn của toàn bộ khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh giao thương khu vực và liên khu vực đầu thời cận đại. Trong tiến trình đó, các thương cảng Việt Nam nổi lên như những đầu mối giao thương trọng yếu, tiếp nhận số lượng “*Châu Án thuyền*” lớn nhất, trong đó Hội An giữ vai trò nổi bật với tư cách là thương cảng trung tâm trong mạng lưới buôn bán giữa Nhật Bản và Đông Nam Á.

Nhờ vị trí địa lý thuận lợi cùng khả năng kết nối rộng rãi với các vùng sản xuất trong và ngoài khu vực, Hội An đã phát huy lợi thế của mình bằng cách gom hàng từ các nơi khác về để bán lại cho người Nhật một cách thuận lợi nhất. Đồng thời chính quyền chúa Nguyễn cũng chủ trương tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại thông qua việc khuyến khích các thương nhân nước ngoài lập thương điếm, từ đó thúc đẩy quá trình trao đổi hàng hóa. Nhờ môi trường thương mại như vậy, thương nhân Nhật Bản khi đến Hội An không chỉ tiếp cận được các

sản phẩm chủ lực của Việt Nam và Trung Quốc như tơ lụa, gốm sứ, mà còn có khả năng thu gom nhiều loại sản vật đặc trưng của Đông Nam Á, thậm chí cả hàng hóa có xuất xứ từ phương Tây.

Cùng với những “*hấp lực*” khác, Hội An đã lôi cuốn các “*Châu Án thuyền*” đến giao thương thông qua một cơ chế phân phối hàng hoá có hệ thống, được tổ chức tốt với mức thuế tương đối dễ chịu. Chính những yếu tố này đã góp phần thúc đẩy quan hệ buôn bán Việt - Nhật phát triển mạnh mẽ, dẫn đến sự hiện diện và định cư của người Nhật tại đây với những hoạt động kinh tế đặc thù.

Bên cạnh đó, hoạt động trao đổi hàng hóa còn kéo theo những thay đổi quan trọng trong phân công lao động, chuyên môn hóa ngành nghề và cơ cấu sản xuất tại Hội An. Ảnh hưởng của các thương nhân Nhật Bản và cộng đồng người Nhật định cư trong đời sống kinh tế của thương cảng này là điều không thể phủ nhận. Sau khi Mạc phủ ban hành chế độ Châu Án trạng, hoạt động thương mại tại Hội An bắt đầu phát triển mạnh mẽ với vai trò nổi bật của thương nhân Nhật Bản, khiến các thương nhân người Hoa và các lái buôn phương Tây khó có thể cạnh tranh. Tuy nhiên, sau khi Mạc phủ thi hành lệnh tảo quốc thì các thuyền Châu Án cũng không còn thường xuyên cập bến Hội An. Sự rút lui của thương nhân Nhật Bản cùng với hoạt động giao thương dựa trên hệ thống Châu Án đã khiến thị trường Hội An nói riêng, Đàng Trong nói chung mất đi một bạn hàng lớn (*cho dù thuyền Trung Hoa và Hà Lan vẫn là nhịp cầu để hàng hóa từ Hội An sang Nhật*). Nhận thức rõ những tổn thất do sự gián đoạn này gây ra, các chúa Nguyễn vẫn nhiều lần bày tỏ mong muốn khôi phục quan hệ thương mại truyền thống, tiêu biểu là vào năm 1688, sau khi lệnh tảo quốc thi hành đã lâu, chúa Nguyễn vẫn chủ động gửi thư mong muốn nối lại quan hệ thương mại như xưa ♦

# THEO DẤU NHÂN VẬT LÝ TÀI CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN

NNC. Trần Văn An

Các nguồn tư liệu thư tịch cho biết vào những ngày đầu nổi dậy từ năm 1771, lực lượng của phong trào Tây Sơn có mặt khá đông những người làm nghề buôn bán, thị dân và thương nhân người Việt cũng như người Hoa. Trong đội ngũ này nổi lên hai tên tuổi được nhiều sử liệu ghi lại là Lý Tài và Tập Đình, 2 thương nhân Hoa Kiều. Tập Đình sau trận thua quân Hoàng Ngũ Phúc tại Cẩm Sa vào tháng 4/1775 bị Nguyễn Nhạc nghi ngờ và mưu giết nên đã chạy về Quảng Đông, Trung Quốc và bị giết ở bên ấy<sup>1</sup>. Còn lại Lý Tài với một số sự kiện mà chúng ta sẽ dõi theo dưới đây qua các tư liệu thư tịch.

Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* soạn vào năm 1776, ghi lại sự xuất hiện của Lý Tài và Tập Đình như sau: “Năm 34, Quý Tỵ (1773)... Ngụy Nhạc bèn đánh phá, chiếm dinh Quảng Nam. Bọn lái buôn vô lại là ngụy Tập, ngụy Lý đều nổi lên theo, ngụy Nhạc kết nạp làm vây cánh. Tập xưng Trung nghĩa quân, lại lấy những người cao lớn, hung ác ở Quảng Nam cho cạo đầu, kết tóc gọi là người Khách (người Đường) khi ra trận khiến uống rượu say và cởi trần ra, đeo giấy vàng bạc vào cổ mà xông vào trận, tỏ ra liều chết. Quân của Phúc Thuận cứ nghe tin là vỡ chạy, không ai dám đối địch”<sup>2</sup>.

Quốc sử quán triều Nguyễn trong *Đại Nam thực lục* cũng có những ghi chép tương tự: “Bấy giờ (1773), bình tĩnh đã lâu, tướng sĩ

*không quen trận mạc, khi phải đi đánh, phần nhiều thác có cầu miễn. Trương Phúc Loan thì lại ăn hối lộ mà sai thay người khác, mọi người đều căm oán, ra trận là chạy ngay. Do đó thế giặc càng thịnh. Bọn lái buôn người Thanh là Tập Đình và Lý Tài (không rõ họ)<sup>3</sup> đều hưởng ứng. Nhạc kết nạp họ để giúp mình. Tập Đình xưng là Trung Nghĩa quân, Lý Tài xưng là Hòa Nghĩa quân...”<sup>4</sup>.*

Sử liệu đã ghi lại một số sự kiện liên quan đến nhân vật Lý Tài: “Tháng 4 (1775) Đông Cung (Nguyễn Phúc Dương) theo đường núi mà đi. Nhân dân đi theo đông. Tập Đình và Lý Tài đem binh đuổi theo đến Ó Da đánh phá được bọn Điện, Tường, ép mang Đông Cung về phố Hội An. Tập Đình nhiều lần muốn hại. Lý Tài khuyên mãi mới thôi”<sup>5</sup>.

Sự kiện này cũng được chép trong *Đại Việt sử ký tục biên* của triều Lê: “Đông Cung Nguyễn Phúc Dương (là con Chương dinh Nguyễn Phúc Vũ, cháu nội Hiếu Vũ Vương<sup>6</sup> và cháu gọi Hiếu Định vương bằng chú)<sup>7</sup>. Năm trước (1775), Phú Xuân bị mất, Hiếu Định vương chạy ra Quảng Nam. Lại đi Gia Định lập Dương làm Đông Cung, lưu giữ đồn Câu Đê) năm trước ở Câu Đê thua trận, bị Lý tướng quân đạo Hòa Nghĩa của Tây Sơn bắt được, Lý không nỡ giết, đến bây giờ

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục, Tập 1*, Nxb Giáo dục, tr.183-184.

2. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.71.

3. Thật ra, Tập và Lý chính là họ của người Hoa.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, sách đã dẫn, tr.178.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, sách đã dẫn, tr.183.

6. Thụy hiệu của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát.

7. Thụy hiệu của Định vương Nguyễn Phúc Thuận.

(1776), từ Quy Nhơn giả làm dân thường đi biển, ngày tám tháng ấy đến Gia Định gặp chúa Nguyễn đóng ở hành cung Bến Nghé”<sup>8</sup>.

Ở đây có một chi tiết cần lưu ý đó là khi còn ở bên phía Tây Sơn, Lý Tài đã có những hành động nhằm bảo vệ Đông Cung Nguyễn Phúc Dương.

Sau khi thua trận ở Cẩm Sa, Tập Đình chạy về Trung Quốc, đội binh Hòa Nghĩa bị tổn thất khá nặng đã dẫn đến sự tan vỡ trong mối quan hệ giữa Lý Tài với các lãnh đạo phong trào Tây Sơn. Cuối năm 1775, nhân lúc Nguyễn Nhạc cử giữ Phú Yên, Lý Tài đã giao thành Phú Yên cho Tổng Phước Hiệp để theo về với chúa Nguyễn<sup>9</sup>.

Về sự kiện này, Đại Nam thực lục ghi: “Tháng 11 (1775)... tướng giặc là Lý Tài đem đất Phú Yên đầu hàng. Đầu là Nguyễn Văn Nhạc muốn nhờ Lý Tài làm chỗ tựa, kịp lúc đắc chí đối đãi dần bạc bẽo, Lý Tài bèn có ý quay về giúp ta. Khi Tôn Thất Chí bỏ Quy Nhơn, Lý Tài đã có mật ước. Đến đây, nhân giữ Phú Yên bèn đem hết binh mã sở thuộc đến quân Tổng Phước Hiệp đầu hàng”<sup>10</sup>.

Đến tháng 6 năm 1776, “Tổng Phước Hiệp cùng Lý Tướng quân đạo Hòa Nghĩa đem binh lính thuộc hạ đến hành tại Bến Nghé bái yết”<sup>11</sup>. Lý Tài sau đó có hiềm khích với Đỗ Thanh Nhân của đạo quân Đông Sơn nên bỏ về giữ núi Chiêu Thái, Hoàng tôn Dương phải cho người chiêu dụ mới về “Dương sai Tham nghị Khoáng Điển hầu Nguyễn Luân đến núi Chiêu Thái dụ Lý Tướng quân về. Lý có ý tôn phù Dương lập tức sai thuộc tướng là bọn Đoán Quan, Hiến Nam gần 40 người đem lính bản bộ thẳng đến Bến Nghé bái yết, đón Dương về đồn Du Miệt. Lính đạo Đông Sơn vì thế chạy cả về xứ Ba Chàng cũ”<sup>12</sup>.

Một công lớn của Lý Tài đối với các chúa Nguyễn là đã tôn phù Hoàng tôn Dương lên ngôi vương vào cuối năm 1776. Đại Việt sử ký tục biên chép: “Tháng 11 ngày mùng 4 (14/12/1776), Lý Tướng quân đạo Hòa Nghĩa đem Đông Cung Nguyễn Phúc Dương về Bến Nghé nhận ngôi do chúa Nguyễn truyền ở chùa Kim Long. Đông Cung cho Lý tướng quân làm chức Bảo giá”<sup>13</sup>. Đại Việt sử ký tục biên cũng cho biết: “Khi ấy, hàng tướng là Hòa Nghĩa Lý Tài giữ núi Chiêu Thái để làm phản, nghe Đông Cung đến bèn dẫn binh xuống Sài Gòn lập Đông Cung làm Tân Chính Vương; tôn Duệ Tông làm Thái Thượng vương”<sup>14</sup>.

Về sự tan vỡ của đạo quân Hòa Nghĩa, Đại Việt sử ký tục biên cho biết “Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ lại dẫn quân thủy bộ vào đánh Gia Định (tháng 3/1777). Đông Cung Nguyễn Phúc Dương thân đốc tướng sĩ dưới quyền cùng binh tướng đạo Hòa Nghĩa hợp sức chống đánh. Thủy binh Tây Sơn đặt trận ở Bến Nghé để đợi bộ binh từ thượng đạo Trần Biên qua xuống Hóc Môn. Hòa Nghĩa tướng quân đón đánh giết ngay Tuần sát tên là Nghi. Quân Tây Sơn lui giữ Bến Than gặp thuộc tướng của chúa Nguyễn là Chương cơ Văn Đức hầu Trương Phúc Thận từ Cần Bột dẫn quân đến Sài Gòn tiếp ứng. Quân Hòa Nghĩa ngờ là quân địch ở Đông Sơn đến đánh úp phía sau bèn bỏ Hóc Môn lui về Bến Nghé đóng giữ. Quân Tây Sơn thừa thế đuổi theo thủy bộ giáp đánh, quân Hòa Nghĩa thua chạy. Lý Tướng quân và lính đạo ấy là người Trung Quốc, đều tan vỡ, quân Đông Sơn đón giết chết hết”<sup>15</sup>.

Đại Nam thực lục cũng ghi: “Tháng 3 (1777) giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ đem quân thủy bộ vào cướp... Vương (Tân Chính Vương) sai Lý Tài đem Hòa Nghĩa quân ra Hóc Môn (tên đất thuộc Gia Định) cự chiến, chém được tuần sát địch là Tuyển (không rõ họ), quân giặc phải hơi lui. Bấy giờ Trương

8. Nhiều tác giả (2012), Đại Việt sử ký tục biên 1676 - 1789, Nxb Hồng Bàng, tr.413.

9. Khuyết danh (2020), Nguyễn thị Tây Sơn ký, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.29.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn, sách đã dẫn, tr.186.

11. Đại Việt sử ký tục biên, sách đã dẫn, tr.406.

12. Đại Việt sử ký tục biên, sách đã dẫn, tr.413.

13. Đại Việt sử ký tục biên, sách đã dẫn, tr.413.

14. Đại Việt sử ký tục biên, sách đã dẫn, tr.413-414.

15. Đại Việt sử ký tục biên, sách đã dẫn, tr.423.

*Phúc Thận từ Càn Vọt đem quân đến cứu. Lý Tài xa thấy bóng cờ ngỡ là quân Đông Sơn đến đánh úp mình tự rút quân về. Giặc thừa thế đuổi theo. Quân Lý Tài chạy rối loạn đến Tam Phụ, bị quân Đông Sơn giết hết*<sup>16</sup>.

Chúng ta thấy rằng cả hai nguồn sử liệu đều không ghi rõ là Lý Tài có bị giết trong trận đánh này hay không, nhưng dựa vào đây, một số sách sau này cho rằng Lý Tài đã chết vào năm 1777<sup>17</sup>.

Những sự kiện liên quan đến nhân vật Lý Tài được sử sách ghi lại khá nhiều, tuy nhiên lai lịch của nhân vật này về quê quán, nơi ở, dòng họ, tuổi tác vẫn còn nhiều khoảng trống. Một số ghi chép ngắn gọn chỉ cho biết Lý Tài là người Hoa, gốc Phúc Kiến sống ở Phù Ly, Bình Định<sup>18</sup>.

Gần đây với việc sưu tầm, phát hiện một số tư liệu mới, trong đó có những thông tin có thể giúp xác định lai lịch của nhân vật Lý Tài.

Trong *Quảng Nam tỉnh tạp biên* thực hiện dưới thời Pháp thuộc 1943<sup>19</sup>, phần khai của xã Minh Hương, Hội An cho ta biết một thông tin quan trọng: “*Còn các vị hương hiền có sắc phong như Lý Đại Thành là Trung quân Chấn sai vệ Khâm sai phó vệ Thành Đức hầu theo vua Gia Long có công dẹp giặc truy tặng Phụ quốc công thần Quang tấn Chiêu Nghị tướng quân người làng Minh Hương, con của Lý Vinh quan, theo truyện ký thì ông này trước là Lý Tài đầu quân Tây Sơn sau vì Thái tử<sup>20</sup> phải Tây Sơn bắt giam, giao cho ông Lý Tài giữ. Lúc nửa đêm ông lên dẫn thái tử tẩu thoát, rồi vào sung quân đội theo vua Gia Long. Vì công đức đầy nên được tặng dự sắc phong*”.

16. Quốc sử quán triều Nguyễn, sách đã dẫn, tr.189.

17. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng (1976), *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, Nxb Quân đội Nhân dân, tr.50.

18. *Đại Việt sử ký tục biên*, sách đã dẫn, tr.406; *Nguyễn thị Tây Sơn ký*, sách đã dẫn, tr.22.

19. Bản sao hiện lưu tại Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An.

20. Tức Đông Cung Phúc Dương.

Trong số các giấy tờ do làng Minh Hương ở Hội An để lại có một bản sắc phong cho Lý Đại Thành niên đại 1803, được viết trên vải<sup>21</sup>. Đây là sắc truy phong cho Lý Đại Thành, người làng Minh Hương do có nhiều công lao với nhà Nguyễn trong buổi đầu phục quốc. Nội dung được dịch như sau:

Sắc phong cho Khâm sai Phó Vệ úy vệ Chấn Sai thuộc Trung quân là Thành Đức hầu Lý Đại Thành đã quá cố

Anh hùng phong thái tựa kiêu reo

Tráng kiệt chí tâm như nổ cứng

Thuở trời đất mịt mù, xoay chuyển trong chờ vào đó nhiều năm hăng hái cơ mưu

Buổi trần đôn tạo dựng, gian nan là lúc khởi đầu, trăm trận ruổi rong chiến mã

Dự binh giáp kẻ đã uyên thâm

Vượt chông gai phò ngôi chân Chúa

Khuya giáo chỉ huy chúng sĩ, Đông đô rực rỡ chiến công

Gối đồng khích lệ trăm quân, Tây tặc rụng rời hồn vía

Nay được người thế này chừ

Trời sao đoạt đi chóng vậy

Vậy xứng đáng được tặng thêm là: Phụ quốc công thần, tiến phong Chiêu Nghị Tướng quân Khâm sai Chánh vệ úy vệ Cẩm Y thuộc quân Thương Hộ tước Thành Đức hầu thụy là Cương Chính.

Than ôi

Muôn thuở vinh danh bất hủ, trung nghĩa sáng soi

Nghìn năm chính khí mãi còn, cương thường vững chãi

Nghĩ nhớ hương hồn linh sáng

Hãy nên kính nhận sùng ân

21. Sắc phong này được Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An (nay là Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hoá Thế giới Hội An) giới thiệu trong sách *Di sản Hán Nôm*, Nxb Đà Nẵng, 2021, tr.161.

Vì vậy ban sắc này

Ngày 14 tháng 3 năm Gia Long thứ 2  
(1803)

(Người dịch Nguyễn Bội Liên).

Đọc toàn văn bản sắc phong chúng tôi thấy rằng, công lao Lý Đại Thành có nhiều điểm tương tự với những sự kiện liên quan đến cuộc đời binh nghiệp của Lý Tài được lưu lại trong các nguồn sử liệu đã giới thiệu ở trước. Đó là việc bảo vệ Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương ở phố Hội An từ những ngày đầu bôn tẩu (vượt chông gai phò ngói chân chúa), là việc tham gia các trận đánh với Tây Sơn ở Gia Định (Đông Đô rục rờ chiến công Tây tặc rụng rời hồn vía). Đông Đô là tên gọi khác của Gia Định, Tây tặc ở đây là Tây Sơn. Cũng cần phải nói thêm rằng đến năm Bảo Đại thứ 18 (1943). Lý Đại Thành được phong là nhân thần và giao làng Minh Hương, Quảng Nam phụng thờ.

Trong sách Nhà Tây Sơn của Quách Tấn và Quách Giao, một cuốn sách được đánh giá là: “*được viết với phương châm ghi chép lại các sự kiện lịch sử chính xác theo sự phản ánh của nhân dân địa phương, cụ thể là theo lời truyền của các bậc trưởng thượng từng sống thời Tây Sơn ở đất Tây Sơn*” thì chép rằng: “*Lý Tài ở Bình Thuận biết rằng vua tôi Tây Sơn Vương có ý nghi mình, bèn bỏ chạy đầu hàng chúa Nguyễn. Nhưng rồi lại bỏ chúa Nguyễn kéo quân đến chiếm cứ núi Chiêu Thái ở Biên Hoà. Nghe tin đồn Đông Cung Dương vào Gia Định, Tài đón về tôn làm Tân Chính Vương, rồi đưa vào Sài Gòn, tôn Định Vương làm Thái Thượng Vương. Đỗ Thanh Nhân không phục bỏ về Đông Sơn.*”

*Được tin lung củng giữa bấy tôi nhà Nguyễn, tháng 3 năm Đinh Dậu (1777) Tây Sơn Vương sai Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem thủy binh vào đánh Gia Định.*

*Lý Tài không chống nổi, cầu viện quân Đông Sơn, Đỗ Thanh Nhân làm ngơ Thành*

*Sài Côn thất thủ, Lý Tài chạy trốn ở núi Chiêu Thái, Thái Thượng Vương Thuần chạy qua Long Xuyên. Tân Chính Vương Dương chạy đến Vĩnh Long. Cả hai đều bị quân Tây Sơn bắt giết”<sup>22</sup>.*

Về Lý Đại Thành, may mắn là Đại Nam thực lục đã ghi chép một sự kiện liên quan đến ông: “*Tân Dậu (1801), Biên bố quân ngạch cũ Trung chi của Trung quân và quân mới hàng làm 5 đồn (Trung đồn gồm 3 vệ, Chấn Sai, Chấn Phong, Chấn Anh... (lấy) Cựu quán quân Võ Văn Ngữ làm Chánh vệ vệ Chấn Sai. Tham mưu đồn quân đạo Hưng Nghĩa là Lý Đại Thành và Cai đội đội Chấn Sai là Trần Văn An làm Phó vệ...”<sup>23</sup>.*

Như vậy chúng ta biết rằng năm 1801, Lý Đại Thành đã được phong Phó vệ úy vệ Chấn Sai thuộc Trung quân, đúng như chức quan ghi trong sắc phong năm 1803 nói ở trước. Ông đã mất trong khoảng thời gian từ 1801 - 1803, sau khi được phong Phó vệ úy vệ Chấn Sai. Sau khi mất ông được truy phong là Phụ quốc công thần Chiêu Nghị Tướng quân Khâm sai Chánh vệ úy vệ Cẩm Y thuộc quân Thượng Hộ, tước Thành Đức hầu. Ông là người làng Minh Hương ở Hội An<sup>24</sup>

Liên kết tất cả các sự kiện nêu trên cho phép ta xác định Lý Tài đã không chết trong cuộc chiến giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn tại Gia Định vào tháng 3 năm 1777. Sau đó ông đã đổi tên thành Lý Đại Thành và đạo Hòa Nghĩa thành đạo Hưng Nghĩa tiếp tục theo phò Đại Nguyên soái Nhiếp chính quốc Nguyễn Ánh cho đến ngày sự nghiệp thành công. Điều này phù hợp với nội dung sắc phong Lý Đại Thành năm 1803 và lời khai của chức sắc xã Minh Hương năm 1943 ♦

22. Quách Tấn - Quách Giao (2016), *Nhà Tây Sơn*, Nxb Văn hoá Nghệ thuật, tr.100.

23. Quốc sử quán triều Nguyễn, sách đã dẫn, tr.464-465.

24. Trước đây dân làng Minh Hương, Hội An sống rải rác từ Quảng Nam vào đến Gia Định, trong đó đông nhất là ở phố Hội An. Vì vậy dân làng Minh Hương ở Phù Ly, Bình Định cũng thuộc sự quản lý của làng Minh Hương, Hội An.

# CHÍNH SÁCH BAN THƯỜNG CỦA TRIỀU NGUYỄN Ở VÙNG ĐẤT HỘI AN

ThS. Phạm Phước Tịnh

## 1. Đặt vấn đề

Trong xã hội phong kiến Việt Nam, đặc biệt dưới triều Nguyễn, các danh hiệu như “*Tiết hạnh khả phong*” (người giữ khí tiết, đức hạnh đáng được tôn vinh, nêu gương), “*Tiết hạnh danh văn*” (người có khí tiết, đức hạnh đáng kính đáng được ca ngợi, lưu truyền), “*Hiếu hạnh khả phong*” (người có lòng hiếu thảo, đức hạnh tốt đẹp đáng được nêu gương), “*Hảo nghĩa khả gia*” (người có lòng làm việc thiện, việc nghĩa cho cộng đồng đáng được tôn vinh),... được triều đình sử dụng như một hình thức khen thưởng, biểu dương các chuẩn mực đạo đức Nho giáo trong đời sống xã hội. Thông qua việc ban sắc, cấp biển ngạch và hiện vật khen thưởng, triều đình ghi nhận những cá nhân có hành vi đạo đức tiêu biểu như phụ nữ giữ trọn tiết hạnh, con cháu hiếu thảo, người chồng sống có nghĩa tình, gia đình làm việc nghĩa... Các quy định về ban thưởng được thể chế hóa khá cụ thể, phân định theo hạng bậc, đối tượng và hoàn cảnh, cho thấy vai trò của triều Nguyễn trong việc định hướng đạo đức xã hội. Những danh hiệu này không chỉ phản ánh hệ giá trị đạo lý truyền thống mà còn là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử, văn hóa, xã hội và quan niệm đạo đức ở nước ta thời quân chủ.

Tại Đô thị cổ Hội An, trong quá trình khảo sát thực địa, chúng tôi đã tiếp cận một số tấm biển hoành phi do triều đình ban

sắc tứ cho các cá nhân, gia đình, tộc họ trên địa bàn. Tiêu biểu có thể kể đến các hoành phi mang nội dung “*Tiết hạnh danh văn*”, “*Tiết hạnh khả phong*”, “*Hảo nghĩa khả phong*”, “*Hảo nghĩa khả gia*”. Những hoành phi này không chỉ phản ánh việc triều đình phong kiến biểu dương các giá trị đạo đức truyền thống như giữ khí tiết, đức hạnh, làm việc thiện,... mà còn được xem là nguồn tư liệu lịch sử - văn hóa quan trọng, góp phần làm rõ các chính sách văn hóa của triều Nguyễn đối với cộng đồng cư dân Hội An trong lịch sử.

## 2. Quy định của triều Nguyễn về ban thưởng

Chính sách ban thưởng của triều Nguyễn đối với những tấm gương đạo đức trong dân gian được hình thành ngay từ thời Gia Long và từng bước hoàn thiện qua các triều vua sau. Ngay sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã chú trọng khuyến khích và khen thưởng người dân làm việc thiện. Đến năm Minh Mạng thứ 3 (1822), nhà vua xuống dụ nhấn mạnh việc biểu dương các chuẩn mực đạo đức như: “*Tôi trung, con hiếu, gái tiết, trai nghĩa, người dân trong nước phải nên khuyến khích. Từ xưa, nêu cao người hiếu, biểu dương người liêm, là để rèn luyện tục dân, sáng tỏ giáo hóa. Trẫm kính nối cơ đồ vinh quang, mở rộng đường lối chính trị. Phàm có trung thần, phong cho thờ cúng, liệt nữ, thường biển nêu khen, có đủ cả điển lệ. Nhưng hiếu*

tử, nghĩa phu vẫn chưa được biểu dương, như thế là đường lối dạy dân thành tục tốt, còn lo chưa được đầy đủ. Chuẩn từ nay, các thành, doanh, trấn đều nên để tâm tìm tòi. Phàm dân gian có hiếu tử đối với cha mẹ, thực hành rõ rệt, như loại sớm tối hầu thăm, trước biết ý mà thuận theo, việc sống nuôi, chết chôn đều phải hết đạo, trong làng xóm đều khen là hiếu tử, nghĩa phu, thấy tài lợi, lòng không chuyển động, như loại được vàng trả chủ, không háms lợi một cách cầu thả, khi từ hay nhận, lấy hay cho, đều hợp với nghĩa, mà già trẻ đều tin là người liêm. Cho phép hương lý kê rõ họ, tên, tuổi và quê quán, cam kết nhận thực. Quan trấn hạt ấy trình bày thực trạng cùng lời xét khai làm tờ tâu, do bộ Lễ tâu lên đội chuẩn nêu thưởng để xứng với ý tốt của trăm dạy bảo uốn nắn phong tục”<sup>1</sup>.

Năm Tự Đức thứ 29 (1876), chính sách này được thể chế hóa thành định lệ cụ thể, chi tiết về mức thưởng, hình thức khen tặng, sách Đại Nam thực lục ghi chép: “Con hiếu, cháu thảo, chồng có nghĩa, vợ giữ tiết, hạng ưu thưởng 30 lượng bạc, 2 tấm sa nam, 1 tấm biển, xung quanh chạm hồi văn, rồng, hoa, sơn son thếp vàng, trước khắc 2 chữ “Sắc tứ”, ở giữa khắc ngang 4 chữ to, như con hiếu, khắc “Hiếu hạnh khả phong”, cháu thảo khắc “Hiếu thuận khả phong”, chồng có nghĩa khắc “Hạnh nghĩa khả phong”, vợ giữ tiết khắc “Tiết hạnh khả phong”, hàng dưới khắc các chữ họ, tên người ấy, người ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào, hiếu hạnh có tiếng, đặc cách cho nêu thưởng, để khuyến người sau. Còn thì theo thể suy ra, sau, khắc niên hiệu ngày, tháng, dưới cũng thế, nhà nước làm nhà cho.

Nếu tiết phụ là vợ thứ, vợ lẽ, chiếu theo hạng bình thì tiết phụ là vợ cả, thưởng

20 lượng bạc, sa nam 1 tấm, 1 tấm biển, hạng bình cũng thưởng 20 lượng bạc, sa nam 1 tấm, 1 tấm biển. Nếu tiết phụ là vợ thứ, vợ lẽ, chiếu theo hạng thứ thì tiết phụ là vợ cả, thưởng 15 lượng bạc, hạng thứ cũng thưởng 15 lượng bạc. Nếu tiết phụ là vợ thứ, vợ lẽ thưởng 10 lượng bạc. Về theo lệ cũ dưới đây: Phàm tiết phụ quyền sinh, thưởng 1 tấm biển, chạm khắc như tiết phụ là vợ cả, vợ thứ, vợ lẽ, nhà nước làm nhà cho”<sup>2</sup>.

Đến năm Tự Đức thứ 36 (1883), định lệ ban thưởng tiếp tục có sự thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế, sách Đại Nam thực lục cho biết: “... Hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ chiếu lệ năm Tự Đức thứ 29, đều giảm đi một nửa, mức thưởng về hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ: Hạng ưu 15 lượng bạc, 1 tấm sa nam, biển ngạch 1 bức (sơn và khắc chữ theo lệ cũ), nhà nước làm nhà cho để treo biển. Còn tiết phụ mà là vợ thứ, vợ lẽ, thì thưởng bạc 10 lượng, sa nam 1 tấm, biển ngạch 1 bức, không được nhà nước làm nhà cho để treo biển (dưới này cũng thế). Hạng bình: 10 lượng bạc, sa nam 1 tấm, biển ngạch 1 bức, nếu là vợ thứ, vợ lẽ thì thưởng 8 lượng bạc. Hạng thứ: thưởng 8 lượng bạc, nếu là vợ lẽ, vợ thứ thì 6 lượng”<sup>3</sup>. Qua quá trình thực hiện, tuy định lệ được điều chỉnh theo hướng giảm mức khen thưởng nhưng vẫn giữ nguyên hình thức tôn vinh, cho thấy chính sách này được duy trì thường xuyên, thích ứng với điều kiện thực tế thời bấy giờ.

Có thể nói, dưới thời triều Nguyễn, các vua đã rất quan tâm đến việc khuyến khích và biểu dương những giá trị đạo đức tốt đẹp trong xã hội. Thông qua các chính sách khen thưởng kịp thời, triều đình tôn vinh những cá nhân, gia đình có lòng hiếu nghĩa, tích cực làm

1. Nội các triều Nguyễn (1993), Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Tập 7, Nxb Thuận Hóa, tr.160-161.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, 2007), Đại Nam thực lục, Tập 8, Nxb Giáo dục, tr.205.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 8, sđd, tr.600.

việc thiện,... đặc biệt đề cao người phụ nữ giữ gìn trinh tiết, đức hạnh, xem họ như những trụ cột, góp phần duy trì nền nếp gia phong và đạo lý truyền thống của dân tộc. Đây được xem là một biện pháp quản lý xã hội mang tính nhân văn và đặc sắc của triều Nguyễn.

### 3. Về các tấm biển hoành phi

#### 3.1. Về nội dung, hình thức

Qua kết quả khảo sát, các tấm biển hoành phi có nội dung cụ thể như sau: “*Tiết hạnh danh văn*” hiện lưu giữ tại nhà số 26 Bạch Đằng và nhà thờ tộc Trương (số 69/1 Phan Châu Trinh); “*Hảo nghĩa khả phong*” tại nhà số 43 Trần Phú, “*Hảo nghĩa khả gia*” tại hội quán Phước Kiến và hội quán Quảng Triệu, cùng các hoành phi “*Tiết hạnh khả phong*” tại nhà số 7 Nguyễn Thị Minh Khai<sup>4</sup> và nhà số 117 Trần Phú.

Về thời gian: các tấm biển được ban sắc tứ dưới 3 triều vua là Tự Đức, Khải Định, Bảo Đại, trong đó tấm biển có niên đại sớm nhất là năm Tự Đức thứ 33 (1880), tấm biển có niên đại muộn nhất là năm Bảo Đại thứ 15 (1940).

Về nội dung: có 5 tấm biển ghi rõ tên người được ban sắc như Nguyễn Thị Mân (Lâu) (nhà số 26 Bạch Đằng), Đặng Lân (nhà 43 Trần Phú), Tạ Thị Yên (117 Trần Phú), Lê Thị Thảo (7 Nguyễn Thị Minh Khai), Đặng Thị Vịnh (69/1 Phan Châu Trinh). Đây là những cá nhân sinh sống tại xã Hội An, xã Cẩm Phô và xã Minh Hương lúc bấy giờ; các tấm biển còn lại thì không ghi tên họ, địa chỉ cư trú nên chưa thể xác định cụ thể tên người.

Về địa điểm: có 4 tấm biển treo tại nhà, 1 tấm biển tại nhà thờ tộc và 2 tấm biển tại hội quán.

4. Hiện nay, gia chủ đã chuyển tấm biển và đi sinh sống tại nơi khác, trong bài viết này chúng tôi vẫn sử dụng nhà số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - nơi lưu giữ tấm biển trước đây cho toàn bài viết.

### 3.2. Phiên âm và dịch nghĩa

#### 3.2.1. Hoành phi “*Hảo nghĩa khả phong*”

- Tại nhà 43 Trần Phú<sup>5</sup>



**Nguyên văn:**

勅賜

好義可風

嗣德叁拾三年秋月吉日

鄧麟奉守

**Phiên âm:**

Sắc tứ Hảo nghĩa khả phong

Tự Đức tam thập tam thu nguyệt cát nhật

Đặng Lân phụng thủ.

**Dịch nghĩa:**

Sắc tứ Hảo nghĩa khả phong

Ngày tốt tháng mùa thu năm Tự Đức thứ 33 (1880)

Đặng Lân kính cẩn giữ gìn.

#### 3.2.2. Hoành phi “*Hảo nghĩa khả gia*”

- Tại hội quán Phước Kiến - số 46 Trần Phú

5. Trong bài viết “Dấu tích chính sách văn hóa của triều Nguyễn tại Hội An”, tác giả Ngô Đức Chí bước đầu thông tin hai tấm biển hoành phi sưu tầm được tại nhà 43 Trần Phú và 117 Trần Phú, <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/Dau-tich-chinh-sach-van-hoa-cua-trieu-Nguyen-tai-Hoi-An-434.html>.



**Nguyên văn:**

勅賜

好義可嘉

啟定三年冬月吉日

御製

**Phiên âm:**

Sắc tứ Hảo nghĩa khả gia

Khải Định tam niên đông nguyệt cát nhật

Ngự chế

**Dịch nghĩa:**

Sắc Hảo nghĩa khả gia

Ngày tốt tháng mùa đông năm Khải Định thứ 3 (1918).

[vua] chuẩn định.

- Tại hội quán Quảng Triệu – số 176 Trần Phú



**Nguyên văn:**

勅賜

好義可嘉

啟定三年十月吉日

**Phiên âm:**

Sắc tứ Hảo nghĩa khả gia

Khải Định tam niên thập nguyệt cát nhật

**Dịch nghĩa:**

Sắc Hảo nghĩa khả gia

Ngày tốt tháng 10 năm Khải Định thứ 3 (1918).

**3.2.3. Hoàn phi “Tiết hạnh khả phong”**

- Nhà số 7 Nguyễn Thị Minh Khai<sup>6</sup>



**Nguyên văn:**

勅賜

節行可風

黎氏草廣南省奠磐府延福縣富霑下總會安社有節行名聞預在次項特賜旌賞用勸來者

啟定陸年叁月吉日造

6. Xem thêm bài viết Trần Thanh Hoàng Phúc – Ngô Đức Chí (2022), “Nghiên cứu mộ cổ ở Hội An: trường hợp ngôi mộ ở Hậu Xá”, <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/nghien-cuu-mo-co-o-hoi-an-truong-hop-ngoi-mo-o-hau-xa-1037.html>. Trong bài viết cho biết, bà Lê Thị Thảo tên tự là Xuân Huy, tên thật là Huệ Mẫn, bà làm dâu họ Trần. Sau khi qua đời, bà được an táng tại khu vực Hậu Xá, phường Hội An Tây ngày nay (*trước đây là phường Thanh Hà, thành phố Hội An*), ngôi mộ do con trai của bà là ông Trần Cang cùng cháu nội và chất đồng bái lập vào năm Bảo Đại thứ 13 (1938).

**Phiên âm:**

Sắc tứ Tiết hạnh khả phong

Lê Thị Thảo Quảng Nam tỉnh Điện Bàn phủ Diên Phước huyện Phú Triêm hạ tổng Hội An xã hữu tiết hạnh danh văn, dự tại thứ hạng đặc tứ tinh thưởng dụng khuyến lai giả.

Khải Định lục niên tam nguyệt cát nhật tạo.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho bà Lê Thị Thảo, xã Hội An, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam là người có tiết hạnh. Nay đã nghe danh, được xếp hạng và ban thưởng để khuyến khích về sau.

Ngày tốt tháng 3 năm Khải Định thứ 6 (1921).

- Nhà số 117 Trần Phú



**Nguyên văn:**

勅賜

節行可風

謝氏燕廣南省奠磐府延福縣富霽總明鄉社人有節行名聞預在次項特賜旌賞用勸來者。

啟定肆年五月吉日造

**Phiên âm:**

Sắc tứ Tiết hạnh khả phong

Tạ Thị Yến Quảng Nam tỉnh Điện

Bàn phủ Diên Phước huyện Phú Triêm tổng nhân hữu tiết hạnh danh văn, dự tại thứ hạng đặc tứ tinh thưởng dụng khuyến lai giả.

Khải Định tứ niên ngũ nguyệt cát nhật tạo.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho bà Tạ Thị Yến, xã Minh Hương, tổng Phú Triêm, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam vốn là người có tiết hạnh. Nay đã nghe danh, được xếp hạng và ban thưởng để khuyến khích về sau.

Ngày tốt tháng 5 năm Khải Định thứ 4 (1919).

**3.2.4. Hoàn phi “Tiết hạnh danh văn”**

- Nhà thờ tộc Trương - số 69/1 Phan Châu Trinh<sup>7</sup>



**Nguyên văn:**

勅賜

節行名聞

鄧氏詠奠磐府富霽總明鄉社特賜扁額以示勸欽奉

保大十五年

**Phiên âm:**

Sắc tứ Tiết hạnh danh văn

Đặng Thị Vịnh Điện Bàn phủ Phú

7. Ảnh chụp: Trương Nguyên Ngã.

Triêm tổng Minh Hương xã đặc tứ biên ngạch dĩ thị khuyến khâm phụng.

Bảo Đại thập ngũ niên.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho bà Đặng Thị Vịnh, quê tại xã Minh Hương, tổng Phú Triêm, phủ Điện Bàn, được triều đình đặc cách ban tặng biên ngạch để biểu dương và khuyến khích mọi người noi theo.

Năm Bảo Đại thứ 15 (1940).

- Nhà số 26 Bạch Đằng



**Nguyên văn:**

勅賜

節行名聞

阮氏旻廣南省奠磐府錦鋪社  
節行名聞特賜扁額以示勸遵奉

保大十五年三月十五日

**Phiên âm:**

Sắc tứ Tiết hạnh danh văn

Nguyễn Thị Mân Quảng Nam tỉnh  
Điện Bàn phủ Cẩm Phô xã đặc tứ biên  
ngạch dĩ thị khuyến tuân phụng.

Bảo Đại thập ngũ niên tam nguyệt  
thập ngũ nhật.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho bà Nguyễn Thị Mân, quê tại xã Cẩm Phô, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, được triều đình đặc cách ban tặng biên ngạch để biểu dương và khuyến khích mọi người noi theo.

Ngày 15 tháng 3 năm Bảo Đại thứ 15 (1940).

**4. Tạm kết**

Qua việc khảo cứu các quy định của triều Nguyễn và sự tồn tại của các tấm biển hoành phi, có thể thấy rõ vai trò của nhà nước phong kiến trong việc thể chế hóa các quy định và lan tỏa các chuẩn mực đạo đức Nho giáo trong đời sống xã hội ở vùng đất Hội An nói riêng, cả nước nói chung thời bấy giờ. Những danh hiệu như “Tiết hạnh khả phong”, “Tiết hạnh danh văn”, “Hào nghĩa khả phong”, “Hào nghĩa khả gia” vừa là hình thức khen thưởng vừa là công cụ truyền tải những giá trị văn hóa tốt đẹp trong xã hội, qua đó nhằm nêu gương và định hướng các chuẩn mực đạo đức trong cộng đồng, gia đình, tộc họ.

Cùng với hệ thống các hoành phi trong các di tích tôn giáo - tín ngưỡng, thì các tấm biển hoành phi này là bộ phận quan trọng của di sản văn hóa vật thể gắn liền với giá trị văn hóa phi vật thể ở Đô thị cổ Hội An. Việc bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị của chúng không chỉ góp phần làm sáng tỏ lịch sử xã hội và văn hóa Triều Nguyễn, mà còn có ý nghĩa trong việc giáo dục truyền thống, bồi đắp các giá trị nhân văn và bản sắc văn hóa địa phương trong bối cảnh hiện nay

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Tập 7*, Nxb Thuận Hóa.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, 2007), *Đại Nam thực lục, Tập 8*, Nxb Giáo dục.

3. Tư liệu khảo sát, điền dã tại Hội An.

# TIẾP CẬN QUAN LỘ VÀ NHỮNG CHÍNH SÁCH VỀ HỌC VẤN, PHÉP KHOA CỬ CỦA VỊ NGUYỄN TƯỜNG VÂN QUA GÓC NHÌN TƯ LIỆU

CN. Lê Thị Lưu

Khi nhắc đến gia tộc có nhiều vị khoa bảng, vẻ vang trên con đường công danh sự nghiệp, thi đỗ, làm quan, trải dài qua các đời vua của triều đại nhà Nguyễn ở mảnh đất Hội An, không thể không nhắc đến gia tộc Nguyễn Tường. Gia tộc này có nhiều vị đỗ đạt cao trong các khoa thi như Nguyễn Tường Vân thi đỗ Tam trường; Nguyễn Tường Vĩnh, Phó bảng kỳ thi Hội; Nguyễn Tường Phổ, Tam giáp đồng Tiến sĩ. Bên cạnh đó còn có những người làm quan, được cấp văn bằng tặng sắc như Nguyễn Tường Hân, Nguyễn Tường Tiếp, Nguyễn Tường Tranh...

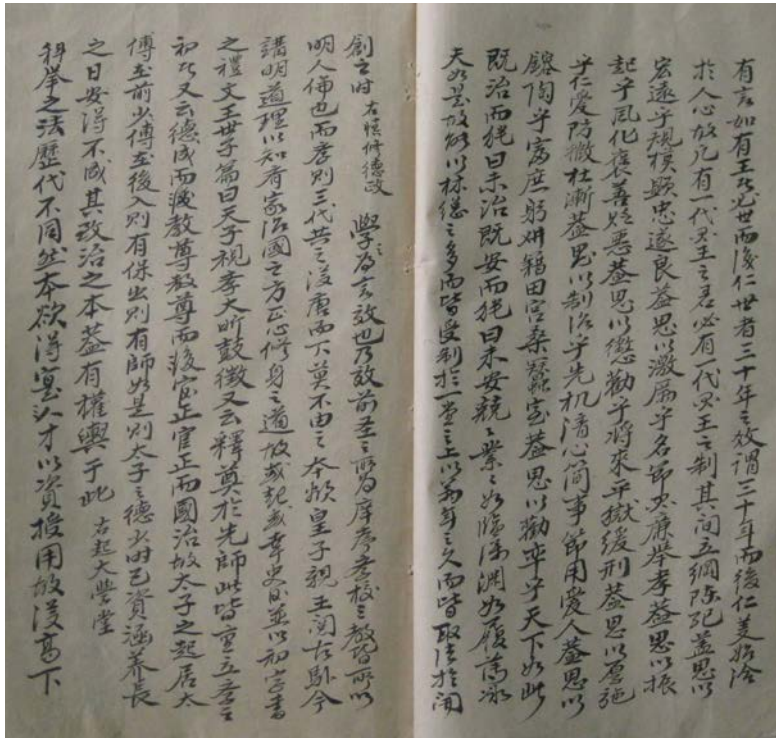
Là một trong những Tiến sĩ của vùng đất Quảng Nam, Nguyễn Tường Vân đã trải qua những chức danh quan trường nổi bật, vinh danh trong cuộc đời hoạn lộ của mình. Năm 1796 ông thi đỗ Tam trường, được bổ vào chức Phủ Lễ sinh, rồi nâng lên chức Nhập thị Thư viện. Trải qua thời gian tòng chinh ở cửa biển, năm 1797 ông được thăng chức Thị thư Phụng chỉ. Năm sau ông được thăng chức Thần sách quân Trục vệ Tham luân, đến Chính dinh Tri bạ Tri Nội các. Đến năm Gia Long thứ 2 (1803) ông được ban chiếu thăng chức Cai bạ dinh Quảng Nam. Năm 1809, bị giáng chức làm Thiêm sự bộ Hộ. Lần lượt được thăng chức ở các trấn thủ, từ Ký lục trấn Bình Thuận, đến Hiệp trấn ở trấn Nghệ An. Đến năm Gia Long thứ 16 (1817), kiêm chức Bắc Thành Hộ tào sự vụ, năm sau ông được sung vào chức Đề điệu trường thi Nam Định. Tháng 7 năm 1820,

ông được triệu hồi về Kinh và thăng làm Binh bộ Thượng thư, vẫn giữ chức Hành duyệt Tuyển sự ở Bắc thành.

Sự phát triển về khoa học, học vấn, tư tưởng giáo dục của thời đại lúc bấy giờ đều sử dụng những tư tưởng chính thống của Nho gia, triều Nguyễn cũng lấy Nho giáo làm Quốc giáo. Nhờ tiếp cận những tư tưởng này từ sớm, Nguyễn Tường Vân đã có những nhận định, đánh giá khách quan về thực tế xã hội của triều Nguyễn, và đưa ra nhiều chính sách, tư tưởng về học vấn, duyệt tuyển, về khoa cử, những phương án về cải cách xã hội... bằng việc đề cập đến những tư tưởng giáo hóa.

Thế nên, với tư tưởng Nho giáo trải dài từ khi học tập, đến cuộc đời quan trường, Nguyễn Tường Vân đã có những quan điểm bày tỏ về tư tưởng của mình đối với bề trên, như tư tưởng dám nghĩ dám làm, dám dâng tấu sớ về những phương án cải cách đất nước, xã hội, những vấn đề chính trị cấp thiết với tấm lòng thương dân ái quốc... Trong đó, có việc luận về việc học, đề cao sự giáo dục, ông đã đưa dẫn chứng xuất phát từ thời Tam đại, hay Hán, Đường, cũng như tư tưởng của Khổng Tử về “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” như sau:

*“Học có thể là bắt chước vậy, là bắt chước các việc tiền thánh đã làm. Tường, tự, học hiệu là để giáo hóa, cốt để làm sáng tỏ nhân luân vậy. Mà học thì từ Tam đại cho đến Hán, Đường về sau, không đời nào không*



Bản tâu 10 điều chỉnh sách của Nguyễn Tường Vân, bản sao lưu tại Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

noi theo. Triều ta, các hoàng tử thân vương xem xét việc xưa, suy nghiệm việc nay, giảng rõ đạo lý để biết cách tề gia, trị quốc, biết lối chính tâm, tu thân nên hoặc đứng hoặc đi, sử quan đều lấy chữ đầu để viết ra lễ.

Thiên Thế tử của Văn vương nói rằng: “Thiên tử đến xem việc học, gióng lên hồi trống”. Lại nói: “Dân lễ cúng trước Tiên sư”, đều là trọng việc xây dựng nên học vấn ban đầu. Lại nói: “Đức đã nên rồi sau giáo dục mới đề cao, giáo dục đã đề cao rồi sau quan mới ngay thẳng, quan đã ngay thẳng rồi sau nước mới trị yên”. Cho nên việc đứng ngồi của Thái tử thì có Thái phó ở phía trước, Thiếu phó ở phía sau, vào thì có Sư bảo, ra thì có Sư phó, như thế thì đức của Thái tử thuở thiếu thời đã được hàm dưỡng, lúc trưởng thành làm sao không thành tựu được. Góc của việc đạt tới trị yên vốn đã khởi đi từ đó”.<sup>1</sup>

1. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2016), Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 2: - Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường, Nxb Đà Nẵng, tr.106.

Người xưa quan niệm chỉ có thi cử mới mang lại công danh, bổng lộc. Đối với những người muốn thành người tử tế, nhân hậu, biết trọng đạo lý thì phải học, còn muốn thành danh thì phải thi “Nhân bất học, bất tri lý” (Người không học tập thì không hiểu biết đạo lý làm người). Thế nên việc thi cử trong chế độ phong kiến lúc bấy giờ, là một trong những cuộc thi khắc nghiệt, quy củ và cam go với nhiều quy định, thể lệ, cũng như nội dung thi và việc chấm thi của mỗi triều đại đều sẽ khác nhau. Thế nên, bắt buộc các thí sinh phải am tường về Tam cương, Ngũ thường, Tứ thư, Ngũ

kinh, thì mới có thể đáp ứng được những yêu cầu, cũng như luận bàn về chính trị, xã hội, tư tưởng tương thông với thời cuộc.

Trong kế sách bàn về khoa cử, ông đã dẫn dắt câu chuyện, mượn xưa nói nay bằng việc đưa dẫn chứng về việc ban chiếu cầu hiền tài, về những bậc chính trị gia, nhà văn, nhà triết học Nho giáo như Giả Nghị, Giả Sơn, Trọng Thư là những người có ảnh hưởng lớn trong triều đình thời Tây Hán, và góp phần đề cao Nho giáo. Việc mở các kỳ thi, cốt yếu vẫn là cách tuyển bạt người hiền tài để gánh việc quan, giỏi về chính trị để tiếp nối sự yên dân, hưng thịnh cho đất nước:

“Phép khoa cử các đời không giống nhau. Nhưng gốc ở chữ muốn có thực tài để giúp cho việc bổ dụng, cho nên Hán Cao Tổ ban chiếu cầu hiền, mà Văn đế và Võ đế thuở mới tức vị thì việc đầu tiên là cử các kẻ sĩ hiền lương, chính trực. Lúc bấy giờ Giả Nghị, Giả Sơn, Trọng Thư đều dâng

sớ tâu bày chính sự. Việc ngôn luận này có thể là gương mẫu. Từ đó về sau mở nghề gầy nghiệp ở đây, ngợi ca là thịnh vượng. Từ đời Đường Tống về sau, các bậc công khanh tể phụ phần nhiều xuất phát từ chốn quan trường, phụ bật cho mưu lớn, sáng tỏ vương hóa. Triều ta thánh thần nối tiếp, mở rộng giáo hóa vốn đã có sự tác thành. Sáu năm một lần khai khoa, bố cáo trước. Kỳ thi Hoa văn đối với sĩ tử thì về thơ phú văn sách, tùy tài mà lấy, do tài mà gánh việc quan, cho nên giỏi về chính trị, nối tiếp yên ổn, truyền lại tuần lương đạo nghĩa. Tuy với vùng đất cuối cùng của phương Nam mới khai thác nhưng con người biết được đạo lễ nghĩa liêm sỉ, nguyên lại há không từ đó sao. Bề tôi nguyện noi theo mà thực hành, như lúc tại Gia Định, đã mở hai khoa Tân Hợi, Bính Thìn”<sup>2</sup>.

Trong đó, đối với một người làm quan, ông coi trọng là sự liêm khiết, ăn lương bổng lộc của triều đình, phải nuôi dưỡng được sự liêm khiết của chính mình, cũng chính là để con cháu noi theo: “Ngày xưa lúc người bề tôi nhận mệnh, thì được trao ấn và tua giải để trọng thể thống của triều đình, được nhận bổng lộc để chu cấp mà nuôi dưỡng sự liêm khiết của kẻ bề tôi. Cho đến hạng vị nhập lưu, ai lại không có bổng. Như thế mà không giữ được thân liêm khiết thì nước đã có pháp luật xét xử, ăn năn sao được”. Hay “Từ lúc ta ra làm quan đến nay thường giữ tấm lòng trung hậu, ý niệm trong sạch, siêng năng. Ta muốn khiến cho con cháu đều biết khuôn phép mà giữ gìn, để bảo vệ được con đường phúc cho tương lai”.

Vì vậy, với đức chính, ý thức tu dưỡng đạo đức, một lòng kẻ sĩ vì sự phồn vinh, an yên của nước nhà. Suốt một hành trình làm

quan liêm khiết, chỉ vì một lần liên can đồng liêu mắc tội, được giáng về bổng tinh. Dân chúng ở phủ Thăng, Điện hàng ngàn bạc kỳ lão kéo nhau ra Kinh để xin lưu lại cho ông. Vì vậy, mà hiếm thấy một vị quan nào được dân yêu thương, tôn kính như thế, cũng là do sự rèn giũa, bản lĩnh của bản thân mà thành.

Bên cạnh đó, nhận thấy được lòng thành, giữ được đạo lễ nghĩa của một vị quan trường đối với đất nước, cũng như sự phò tá của ông, ông được vua Minh Mạng ban hành chỉ dụ và ban bố đặc ân sau khi mất: “*Chuẩn cấp lễ “tuất điền”<sup>3</sup> sau khi mất: tiền, vật dụng. Ngoài ra, còn gia ân rất nhiều bằng việc xuất 200 lượng bạc, bên cạnh đó còn dạy bảo những người thờ tự lo lễ an táng đầy đủ, ban chỉ làm đúng nghi thức của bậc khanh tướng. Lại cấp cho một chiếc thuyền lớn để có thể làm phương tiện lo việc cho hành trình về quê. Năm Minh Mạng thứ 4 (1823), nhà vua lệnh sai quan viên lấy 20 lượng bạc, 2 tiền để ban cấp cho*”<sup>4</sup>.

Với những chính sách về giáo dục, kinh tế, chính trị, nông nghiệp, thuế khóa... của Nguyễn Tường Văn đối với triều đình nhà Nguyễn là một trong những chính sách thỏa đáng, nắm bắt được tình hình, sự đổi thay của đất nước qua các thời kỳ. Những tài liệu này đã góp phần không nhỏ trong việc tìm hiểu không chỉ về sự phát triển của giáo dục đối với một thời đại phong kiến kéo dài mấy ngàn năm lịch sử nước ta, mà còn mở ra góc nhìn về mối liên hệ chặt chẽ giữa những giá trị về học thuật, kinh tế, chính trị, văn hóa với vấn đề giáo dục của một triều đại

2. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, Sách đã dẫn, tr.106.

3. Lễ Tuất điền: Chỉ các nghi lễ tang ma, chôn cất dành cho các nhân vật cấp cao trong triều đình nhà Nguyễn, với quy mô lớn, và các thủ tục chi tiết thể hiện uy quyền và vai trò của người quá cố. Các nghi thức này thường bao gồm việc ban hành chiếu dụ, cử hành các buổi lễ theo nghi thức trang trọng.

4. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, Sách đã dẫn, tr.40.

# CÁC CƠ SỞ CHÙA PHẬT BẮC TÔNG Ở HỘI AN

KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc



Chùa Kim Bửu, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng

Di sản kiến trúc ở Hội An khá phong phú, đa dạng, trong đó, chùa Phật chiếm số lượng lớn trong loại hình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Theo thống kê, trên địa bàn thành phố Hội An<sup>1</sup> trước đây có 24 cơ sở thờ tự Phật giáo (*dưới sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Quảng Nam cũ*) thuộc hệ phái Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ. Theo các tư liệu, Phật giáo Bắc tông được truyền bá đến Hội An từ sớm (*muộn nhất là vào khoảng thế kỷ XVII*)<sup>2</sup>, đến khoảng nửa sau

1. Nay là 3 phường: Hội An, Hội An Tây, Hội An Đông và xã Tân Hiệp thuộc thành phố Đà Nẵng.

2. Những ngôi chùa được thư tịch nhắc đến sớm nhất là chùa Chúc Thánh và Vạn Đức. Hầu hết các ngôi chùa Bắc tông ở Hội An đều thuộc Thiên phái Lâm Tế Chúc Thánh. Thiên phái này ra đời cuối thế kỷ XVII, gắn với sự kiện Thiên sư Minh Hải - Pháp Bảo đời 34 dòng Lâm Tế khai sơn chùa Chúc Thánh ở Hội An, sau đó nhanh chóng được truyền bá rộng rãi tại các tỉnh miền Trung và Nam Việt Nam. Đó là các ngôi

thế kỷ XX mới có sự hiện diện của các hệ phái còn lại. Để tìm hiểu về hệ thống chùa Phật ở Hội An, chúng ta phải tìm hiểu sự đa dạng về nguồn gốc, tính chất quản lý và vai trò xã hội của chúng.

Xét về phân loại cơ sở thờ tự Phật giáo theo hệ phái Bắc tông, các học giả đi trước đã có nhiều cách phân loại chủ

yếu dựa trên đối tượng xây dựng, chủ thể quản lý... Nếu dựa trên nguồn gốc hình thành, chủ thể xây dựng, chùa có thể tạm phân thành 2 loại: Quốc tự và Hương tự. **Quốc tự** là những ngôi chùa do triều đình xây dựng hoặc đứng ra trùng tu, cấp kinh phí hoạt động, cấp ruộng đất (*tự điền*). Đây không chỉ là nơi tu hành mà còn là nơi tổ chức các đại lễ cầu cho quốc thái dân an, hoặc nơi các vị vua chúa đến lễ bái. **Hương tự**, còn gọi là chùa làng/chùa quê, là loại chùa phổ biến nhất, nằm ngay trong lòng các làng xã, thường do người dân tự đóng góp xây dựng và trông nom, có quy mô nhỏ, gắn liền chặt chẽ với đời sống cộng

chùa: Chúc Thánh, Vạn Đức, Phước Lâm, Viên Giác, Hải Tạng, Long Tuyên, Minh Giác (*chùa Phật Cẩm Hà cũ*), Bảo Thắng, Pháp Bảo, Kim Bửu, Long Thọ, thiền tự Bảo Châu.

3. "Hương" ở đây nghĩa là quê hương, thôn xóm.

đồng. Ngoài thờ Phật, đây là nơi dân làng đến cầu bình an, gửi gắm linh vị tổ tiên.

Một cách phân loại phổ biến khác là phân loại theo tính chất quản lý và mục đích. **Chùa chính thống (chùa Tăng/Ni):** Là những ngôi chùa do Giáo hội Phật giáo quản lý, có các vị sư tu học và duy trì giới luật nghiêm cần. Các nghi lễ tại đây thuần túy theo kinh điển Phật giáo, tập trung vào việc tu tập, giảng pháp và thờ phụng các vị Phật, Bồ Tát. **Chùa dân gian (chùa làng):** Là những ngôi chùa do cộng đồng dân cư lập ra và tự quản lý (*thường thông qua Ban Hộ tự hoặc các cụ trong làng*), tu học, kiêu thờ tự điển hình là “*tiền Phật, hậu Tổ*”. Thực tế hiện nay, rất nhiều làng đã cúng dường ngôi chùa, cung thỉnh chư Tăng/Ni về trụ trì, hướng dẫn thiện nam tín nữ tu học, trở thành chùa chính thống, không còn tính chất của chùa làng nữa.

Chùa dân gian cũng chính là Hương tự. Theo các cách phân loại trên, ở địa bàn thành phố Hội An (*trước đây*) không có Quốc tự, tất cả đều thuộc loại Hương tự. Hiện nay, tất cả đều là chùa chính thống, không còn chùa làng, bởi chùa nào cũng đã có chư Tăng/Ni trụ trì. Các cách phân loại này cũng chưa thật làm rõ tính chất, vai trò lịch sử của từng ngôi chùa. Vậy nên, cần có một cách phân loại khác, phù hợp hơn với thực tế về các ngôi chùa ở Hội An.

Căn cứ vào chủ thể đầu tư xây dựng, vai trò và diễn tiến lịch sử, có thể tạm phân các cơ sở thờ tự Phật giáo hệ phái Bắc tông ở Hội An thành 4 loại: chùa Tổ (*Tổ đình*), chùa làng, Niệm Phật đường/chùa Khuôn hội và chùa tư gia.

- **Tổ đình:** Một số chùa do các Tổ sư khai sơn, lập tự, ban đầu có tính chất như chùa làng, về sau phát triển mạnh mẽ, được gọi là Tổ đình (*nơi khởi nguồn của một dòng thiền, hệ phái, có các vị Tổ sư truyền thừa lâu đời*), gồm Chúc Thánh, Phước

Lâm, Vạn Đức và Long Tuyền. Thiền sư Minh Hải (1670 - 1746) khai sơn trụ trì chùa Chúc Thánh, Tổ đình của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Cao tăng Lương Giao khai sơn chùa Phước Lâm, sau Hòa thượng Ân Triêm (1712 - 1796) kế thừa Tổ nghiệp, trở thành Tổ đình thứ hai của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Chùa Vạn Đức do Tổ sư Minh Lượng Thành Đăng (1686 - 1769) khai sơn vào những năm đầu thế kỷ XVIII. Chùa Long Tuyền được Hòa thượng Phổ Thoại khai sơn vào năm Kỷ Dậu (1909). Các ngôi chùa này đều được chính quyền phong kiến ban “*Sắc tứ*”<sup>4</sup>.

Việc một ngôi chùa làng được ban “*Sắc tứ*”<sup>5</sup> là điều khá đặc biệt và vinh dự. Không phải ngôi chùa nào cũng được nhận vinh dự này. Chùa Sắc tứ là ngôi chùa được nhà vua trực tiếp ban tên hoặc ban biểu hiệu để vinh danh. Đây là một danh hiệu cao quý, và khi một ngôi chùa làng được “*Sắc tứ*”, nó không còn là một ngôi chùa làng bình thường mà đã trở thành một biểu tượng được chính quyền phong kiến bảo trợ và công nhận về mặt tâm linh hoặc công trạng. Do được hỗ trợ hoặc cho phép, các chùa Sắc tứ thường có quy mô lớn hơn chùa làng, và còn lưu giữ nhiều hiện vật, tư liệu cổ quý giá. Tại chính điện hoặc tam quan sẽ có tấm biển tên chùa, phía trước thường có hai chữ “*Sắc tứ*”, thường được sơn son thếp

4. Chùa được ban “*Sắc tứ*” vào các năm: Chùa Phước Lâm năm Duy Tân thứ 4 (1910); Chùa Chúc Thánh năm Khải Định thứ 5 (1920); Chùa Long Tuyền: Năm Bảo Đại thứ 8 (1933); Chùa Vạn Đức năm Bảo Đại thứ 20 (1945, *tuy nhiên mới chỉ có văn bản chấp thuận, chưa được ban biểu Sắc tứ do các biến động chính trị. Thông tin này do Thượng tọa Thích Như Tịnh – Trụ trì chùa Viên Giác, phường Hội An cung cấp*).

5. Thông thường, một ngôi chùa được chính quyền phong kiến “*Sắc tứ*” vì những lý do sau: Công nhận sự đóng góp của chùa đối với quốc gia; Biểu dương đạo hạnh vị sư trụ trì đức độ, tu hành tinh tấn; Chùa đề làm nơi cầu nguyện cho sự thịnh trị của triều đại, quốc thái dân an; Chùa do hoàng tộc đứng ra hưng công xây dựng và xin vua ban tên.

vàng trang trọng, như Sắc tứ Phước Lâm tự, Sắc tứ Chúc Thánh tự.

- **Chùa làng:** Do người dân trong làng xã lập ra để thờ phụng Phật, Thánh theo văn hóa dân gian thời ấy. Tiêu biểu là chùa Phật Quan Âm (*Minh Hương Phật tự, chùa Bà*) được người làng Minh Hương xây dựng từ khá sớm, muộn nhất cũng vào năm 1653<sup>6</sup>, thờ Quan Thế Âm Bồ Tát. Một ngôi chùa danh tiếng khác là Cẩm Lý tự được dân làng Cẩm Phô kiến tạo tại Xuyên Trung, xã Cẩm Phô vào thời Trịnh - Nguyễn phân tranh. Do bị sạt lở, năm 1841, chùa được thiên di đến vị trí hiện tại, đổi tên thành Viên Giác tự. Hơn 100 năm kể từ khi thiên di tái thiết (1841 - 1949), chùa không có Tăng trụ trì, tất cả đều do Hương chức làng Cẩm Phô quản lý. Sau 1949, chùa mới có Tăng trụ trì, từ đó truyền thừa phát triển khắp nơi trong nước cũng như hải ngoại<sup>7</sup>.

Tiếp đến là chùa Hải Tạng được dân làng Tân Hiệp sáng lập vào năm Cảnh Hưng thứ 19, Mậu Dần (1758) trên sườn núi cách vị trí chùa ngày nay khoảng 200m về hướng Đông bắc. *“Nguyên thủy, cách thờ tự được bố trí theo kiểu chùa làng xưa, thể hiện được tư tưởng Tam giáo đồng nguyên đã ảnh hưởng rất sâu đậm trong lòng dân chúng. Gian giữa bệ trên thờ Tam Tôn, bệ dưới thờ Ngọc Hoàng Thượng đế và sanh vị của Quốc vương. Bên phải thờ Quan Công, bên trái thờ Tổ sư. Hai bên tả hữu là hai pho tượng Hộ pháp rất uy nghi. Nhà hậu nối liền chánh điện, giữa thờ Bồ Tát Địa Tạng, hai bên thờ hương linh bách tánh. Về sau, bốn đạo của chùa đã thay đổi cách thờ tự”*.

Một ngôi chùa làng tiêu biểu khác là

6. Dẫn theo Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 1: Văn bia*, tr.44.

7. Lược dẫn theo Ban Trị sự Phật giáo Hội An (2021), *Phật giáo Hội An – Lịch sử tự viện và danh tăng tiêu biểu*, Nxb Hồng Đức, trang 46-48.

8. Ban Trị sự Phật giáo Hội An (2021), *sđđ*, tr.58.

chùa Kim Bửu, được dân làng Kim Bồng tạo lập từ thời các chúa Nguyễn, có tên ban đầu là Bửu Kim tự, mọi sinh hoạt đều do Hương chức trong làng quản lý theo tính cách của chùa làng. Năm 1941, dân làng hiến cúng ngôi chùa cho chư tăng, cải tên là Kim Bửu tự, vinh dự được triều đình nhà Nguyễn ban biển hiệu Sắc tứ vào năm Bảo Đại thứ 18 (1943)<sup>9</sup>.

Một ngôi chùa làng khác ở Hội An được khai sơn từ rất sớm (*trước 1746*)<sup>10</sup> ở châu Kim Bồng (*xã Cẩm Kim, nay thuộc phường Hội An*), tuy nhiên rất ít người biết đến, đó là chùa Hội Nguyên. Trải qua biến cố chiến tranh, ngôi chùa bị tàn phá nhiều lần, hư hoại hoàn toàn. Chùa được xây lại vào năm 2014, do Ban Hộ tự quản lý, và đến năm 2021, chùa chính thức có sư cô về trụ trì, tiếp tục chỉnh trang ngôi Tam bảo.

- **Niệm Phật đường/chùa Khuôn hội:** Đây cũng là một dạng chùa làng nhưng có tên gọi đặc thù để nhận biết các cơ sở thờ tự Phật giáo được thành lập, xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XX, khá phổ biến tại Hội An nói riêng và dải đất miền Trung nói chung, gắn liền với phong trào Chấn hưng Phật giáo.

Vào thập niên 30 của thế kỷ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc có ảnh hưởng rất lớn đến Phật giáo Việt Nam. Hưởng ứng phong trào này, tại miền Trung, *“An Nam Phật Học Hội thành*

9. Lược dẫn theo Ban Trị sự Phật giáo Hội An (2021), *sđđ*, tr.75.

10. Theo Ban Trị sự Phật giáo Hội An (2021), *sđđ*, tr.81:

*... tác phẩm “Long Thơ Tịnh Độ” do Tổ Thiệt Uyên Chánh Thông Chí Báo (đệ tử của Tổ Minh Hải Pháp Bảo) khắc in vào tháng Giêng năm Bình Dân niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7 (1746) có ghi chủ lúc đó tổ Thiệt Uyên là trụ trì chùa Hội Nguyên thuộc hai làng Đông Giáp và Nam Giáp của Châu Kim Bồng, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam, nước Đại Việt. Căn cứ theo tài liệu trên thì chùa Hội Nguyên phải được khai sơn trước năm khắc in tác phẩm này.*

*lập tại Huế do vua Bảo Đại làm Hội trưởng danh dự. Từ đây, Hội đã xây dựng các cơ sở khắp nơi, trong đó có Hội An*<sup>11</sup>. Đơn vị cơ sở ở làng, xã, phường... của Hội gọi là Khuôn hội, đơn vị nhỏ hơn dưới Khuôn hội ở thôn, xóm gọi là Vực. Cơ sở vật chất do Khuôn hội dựng nên để Phật tử tại địa phương đó cùng nhau sinh hoạt, tu học được gọi là chùa Khuôn hội hoặc Niệm Phật đường, thường do các Ban Hộ tự gồm cư sĩ, đạo hữu tại địa phương tự quản lý dưới sự hướng dẫn của Giáo hội. Nếu Vực nào có đông tín đồ thì xin tách riêng ra dựng Niệm Phật đường để bà con tiện đi lại sinh hoạt, sau này đủ điều kiện thì lên Khuôn hội.

Chùa Pháp Bảo ra đời trong thời kỳ này. Mặc dù hiện nay là một ngôi chùa lớn và quan trọng, nhưng trong lịch sử, đây từng là trụ sở chính của Tỉnh Hội An Nam Phật học tại Quảng Nam, có tính chất như một ngôi chùa Khuôn lớn nhất vùng. Người dân quen gọi là chùa Phật Học hoặc chùa Tỉnh Hội. Chùa được tạo lập năm 1936, ban đầu do đạo hữu trong Hội quản lý, đến năm 1942 mới cung thỉnh Đại đức về trụ trì. Ra đời muộn hơn so với các chùa khác, nhưng với vai trò của mình, chùa Pháp Bảo đã trở thành trung tâm hành chính điều hành Phật sự qua các thời kỳ của Giáo hội.

Ở Hội An có nhiều Khuôn hội nhưng không có Vực. Nhiều ngôi chùa trong các khu dân cư hiện nay vốn phát triển từ các Niệm Phật đường hoặc chùa Khuôn hội. Có thể kể đến như<sup>12</sup>:

+ Chùa Cẩm Thanh: theo lời kể của các bô lão, chùa có từ lâu, vào khoảng giữa thế kỷ XIX với tên Long Hộ tự, do các vị tiên chỉ, chức sắc trong làng quản lý. Năm 1947, theo lệnh tiêu thổ kháng chiến, dân

chúng rời đi tứ tán, chùa bị bỏ hoang không có người chăm sóc. Đến 1961, Giáo hội Phật giáo Cẩm Thanh tái sinh hoạt, tín đồ Phật tử rất đông, đến hơn 300 người, xây lại ngôi chùa tại thôn 2. Năm 1970, Khuôn hội xây dựng tại đây một ngôi Niệm Phật đường trang nghiêm, làm nơi sinh hoạt cho đạo hữu.

+ Chùa Cẩm Giác: trước đây, mỗi thôn Xuyên Trung, Hà Trung và Thanh Nam đều có Niệm Phật đường dưới sự hướng dẫn tu học của Hòa thượng Thích Long Trí. Năm 1957, Hòa thượng đặt đá khai sơn chùa tại Niệm Phật đường thôn Hà Trung và đặt tên là Cẩm Giác vì nơi đây là trung tâm của cả 3 thôn, thuận tiện cho Phật tử đi lại tu học.

+ Chùa Minh Giác: đầu năm 1958 đạo hữu Phật tử tại địa phương Cẩm Hà đã quy tụ sinh hoạt và thành lập Khuôn hội, lập chùa, cung thỉnh Đại đức Thích Như Huệ làm vị trụ trì đầu tiên. Tuy nhiên, do nhiều sự kiện xảy ra, trong những khoảng thời gian ngắt quãng, chùa do Khuôn hội trông coi (*do không có trụ trì*).

+ Chùa Long An: năm 1960, đạo hữu Phật tử tại Cẩm An mua đất dựng chùa, nhằm đáp ứng nhu cầu tu học của đông đảo tín đồ địa phương, đến 1962 mới hoàn tất với các hạng mục như chính điện, tam quan và bờ rào. Chùa được đặt tên là Long An, do đạo hữu tự quản lý, trông coi hương khói cũng như sửa sang, kiến tạo mới.

+ Chùa Phổ Triêm: vào năm 1962, đạo hữu Phật tử tại địa phương thành lập Khuôn hội Phật giáo Trường Lệ. Năm 1963, Khuôn hội lập chùa trong khu vực đất của hội đình làng Trường Lệ. Năm 1964, chùa được khánh thành với danh xưng ban đầu là Khuôn hội Phật giáo Trường Lệ. Năm 1994, chùa được trùng tu, đổi tên thành Phổ Triêm tự.

11. Dẫn theo Ban Trị sự Phật giáo Hội An (2021), *sđd*, tr.38.

12. Thông tin về các chùa lược dẫn theo Ban Trị sự Phật giáo Hội An (2021), *sđd*.

+ Chùa Phước An: năm 1964, đạo hữu Phật tử địa phương vận động làm một Niệm Phật đường bằng tre tại vườn nhà một đạo hữu, hiện nay là khối văn hóa Phước Trạch. Do chiến tranh ác liệt, đến năm 1966, Niệm Phật đường chuyển đến xóm Doi, đạo hữu Phật tử chung góp tịnh tài xây dựng xong ngôi Niệm Phật đường mới với tường gạch, mái tôn. Tháng 3/1967, ngôi Niệm Phật đường được khánh thành và Giáo hội công nhận là chùa Phước An.

+ Chùa Long Thọ: năm 1965, các đạo hữu vùng An Hội thỉnh Hòa thượng Thích Trí Minh về thành lập Khuôn hội Phật giáo An Hội, mượn nhà đạo hữu để làm Niệm Phật đường. Điều này có một số bất tiện trong sinh hoạt, không thể kéo dài nên năm 1968, đạo hữu xin chính quyền sở tại mảnh đất khoảng 100m<sup>2</sup> cạnh trường học để xây dựng chùa, đặt tên là Long Thọ tự. Năm 2004, theo phương án quy hoạch đô thị, chùa phải di dời đến địa điểm hiện nay trên đường Nguyễn Hoàng.

Cũng trong giai đoạn này, để xiển dương Phật pháp, đáp ứng nhu cầu tu học của tín đồ ở trại định cư Thanh Đông, phường Thanh Hà (cũ), Giáo hội tỉnh Quảng Nam lâm thời đã thành lập chùa An Lạc (1966), làm chỗ dựa tinh thần cho người dân thời chiến. Ngoài ra còn có tịnh thất Đé Châu (ghép từ tên đình Đé Võng và xã Cẩm Châu) được Giáo hội xây dựng trên đất (thuộc đình Đé Võng) do dân làng Cẩm Châu hiến tặng vào năm 1970, và đến năm 1977 bàn giao lại cho nhị vị Sư bà chùa Bảo Thắng, đổi tên thành tịnh thất Bảo Châu (ghép từ chữ Bảo Thắng và Cẩm Châu).

Các Niệm Phật đường hoặc chùa Khuôn hội hiện nay đều đã cung thỉnh các chư Tăng ni, Đại đức về trụ trì, hướng dẫn Phật tử tu học, trở thành chùa “chính

thống”, nhờ đó ngôi chùa được phát triển quang rạng, kiến trúc tôn tạo khang trang, thu hút đông đảo tín đồ.

- Đặc biệt, bên cạnh các ngôi chùa trên còn có **chùa tư gia** do cá nhân hoặc dòng họ xây dựng trên đất tư nhân để thờ tự riêng, “*cải gia vi tự*”. Ở Quảng Nam (cũ), hầu hết các chùa khác đều thuộc sự quản lý của Giáo hội, chỉ có duy nhất một ngôi chùa do tộc họ quản lý, đó là Thiên Đức tự, tọa lạc tại phường Hội An Tây. Chùa ban đầu có tên là Phổ Tuyên am, do một vị Hòa thượng họ Đinh thuộc đời thứ 35 dòng Lâm tế Chánh tông hiệu Thiệt Lương thiền sư khởi dựng vào khoảng đầu thế kỷ thứ XVIII, dần dần phát triển thành chùa Thiên Đức. Sau này, trong quá trình lịch sử, chùa được kết hợp thờ ông bà tổ tiên của họ Đinh nên có tên là nhà thờ tộc Đinh (*Đình từ đường*), hiện do gia tộc tự quản lý, hương khói.

Có thể nói, các cơ sở chùa Phật hệ phái Bắc tông tại Hội An như một bức tranh đa sắc thái. Các ngôi Tổ đình giữ vai trò bảo tồn di sản và dòng thiền chính thống, là minh chứng cho sự hiện diện của Phật giáo tại đây đã trên 350 năm. Chùa làng, Niệm Phật đường/chùa Khuôn hội đóng vai trò gắn kết cộng đồng, giúp Phật giáo đi vào từng ngõ ngách của đời sống, nay đều đã trở thành chùa chính danh, có chư Tăng ni trụ trì, hướng dẫn Phật tử tu học. Dù ở vùng ven hay thành thị, các ngôi chùa đều nằm trong khu dân cư, tiếng chuông chùa ngân vang mỗi sớm chiều đã trở thành một phần nhịp sống của người dân địa phương. Dù được gọi là gì, các ngôi chùa vẫn luôn đem lại những khoảng lặng quý giá, nơi ta tìm thấy sự thanh thoi, an lạc, đồng thời là điểm chiêm bái, tham quan thú vị cho du khách gần xa ♦

# KHÁM THỜ TRONG DI TÍCH CỔ Ở HỘI AN GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT VÀ DI SẢN TƯ LIỆU

CN. Võ Hồng Việt



Trong từng di tích ở phố cổ Hội An, ngoài sự cuốn hút về nghệ thuật kiến trúc mang “vẻ đẹp không trùng lặp” với mái ngói rêu phong hòa nhịp cùng những đường nét đắp vẽ uyển chuyển, các chi tiết gỗ chạm trổ công phu tỉ mỉ chứa đựng bao tâm huyết, cảm xúc dâng trào của nghệ nhân,... thì tại mỗi không gian chức năng là nơi lắng đọng chiều sâu văn hóa, chứa đựng hơi thở và nhịp sống của mỗi gia đình, dòng tộc, cộng đồng góp phần tạo nên phần hồn tinh túy của khu di sản.

## 1. Khám thờ - Không gian văn hóa, nghệ thuật đặc sắc

Theo kết quả khảo sát thực địa và từ những nghiên cứu trong thời gian qua cho thấy rằng, Khu phố cổ Hội An là nơi hiện diện đa dạng hình thức tín ngưỡng xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau như của người Chăm tiền trú, của người Việt, cộng đồng người Hoa, người Nhật và các thành phần dân cư khác... được định hình trong thời kỳ vàng son của đô thị thương cảng quốc tế Hội An được lưu giữ đến ngày nay. Có thể thấy, trong đó nổi bật là hình thức tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, các bậc tiền hiền khai khẩn hậu hiền khai cơ, thờ Phật, thờ thần như Bô Bô, Phiếm Ái, Đại Càn, Thái Giám Bạch Mã, Thổ Địa, Thành Hoàng, Bạch Thổ, Ngũ Hành, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, Phục Ba Tướng Quân, Bắc Đẩu Trấn Vũ, Thần tài, Táo quân, Thần cửa, Thần giếng, Thần không khí,... Tùy theo tính chất, mức độ và điều kiện của từng gia đình, cộng đồng mà những đối tượng thờ tự được thờ cúng với quy mô khác nhau trong không gian ngôi nhà và tại di tích riêng. Nơi thờ cúng được xác định là không gian linh thiêng nên được chủ nhà, cộng đồng thường dọn tâm sức, tài lực để trang hoàng nơi linh thiêng thêm phần tôn nghiêm, rực rỡ, “thoát tục” cùng với bao ước nguyện, niềm tin được gửi gắm vào đó.

Qua khảo sát các di tích ở phố cổ Hội An cho thấy, trong không gian thờ tự chung hoặc của từng đối tượng cụ thể, bên cạnh trang hoàng những bức hoành phi, các cặp liễn đối, bức nghi, các bức chạm trổ hay đồ án trang trí thể hiện điều tốt lành, thịnh vượng,... có một hạng mục vật chất độc đáo góp phần tăng thêm tính thiêng của không gian thờ tự đó là khám thờ. Hầu hết các khám thờ tại các di tích tín ngưỡng hay trong không gian thờ tự của mỗi ngôi nhà đều được tạo tác hết sức công phu, sắc sảo chứa đựng giá trị văn hóa, nghệ thuật sâu sắc. Các khám thờ thường được đóng bằng gỗ tốt và chạm trổ công phu, sơn son thếp vàng, song cũng có một số được xây - đắp bằng gạch ngói và vữa vôi, trang trí bằng hình thức cẩn mảnh sứ, xà cừ,... Kiểu khám thờ xây đắp thường gắn liền với tường công trình kiến trúc.

Với khoảng 100 khám thờ bằng gỗ đã tiếp cận được tại Khu phố cổ Hội An, mỗi cái mang những giá trị rất đặc sắc riêng về mỹ thuật và ý niệm tinh thần. Tùy theo vị trí tại di tích tín ngưỡng hay nhà ở hoặc tính chất đối tượng thờ tự, điều kiện tài chính của gia chủ, cộng đồng mà khám thờ được đóng có kích thước, kết cấu và hình thức khác nhau; đề tài, chi tiết trang trí nhiều hay ít, tinh xảo tỉ mỉ hay chỉ chạm khắc đơn giản. Về hình thức, những khám thờ gỗ ở phố cổ Hội An gồm loại có mày khám và không có mày khám, có một lớp hoặc hai lớp, để khám có 1, 2 hoặc 3 tầng, không có chân và có chân thẳng đứng hoặc chân quỳ... Đề tài, chi tiết trang trí trên khám thờ rất đa dạng. Mày khám thường chạm khắc

hay chạm lõng đề tài lưỡng long châu âm dương, lưỡng long triều dương, doi, phụng, sư tử - đồng tiền, hoa dây. Ở lớp ngoài thân khám, phần phía trên thường trang trí bức chạm lõng hoa dây, đề tài doi - đồng tiền, lý ngư vượt vũ môn, chim phụng, câu chữ Hán Nôm... và các nhân vật trong điển cố, điển tích Trung Quốc (*đối với các khám thờ ở một số hội quán*); hai bên thường trang trí đề tài con rồng, trúc tước, mai điều, hình chim phụng và hoa dây, câu đối Hán Nôm và chùm hoa quả, quy hạc và đồ vật trong bát bửu, bức đục thủng ô hình thoi và đồng tiền,...; phía dưới trang trí hình con long mã, lân, rồng, lý ngư vượt vũ môn...; con ke hình con rồng, cá hóa long, chim phụng, hoa dây, con doi,... Ở lớp trong thân khám, phần phía trên thường là câu Hán Nôm thể chữ chân hoặc thể chữ triện, hoa dây, chùm quả, đề tài con rồng, con doi...; hai bên thường là câu đối Hán Nôm thể chữ triện hoặc thể chữ chân, đề tài con rồng, hoa dây, đồ vật trong bát bửu, ô hình thoi, chim phụng...; con ke hình con rồng, chim phụng, doi, hoa dây... Về màu sắc, thân khám thờ thường được sơn màu đỏ, các câu chữ Hán Nôm hay chi tiết và đề tài trang trí thường thếp vàng màu vàng gạch hoặc vàng pha bạc, lòng khám sơn màu xanh lơ, xanh ve, màu đỏ, hồng nhạt.

Những khám thờ trong di tích phố cổ Hội An thực sự là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc trải qua hàng trăm năm tuổi. Nơi đây không chỉ hội tụ giá trị về nghệ thuật với vô vàn chi tiết, đề tài, đồ án trang trí giàu ý nghĩa, khẳng định sự điêu luyện, tài hoa của người nghệ nhân qua những đường nét chạm trổ, khắc vẽ,

son thép,... mà còn minh chứng tấm lòng thành tâm tôn kính cùng bao ý niệm cát tường, may mắn, phát tài, trường thọ.... Mỗi nén hương trầm tỏa bay trong không gian này hòa theo bao ước nguyện gửi đến bậc linh thiêng.

## 2. Giá trị độc đáo về di sản tư liệu

Song song với giá trị đặc sắc về nghệ thuật, mỗi khám thờ trong di tích phố cổ Hội An còn dung chứa những giá trị độc đáo về di sản tư liệu Hán Nôm. Đó là câu từ, câu đối chữ Hán Nôm được chạm khắc trên khám thờ bằng nhiều thủ pháp khác nhau. Có thể thấy, trong không gian mỗi khám thờ, bên cạnh các bài vị, linh vị khắc ghi chữ Hán Nôm về đối tượng, chủ thể thờ tự như tên gọi, phẩm trật,... thì những câu từ, câu đối Hán Nôm trên thân khám mang ý nghĩa tôn vinh, ca ngợi công đức, quyền năng, đức độ của chủ thể thờ tự; thể hiện ý nguyện, lời khuyên bảo, răn dạy của tiên nhân đối với con cháu, hậu thế.

Về những câu từ Hán Nôm trên trán khám thờ (có cách thức thể hiện và mang ý nghĩa như *Hoành phi*) thường có 2, 3 chữ hoặc 4 chữ, được khắc chìm, chạm nổi hoặc chạm lõng với thể chữ chân phương hoặc chữ triện. Chữ thường được sơn thép màu vàng trên nền màu đỏ. Có khám thờ, trán khám chỉ khắc 1 câu ở giữa, nhưng cũng không ít khám thờ phần trán được chia làm 3 phần thể hiện 3 câu.

Khám thờ chỉ có 1 câu<sup>1</sup>, như: 正氣 (Chính khí), 大成宮 (Đại thành cung), 聚寶堂 (Tụ bảo đường), 功德堂 (Công

đức đường), 孝義堂 (Hiếu nghĩa đường), 懷德堂 (Hoài đức đường), 德流芳 (Đức lưu phương), 濯絜靈 (Trạc quyết linh), 英靈萬古 (Anh linh vạn cổ), 萬古英靈 (Vạn cổ anh linh), 水月重光 (Thủy nguyệt trùng quang), 孝思惟則 (Hiếu tư duy tắc), 祖豆馨香 (Tổ đậu hình hương), 開業傳世 (Khai nghiệp truyền thế), 公前裕後 (Công tiền dụ hậu), 求之則應 (Cầu chi tắc ứng), 至誠能格 (Chí thành năng cách),...

Khám thờ có 3 câu, như: 事如生 (Sự như sanh) 洗門靈 (Tẩy môn linh) 禮以祭 (Lễ dĩ tế), 洋洋在上 (Dương dương tại thượng) 祥光普耀 (Tường quang phổ diệu) 濯濯絜靈 (Trạc trạc quyết linh), 首功教貴 (Thủ công giáo quý) 有秩斯祐 (Hữu trật tư hữu) 也德作求 (Dã đức tác cầu), 祭如在 (Tế như tại) 萬千有 (Vạn thiên hữu) 敬淇誠 (Kính kỳ thành),...

Những câu đối Hán Nôm trên khám thờ cũng được tạo tác bằng thủ pháp khắc chìm, chạm nổi hoặc chạm lõng với thể chữ chân phương hoặc chữ triện, sơn thép màu vàng trên nền màu đỏ. Các vế đối thường có từ 5-9 chữ, phổ biến nhất là 7 chữ. Mỗi khám thờ thường chỉ có 1 cặp câu đối. Qua khảo sát ghi nhận 3 khám thờ ở khu phố cổ có 2 cặp câu đối. Nội dung câu đối trên khám thờ hết sức đa dạng, liên quan đến chủ thể được thờ cúng hoặc sự thể hiện tấm lòng thành kính, ngưỡng vọng của gia đình, dòng tộc, cộng đồng, sự mong ước trường tồn, thịnh vượng, phát triển, hậu thế bền vững.

Liên quan đến thờ cúng ông bà, tổ tiên có những câu: 址豔傳靈勝地/ 神華聚北南天 (Chỉ diễm truyền linh

1. Nội dung câu chữ, câu đối Hán Nôm trên khám thờ do CN. Lê Thị Lưu phiên âm.

thắng địa/ Thần hoa tụ bắc nam thiên), 玉樹芳蘭承俎豆/ 金蟬紫誥答蒸壽 (?) (Ngọc thụ phương lan thừa trở đậu/ Kim thiên tử cáo đáp chung thọ), 祖功宗德百世不遷/ 孝子慈孫萬代如見 (Tổ công tông đức bách thế bất thiên/ Hiếu tử từ tôn vạn đại như kiến), 孝子慈孫萬代如見/ 祖功尊德百世不遷 (Hiếu tử từ tôn vạn đại như kiến/ Tổ công tông đức bách thế bất thiên), 宗祖千秋長祀典/ 兒孫萬古紹書香 (Tông tổ thiên thu trường tự điển/ Nhi tôn vạn cổ thiệu thư hương),...

Liên quan đến thờ tiên hiền, hậu hiền có: 爰始爰謀明德者遠矣/ 以妥以侑有功則祀之 (Ái thủy ái mưu minh đức giả viễn hĩ/ Dĩ thỏa dĩ hựu hữu công tắc tự chi), 功德同彰人世古/ 香煙厚報敬誠新 (Công đức đồng chương nhân thế cổ/ Hương khói hậu báo kính thành tân).

Liên quan đến thờ Âm hồn có câu: 涼宿草悲蒿里/ 芬苾清樽妥族魂 (Thê lương túc thảo bi cao lý/ Phân bật thanh tôn thỏa tộc hồn).

Về thờ Bắc Đê Trần Vũ có: 赫赫神威昭北闕/ 明明帝德耀南天 (Hách hách thần uy chiêu Bắc khuyết/ Minh minh đế đức diệu Nam thiên).

Trên khám thờ Quan Âm có câu: 雲氣常芟甘露來/ 日華光照蓮花上 (Vân khí thường chi cam lộ lai/ Nhật hoa quan chiếu liên hoa thượng)

Trên khám thờ Quan Thánh Đê Quân có những câu: 桃園兄弟真千古/ 鼎國英雄第式 (Đào viên huynh đệ chân thiên []/ Đỉnh quốc anh hùng đệ nhất []), 直將忠義師千古/ 無論英雄敵

萬人 (Trực tương trung nghĩa sư thiên cổ/ Vô luận anh hùng địch vạn nhân)<sup>2</sup>

Về thờ Tài thần, có những câu đối: 財星高照承天眷/ 帛玉相將著禮文 (Tài tinh cao chiếu thừa thiên quuyến/ Bạch ngọc tương tướng trú lễ văn), 財源永生占大有/ 神澤長輔協同人 (Tài nguyên vĩnh sinh chiếm đại hữu/ Thần trạch trường phụ hiệp đồng nhân).

Liên quan đến thờ Khổng Tử, Tứ phối, các vị khoa bảng và sự học hành, khoa cử, trên khám thờ có các câu: 天地已生天地並/ 帝王之後帝王師 (Thiên địa kỷ sinh thiên địa tịnh/ Đế vương chi hậu đế vương sư) (Thiên địa kỷ sinh thiên địa tịnh/ Đế vương chi hậu đế vương sư), 德行首科惟好學/ 中庸心法紹真傳 (Đức hành thủ khoa duy hiếu học/ Trung dung tâm pháp thiệu chân truyền), 首揭明新開聖學/ 力陳仁義振王綱 (Thủ yết minh tân khai thánh học/ Lực trần nhân nghĩa chấn vương cương), 詩禮滋培名教地/ 春秋冒達雪霜天 (Thi lễ tư bồi danh giáo địa/ Xuân thu mạo đạt tuyết sương thiên),...

Mang những giá trị đặc sắc về mỹ thuật và di sản tư liệu Hán Nôm,... những khám thờ trong các di tích đã góp phần tạo nên phần “hồn” của Khu phố cổ Hội An nói riêng, giá trị của Di sản văn hoá thế giới Đô thị cổ Hội An nói chung. Để nhận thức đầy đủ, thấu đáo hơn về giá trị cũng như hướng đến xây lập hồ sơ di sản tư liệu hoành phi liễn đối Hán Nôm, để tham mưu các cấp trình ghi danh, thiết nghĩ cần có một chương trình điều tra, nghiên cứu kỹ lưỡng chuyên sâu

2. Câu này lấy nguyên văn trong bài Sư đề Hội An phố đề Quan Phu Tử miếu của Xuân Quận công Nguyễn Nghiêm.

# NÉT DUYÊN CỦA VÈ TRONG KHO TÀNG NGŨ VĂN DÂN GIAN Ở HỘI AN

ThS. Thái Thị Liễu Chi

## Thể loại vè

Vè là một thể loại sáng tác dân gian kể chuyện bằng văn vần của Việt Nam, một loại thơ truyền miệng mang tính chiến đấu, tính quần chúng rõ rệt, chú trọng người thật việc thật, những biến cố có tính chất đột xuất của làng xã ngày xưa (vè *thế sự*) hoặc những sự việc lớn vang động đến cả nước (vè *lịch sử*). Vè sử dụng nhiều hình thức khác nhau như lục bát, hát giặm, nói lồi... Vè thế sự (*hay vè kể chuyện làng*) phản ánh và bình luận những câu chuyện thời sự địa phương, mang tính thông tin rõ rệt, mũi nhọn phê phán thường tập trung vào những kẻ gian ác, tham lam trong làng xã. Đặc biệt, vè có tác dụng như bản án dư luận xã hội đối với những hiện tượng tiêu cực.

Thực tế, tồn tại nhiều cách phân chia đa dạng khác. Có người dựa vào phương thức thể hiện để chia thành vè tự sự và vè trữ tình, tuy nhiên yếu tố trữ tình trong vè rất mỏng. Có người dựa vào thể thơ để phân loại. Vè được sáng tác dựa vào các thể thơ dân gian khác nhau, phổ biến là 4-5 chữ, lục bát. Vậy nên có người phân chia thành các loại vè lục bát, vè song thất lục bát, vè nói lồi (*theo lối văn biền ngẫu, mỗi câu từ hai đến mười chữ, đối nhau từng hai câu một*), vè theo thể văn... Thể văn (*thường là văn tư - 4 chữ*) là thể thơ dân gian phổ biến trong vè, nhịp điệu nhanh, dễ nhớ; dùng để kể chuyện, châm biếm hoặc phản

ánh thời sự. Sử dụng thể văn 4 chữ làm chủ đạo, nhưng tác giả dân gian có thể linh hoạt xen kẽ các câu 5, 6, hoặc 8 chữ để tăng khả năng biểu đạt của lời vè. Kết cấu của vè thường tuân theo mô hình một tác phẩm tự sự, với sự xuất hiện của phần mở đầu, diễn biến và kết thúc.

Trong quá trình sưu tầm ngữ văn dân gian tại địa phương, chúng tôi ghi nhận được một số bài vè, số lượng tuy không nhiều so với các thể loại khác nhưng khá ấn tượng.

Trước tiên, cần kể đến những bài vè là lời hát của trẻ con (*đồng dao*), giúp con người thiết lập nhận thức sơ khởi về thế giới, qua làm quen với tên gọi và nét đặc trưng của sự việc, sự vật xung quanh: vè các loài cá, chim muông, vè về hiện tượng trăng tròn, trăng khuyết hàng tháng...

“(...) Đòn gánh có máu  
Các sấu có tai  
Con nai có sừng  
Bánh canh thì ngọt  
Roi vót thì đau  
Hàng trâu hàng cau  
Là hàng bà già  
Hàng bánh hàng trái  
Là hàng con gái  
Hàng bông hàng hoa  
Là hàng Nhật Bản”

Đáng chú ý, ở Hội An một thời khá phổ biến các bài về lộ trình trên bộ và dưới nước, về các lái... phản ánh đặc trưng nghề nghiệp của cư dân Hội An một thời sầm uất ngược xuôi buôn nguồn, buôn biển. Tác phẩm dài hơi về các lái (200 câu) rất phổ biến trong giới vận tải ghe bầu mấy thế kỷ trước, cho phép chúng ta hình dung một lộ trình dài đằng đặc qua nhiều địa danh, địa hình ven biển miền Trung và sự dày dặn đáng nể của những con người hướng biển mưu sinh. Ngoài ra, ở Hội An cũng có những bài về về tình cảm làng xóm, về các sự việc, hiện tượng xảy ra trong làng mà dư luận quan tâm.

Từ đặc điểm phản ánh các sự kiện xã hội một cách nhanh nhạy, về còn được mệnh danh là “khẩu báo” (báo nói). Song, cũng từ đặc điểm tức thời cập nhật thông tin nên các bài về loại này không hay sử dụng đến thủ pháp nghệ thuật; ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, không quá trau chuốt. Vì thế, khi làn sóng dư luận xã hội bắt đầu lắng xuống là lúc những tác phẩm ấy dần đi vào quên lãng, ít được lưu truyền, phổ biến. Những bài về sáng tác trong thời kỳ kháng chiến cứu quốc cũng có số mệnh như thế.

## 2. Nhịp điệu sôi nổi, phản ánh tức thì

Có thể nói, với thể về, người Hội An, Đà Nẵng được bộc lộ rõ tính cách sôi nổi, nhạy bén của mình giữa những tháng năm sôi bỏng của cả dân tộc. Thông qua về, sự kiện lịch sử được kể lại một cách gọn gàng, khúc chiết, rập ràng thành câu chuyện có đầu có cuối, thu hút và dễ ghi nhớ, dễ lan truyền.

“Bọn quân ứng chiến  
 Vĩnh Điện kéo lên  
 Đón trại hai bên  
 Thủy Bò, Phong Thử

Đề phòng chống giữ  
 Đường sá lũy đồn  
 Lùng sục xóm thôn  
 Bắt gà, kiếm gái  
 Tắm thàng lại cái  
 Súng ống nghênh ngang  
 Có thàng sĩ quan  
 Lưng mang súng lục  
 Thừa cơ những lúc  
 Trời nắng canh trưa  
 Đồng bào vắng thưa  
 Thì vô kiếm chác  
 (...)  
 Không ngờ chiến sĩ  
 Du kích nằm đây  
 Núp dưới bóng cây  
 Trong nhà cũng có  
 Tắm thàng mũi lõ  
 Không biết không hay  
 Vừa kịp trở tay  
 Vụt liền lựu đạn  
 Thàng Tây choáng váng  
 Nghe nổ sảng cha  
 Miệng kêu ó la  
 Nằm dài xuống đất  
 Quân ta lật đật  
 Truy kích xung phong  
 Bảy thàng chạy cong  
 Bỏ thàng quan Một  
 Anh em liền dợt  
 Khẩu súng ngon ghê  
 Tiếc bảy thàng kia  
 Xỉ xỉ nữa chết  
 Nhưng mà đáng kiếp  
 Cái lũ kiếm ăn  
 Cho chết nhăn răng  
 Xẹo goe cái miệng  
 Phen này ứng chiến  
 Cũng phải thất kinh  
 Du kích Việt Minh  
 Thật là anh dũng”.

Bản thân thể loại về chứa đựng nhiều yếu tố tự sự đã là một hình thức thể hiện rất lôi cuốn người thưởng thức. Với phương thức biểu hiện trực tiếp hiện thực, ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi, các bài về đã nhanh chóng ghi lại những sự kiện, chiến công của quân và dân ta. Đặc điểm ngôn từ, lối diễn đạt và cấu tứ của về có khả năng dẫn dắt người nghe đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Cảm tưởng như giữa những câu về có một cuộc rượt đuổi không dứt của câu chữ và ý tứ, thông tin, sự kiện, liên tiếp mở lối cho trí tưởng tượng bay bổng, cảm xúc dâng trào.

### 3. Ngôn từ, hình ảnh dí dỏm

Hơn thế nữa, ngôn ngữ về sống động, khai thác nhiều yếu tố, chi tiết châm biếm, gây cười tạo nên sức hấp dẫn và khả năng lan truyền thông tin nhanh chóng. Thông qua sức hấp dẫn ở tiết tấu nhanh, giọng điệu dí dỏm, tự nhiên gây nhiều ấn tượng của về, tác giả dân gian đã kịp thời cổ vũ, động viên ý chí chiến đấu của quân dân, đồng bào; đồng thời, hạ gục tinh thần quân địch, đạt hiệu quả cao trong tuyên truyền binh vận và địch vận.

Dòng văn học dân gian thời kỳ kháng chiến cứu quốc, khai thác rất triệt để đặc điểm này của về, tạo được nhiều sắc thái tiếng cười. Tiếng cười châm biếm, lật trần bộ mặt gian xảo, bịp lừa của bọn phản nước hại dân:

*“Nghe về nghe về  
 Tôi đặt câu về  
 Chông càn thắng lợi  
 Toàn dân xóc tới  
 Giành thắng lợi mới  
 Thật rất vẻ vang  
 Mĩ nguy đi càn*

*Tung quân vào xã  
 Xe tăng bới mả  
 Lĩnh nguy cướp tiên  
 Bọn Mĩ khùng điên  
 Đốt nhà phá đậu  
 Chúng lại lực lao  
 Dồn hết dân ta  
 Lên miếu Đổng Nà  
 Tha hồ cướp bóc  
 Tên Phú lóc nhóc  
 Lên tiếng oang oang  
 Quốc gia bảo toàn  
 Dân sinh dân chủ  
 Câu nói chưa đủ  
 Ngó xuống dưới chúng  
 Còn tỏ hùng hồn  
 Mĩ đang bắt vịt  
 Sắp gần ăn thịt  
 Của một đồng bào  
 Cát cao tiếng hét  
 Thiệt là đáng ghét  
 Quyết vạch mặt bầy  
 Đồng bào cùng nhau  
 La to ré lớn  
 Quốc gia cà chớn  
 Bảo vệ cái kiêu này  
 Thì chết rồi đây  
 Còn gì mà nói (...)*

Qua tiếng cười tinh bơ, coi thường sủng đạn kia, chúng ta được nhìn thấy hình tượng những con người luôn hiên ngang trong tư thế thách thức kẻ thù. Tiếng cười còn thể hiện niềm tự hào được lập công đầu, tỏ rõ bản lĩnh con người thời đại. Về đặc điểm này của văn học dân gian, nhà văn Tú Mỡ, Đồ Phồn đã thừa nhận rằng: *“Tôi học rất nhiều ở ca dao tục ngữ, truyện khôi hài, tiểu lâm, một kho tàng phong phú của dân tộc: Lối đả kích khi thì phũ phàng, khi thì hóm hỉnh, lối ví von với những hình ảnh*

*sát thực, lời nói của đại chúng chất phác, không úp mở”.*

Bên cạnh tiếng cười đả kích, hả hê như mũi lê sắc nhọn chĩa thẳng về phía quân thù là tiếng cười cổ vũ, động viên, ấm áp tình làng xóm, tình quân dân.

*“(…) Ngày rằm tháng Chạp may  
đã quá may*

*Các anh em bố trí ba ngày y quy  
Tuồng là tụi nó không đi  
Hay đầu 5 giờ sáng kéo lên Hà My quơ đồ  
Tôi tâm không biết ở mô  
Bố trí công Lữ, đặt đồ ngõ Dui  
Thương thay mìn nọ chín muồi  
Tụi Tây tận số sứt cùi tan xương  
Các anh bám trước đầu đường  
Chỉ huy phát lệnh tiếng súng trường  
vẻ vang  
Lại thêm mìn nọ nổ vang  
Đập thêm quả lựu đạn phá tan cả bày  
Thằng thời dăng óc qua Thanh Tây  
Thằng rút xuống ghe ông Dọng  
Thằng dăng thây qua bên đừa  
Thằng thời đổ ruột dù đừa  
Thằng thời nát óc thằng chưa tỉnh hồn  
(…)”*

Trước một kẻ thù hùng mạnh với súng ống, trang thiết bị tối tân, đội hình thiện chiến rầm rộ, nhân dân ta đã đáp trả bằng thái độ hiên ngang, ngạo nghễ, cười nhạo vào thói hồng hách, hung hăng của bè lũ cướp nước, bán nước. Và, thể vè đã hoàn thành xuất sắc vai trò sứ mệnh biểu đạt của mình, thông qua tiếng cười trào phúng:

*“(…) Tóc hung da đỏ mũi lõ đầu cao  
Nặng hơn một tạ mình đầy lông lá  
Dở nhất ở trần gian đưa vào miền Nam  
hơn năm mươi vạn  
Tuyên truyền ngao ngán âm ĩ báo chương*

*Thiện chiến kiên cường con cưng là số một  
Rõ ràng công tử bột  
Chẳng biết làm chi cứ mỗi chuyến đi gánh  
về trăm gánh  
Chị gánh thịt chi?  
Chị gánh thịt Mỹ  
Chị gánh thứ chi?  
Bị du kích đánh  
Đánh chết nhần răng”.*

Nào phải giản đơn mà có được tâm thế vững chãi, bình tĩnh đến vậy giữa cuộc chiến tàn khốc của một bên là đế quốc hùng cường quen xung hùng xung bá với một bên là nhân dân một dân tộc vừa bước ra khỏi gông cùm nô lệ, chưa hưởng trọn hòa bình độc lập một ngày thì lại phải gồng mình kháng cự trên thiếu thốn, đau thương. Cái tinh thần hồ hởi ấy bắt nguồn từ tính cách sôi nổi của những con người miền Trung quen nung mình trong gian khó, nhưng biết lấy tiếng cười để thoát ra, vươn lên trên những tai ương, để bù trừ và tìm thế quân bình cho tinh thần, để nuôi dưỡng niềm tin, khát vọng và hy vọng. Ngõ như trong mỗi con người nơi đây luôn chực sẵn một Thủ Thiệm thông minh, sắc sảo để bung ra tiếng cười đòn roi, vũ khí mà tấn công kẻ thù. Tiếng cười ấy được nâng đỡ trên điểm tựa đạo lý muôn đời của ông cha: *“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo”*; trên niềm tin vào trí tuệ con người Việt Nam, biết địch biết ta trăm trận trăm thắng.

Bên cạnh những bài ca dao, dân ca trữ tình chứa bao tâm sự, tâm trạng của con người, văn học dân gian kháng chiến ở Hội An, đã phát triển thể vè truyền thống như một nhu cầu diễn đạt các vấn đề thời sự cấp thiết, nhu cầu tự nhiên của quần chúng yêu chuộng hòa bình đang chiến đấu đến cùng

cho hòa bình, hạnh phúc của quê hương, giống nòi.

*“Nghe về nghe về  
Nghe về lộn ngược  
Ngựa đua dưới nước  
Cá bước trên bờ  
Lên núi đặt lò  
Xuống sông đốn củi  
Gà cồ hay ủ  
Heo nái hay bơi  
Nước lớn ba mươi  
Mùng mười nước cạn  
Ghe lớn thì đẩy  
Ghe nhỏ thì chèo  
Mấy chú nhà nghèo  
Cho vay cho mượn  
Mấy chú nhà giàu  
Thiếu trước hụt sau (...).”*

Về nói ngược như là một hình thức rèn luyện khả năng quan sát và tư duy phản biện, độ sắc sảo trong nhận thức, lí luận. Nó khiến cho các sự vật, hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên hoặc đã được cộng đồng mặc nhiên thừa nhận, trở nên có góc cạnh, đáng chú ý. Người tiếp nhận sẽ nhập vào nội dung lời về theo chiều hướng chủ động sắp xếp, lập lại trật tự sao cho đúng với bản chất vốn có; nhưng trước hết, họ được cười no nê với cách diễn đạt vô cùng thú vị, ngược đời kiểu xáo trộn, đảo lộn mọi thứ của trẻ con.

Sự trúc trắc, trọc trặc, có vấn đề của nội dung như những chiếc móc neo giữ thông tin trong trí não người nghe, gây sự lưu ý đặc biệt. Chính yếu tố trái ngược ấy là cách làm cho người nghe về dễ khắc ghi ngôn ngữ, thông tin. Quá trình đó rất cần thiết cho trẻ con tập nói, ghi nhớ ngôn từ, hình thành tư duy phản biện để thấu hiểu

bản chất của các hiện tượng, sự vật trong cuộc sống.

Về nói láo pha lẫn tiếng cười trào phúng tạo cảm giác vui vẻ, sáng khoái trong những giờ phút rỗi rảnh, nghỉ ngơi.

*“Về nói trạng  
Ngồi buồn nói chuyện láo liên  
Hỏi tôi còn nhỏ đi khiêng ông trời  
Ra đường thấy muỗi đớp dơi  
Bù hung đám giỗ đi mời ông voi  
Nhà tôi có một củ khoai  
Xén ra nửa củ sắp dài đòn xeo  
Nhà tôi có một con mèo  
Muốn ăn thịt mỡ biểu nó qua đèo bắt nai  
Nhà tôi có một cái chai  
Dem ra đong thử hết hai thùng dầu  
Ông già ông rụng cái râu  
Dem ra tiếp nhợ để câu cá chình”.*

Bên cạnh về xuôi, những lời về ngược/về nói láo góp phần mở mang nhận thức cho con người một cách dí dỏm và nhẹ nhàng. Cũng qua đó có thể thấy nhận thức về thế giới là vô cùng phong phú, không nên khô cứng, đóng khung, luôn cần có sự soi rọi đa chiều, nhận thức lại để thấu đáo một vấn đề, một sự hiểu biết. Dù là sự vật, sự việc nhỏ cũng chứa đựng những giá trị vốn dĩ không đơn giản, vì đây là một phần mắc xích tạo nên mối quan hệ hữu cơ của thiên nhiên, vạn vật.

Người xưa không những quan tâm sâu sắc đến thế giới tự nhiên xung quanh, các sự kiện xảy ra trong làng xóm, nhận thức lịch sử, mà thông qua lăng kính dân gian đã đúc kết, truyền đạt để tăng cường năng lực nhận thức, hiểu biết của cộng đồng bằng nhiều cách khác nhau. Trong đó, thể loại về hiện diện như là một người bạn kể chuyện mộc mạc, gần gũi mà duyên dáng vô cùng ♦

# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA TẾT NGUYÊN TIÊU Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN

ThS. Đoàn Cẩm Giang



Đoàn diễu hành mừng Tết Nguyên tiêu năm Giáp Thìn - 2024

Tết Nguyên tiêu, còn gọi là Tết Thượng nguyên, là sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng truyền thống có lịch sử lâu đời, phản ánh đời sống tinh thần phong phú của cộng đồng cư dân Hội An. Lễ Tết này diễn ra vào dịp rằm tháng Giêng - đêm trăng tròn đầu tiên của năm mới. Trong quan niệm dân gian của người Việt, thời điểm này mang ý nghĩa thiêng liêng, khi con người hướng về trời đất và các đấng thần linh để cầu mong một năm mới bình an, thuận lợi và gặp được nhiều may mắn. Trải qua nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển, Tết Nguyên tiêu ở Hội An đã trở thành nét đẹp văn hóa gắn liền với đời sống tinh

thần của cư dân địa phương và góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng của đô thị cổ.

Sự hình thành và phát triển của Tết Nguyên tiêu ở Hội An gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này. Một trong những dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Hội

An chính là vào những năm đầu của thế kỷ XVII, khi chúa Nguyễn ở Đàng Trong mở rộng hoạt động giao thương trên biển, tạo điều kiện cho vùng đất cửa sông ven biển Hội An phát triển và hình thành nên một trung tâm buôn bán sầm uất. Trong bối cảnh đó, Hội An không chỉ là nơi diễn ra hoạt động giao lưu kinh tế mà hoạt động giao lưu tiếp biến văn hóa cũng diễn ra mạnh mẽ. Trong quá trình giao thương, nhiều cộng đồng cư dân từ các quốc gia khác nhau đã đến sinh sống và lập nghiệp tại Hội An, đặc biệt là cộng đồng người Hoa. Họ mang theo những tập quán sinh hoạt, tín ngưỡng và lễ hội truyền thống

của mình, trong đó có Tết Nguyên tiêu. Qua thời gian, những yếu tố văn hóa này đã được hòa nhập với văn hóa bản địa, tạo nên sự giao thoa văn hóa độc đáo. Chính sự giao thoa đó đã góp phần hình thành nên sắc thái văn hóa riêng của Tết Nguyên tiêu ở Hội An, khiến lễ hội vừa mang đậm bản sắc truyền thống của Việt Nam vừa chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.

Cùng với sự phát triển của đô thị cổ, Tết Nguyên tiêu dần trở thành nếp sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng quen thuộc của cộng đồng cư dân nơi đây. Không chỉ đơn thuần là một dịp lễ mang ý nghĩa tâm linh, Tết Nguyên tiêu còn là thời điểm để người dân gặp gỡ, giao lưu và gắn kết cộng đồng. Trong dịp này, nhiều nghi lễ truyền thống được tổ chức tại các di tích lịch sử đình làng, chùa miếu và hội quán. Những nghi lễ này thường bao gồm việc dâng hương, cúng tế thần linh, cầu quốc thái dân an và tưởng nhớ các bậc tiền nhân đã có công khai phá, xây dựng và phát triển vùng đất Hội An. Thông qua các nghi thức này, truyền thống “*uống nước nhớ nguồn*” của người Việt được thể hiện rõ nét, đồng thời phản ánh lòng biết ơn của cộng đồng đối với những thế hệ đi trước.

Trong đời sống văn hóa của cư dân Hội An, Tết Nguyên tiêu được biểu hiện qua nhiều hoạt động văn hóa tín ngưỡng phong phú. Tại đình Hội An, đình Sơn Phong, các hội quán người Hoa và đặc biệt là công trình tín ngưỡng Quan Công miếu - nơi thờ Quan Thánh Đế Quân - vị thần rất được tôn kính trong tín ngưỡng của người Hoa và được xem là biểu tượng của lòng chính trực và trung nghĩa, đông đảo cư dân địa phương và du khách đến

dâng hương cầu an và gửi gắm những ước nguyện tốt đẹp trong năm mới.

Tại các hội quán người Hoa như Hội quán Quảng Triệu, Hội quán Phúc Kiến, Hội quán Triều Châu thường tổ chức các nghi thức cúng tế tiền hiền một cách trang trọng nhằm tưởng nhớ các vị thần bảo hộ và cầu mong sự thịnh vượng, bình an cho bang. Các nghi lễ tại những hội quán không chỉ mang ý nghĩa tín ngưỡng mà còn phản ánh vai trò quan trọng của cộng đồng người Hoa trong lịch sử phát triển của Hội An. Qua nhiều thế kỷ, các hội quán đã trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng của cộng đồng, đồng thời góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa của cư dân phố cổ.

Vào dịp Tết Nguyên tiêu, không gian phố cổ được trang hoàng rực rỡ với những chiếc đèn lồng và các vật trang trí truyền thống, tạo nên bầu không khí lễ hội nhiều màu sắc. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật như múa lân - sư - rồng, biểu diễn nghệ thuật dân gian diễn xướng Tuồng, hô hát Bài chòi cùng các sinh hoạt cộng đồng góp phần lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Tết Nguyên tiêu cũng là dịp để du khách trong và ngoài nước tìm hiểu về đời sống văn hóa của cư dân Hội An, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh của đô thị cổ đến với bạn bè gần xa.

Tết Nguyên tiêu ở Hội An mang nhiều giá trị quan trọng về lịch sử, văn hóa và xã hội. Trước hết, lễ hội phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng cư dân Hội An gắn với quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc. Thông qua những nghi thức và

tập quán được duy trì qua nhiều thế hệ, lễ hội góp phần lưu giữ những ký ức lịch sử và truyền thống văn hóa địa phương. Bên cạnh giá trị lịch sử, Tết Nguyên tiêu còn mang ý nghĩa sâu sắc về mặt văn hóa - tín ngưỡng. Những nghi lễ tưởng nhớ tiên hiền, cầu an, cầu phúc thể hiện niềm tin tín ngưỡng của người dân trong sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên và thần linh, phản ánh khát vọng về một cuộc sống bình yên, ấm no và hạnh phúc.

Ngoài ra, lễ hội còn có giá trị xã hội rõ nét khi trở thành dịp để người dân gặp gỡ, giao lưu và cổ kết cộng đồng lại với nhau. Trong quá trình chuẩn bị và tổ chức các hoạt động lễ hội, các thế hệ trong cộng đồng cùng tham gia vào nhiều công việc khác nhau, từ trang trí không gian lễ hội, chuẩn bị lễ vật đến tổ chức các hoạt động văn hóa. Thông qua đó, những giá trị văn hóa truyền thống được truyền lại cho thế hệ trẻ, góp phần duy trì và phát huy bản sắc văn hóa địa phương. Đồng thời, Tết Nguyên tiêu cũng góp phần quan trọng trong việc thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan, trải nghiệm và tìm hiểu về các giá trị văn hóa truyền thống của vùng đất này.

Trong những năm gần đây, công tác bảo tồn và phát huy giá trị của Tết Nguyên tiêu ở Hội An ngày càng được chú trọng. Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An cùng các cơ quan, đơn vị địa phương phối hợp tiến hành nhiều cuộc điều tra, khảo sát thực địa nhằm thu thập thông tin, ghi lại đầy đủ các nghi thức, tập quán và hoạt động liên quan đến lễ hội. Quá trình tư liệu hóa được triển khai thông qua việc ghi chép, sưu tầm hình

ảnh, video, lời kể của các bậc cao niên, người dân địa phương cùng những người trực tiếp tham gia tổ chức lễ hội. Những tư liệu này góp phần hệ thống hóa các giá trị văn hóa, lịch sử của Tết Nguyên tiêu, đồng thời tạo nguồn dữ liệu quan trọng phục vụ công tác nghiên cứu và bảo tồn lâu dài. Song song với hoạt động tư liệu hóa, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (*nay là Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An*) đã xây dựng hồ sơ khoa học về Tết Nguyên tiêu ở Hội An để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận. Năm 2023, Tết Nguyên tiêu ở Hội An được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia về loại hình lễ hội truyền thống và tập quán xã hội, tín ngưỡng. Đây chính là một dấu mốc quan trọng không chỉ khẳng định giá trị tiêu biểu của lễ hội trong kho tàng văn hóa truyền thống Việt Nam nói chung, Đà Nẵng, Hội An nói riêng mà còn nâng cao nhận thức của cộng đồng về trách nhiệm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Việc xếp hạng và công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cũng đồng thời tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy di sản trong thời gian tiếp theo.

Sau khi được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, nhiều hoạt động đã được triển khai nhằm gìn giữ và lan tỏa giá trị của Tết Nguyên tiêu. Từ năm 2024 đến nay, hoạt động lễ hội được tổ chức với nội dung phong phú và quy mô hơn. Bên cạnh các nghi lễ truyền thống tại đình, chùa và các hội quán, nhiều hoạt động văn hóa cộng đồng cũng được tổ chức. Trong đó nổi bật là

hoạt động diễu hành trên các tuyến đường trong khu phố cổ. Hoạt động này thu hút sự tham gia của đông đảo người dân và du khách, góp phần tạo nên không khí lễ hội sôi động và đặc sắc của Tết Nguyên tiêu. Bên cạnh đó, hoạt động trưng bày hình ảnh và tư liệu về Tết Nguyên tiêu cũng được tổ chức nhằm giới thiệu lịch sử, ý nghĩa và các nghi thức truyền thống của lễ hội đến với công chúng. Những hoạt động này không chỉ góp phần quảng bá giá trị văn hóa của lễ hội, giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc bảo tồn di sản văn hóa truyền thống mà còn góp phần tạo nên không khí lễ hội sôi động và giàu bản sắc.

Đặc biệt, công tác phát huy giá trị di sản còn được đẩy mạnh thông qua các hoạt động truyền thông và quảng bá trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng. Các thông tin, bài viết, hình ảnh và phóng sự về Tết Nguyên tiêu được đăng tải trên báo chí, truyền hình, cổng thông tin điện tử và các nền tảng truyền thông số. Trong đó, các kênh thông tin chính thức như trang thông tin điện tử của Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An [hoianheritage.danang.gov.vn](http://hoianheritage.danang.gov.vn) cùng các nền tảng mạng xã hội như Facebook “*Di sản Hội An*”, “*Visit Hoi An*”,... thường xuyên cập nhật tin tức, hình ảnh và video giới thiệu lịch sử, ý nghĩa cũng như các hoạt động đặc sắc của lễ hội. Việc đẩy mạnh truyền thông trên nhiều kênh khác nhau, đã góp phần lan tỏa giá trị văn hóa của Tết Nguyên tiêu đến đông đảo du khách trong và ngoài nước, thu hút du khách đến tham quan, trải nghiệm văn hóa tại Hội An ngày càng đông đảo hơn.

Việc duy trì tổ chức lễ Tết Nguyên tiêu còn nhận được sự tham gia tích cực của cộng đồng cư dân Hội An. Các cơ quan ban ngành, địa phương, ban quản lý di tích, hội quán người Hoa, nghệ nhân và người dân Hội An cùng phối hợp trong công tác chuẩn bị và tổ chức các hoạt động của lễ hội. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ góp phần đảm bảo tính kế thừa của các nghi thức truyền thống Tết Nguyên tiêu mà còn tạo điều kiện để thế hệ trẻ tiếp cận, tìm hiểu và tiếp nối các giá trị văn hóa của cha ông. Đồng thời, việc huy động các nguồn lực xã hội hóa cũng góp phần nâng cao chất lượng tổ chức lễ hội Tết Nguyên tiêu và mở rộng phạm vi lan tỏa của di sản trong đời sống đương đại.

Có thể thấy rằng, Tết Nguyên tiêu ở Hội An không chỉ là một lễ hội truyền thống mà còn là biểu tượng của đời sống văn hóa và tinh thần cộng đồng của cư dân Hội An. Qua nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển, lễ hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của người dân, góp phần tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt của Đô thị cổ Hội An. Trong bối cảnh xã hội hiện đại và quá trình đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ, việc bảo tồn và phát huy giá trị của Tết Nguyên tiêu còn mang ý nghĩa quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Những nỗ lực của chính quyền và cộng đồng trong thời gian qua, đã góp phần bảo tồn và lan tỏa di sản quý báu này, giúp Tết Nguyên tiêu tiếp tục được duy trì và phát triển như một nét đẹp văn hóa đặc trưng của Hội An ♦

# BÀI CHÒI HỘI AN - DI SẢN TRONG LÒNG DI SẢN

CN. Phan Văn Dưỡng



Lễ rước bằng công nhận Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tại Hội An

Thu Bồn, dòng sông mẹ bao đời nay vẫn nuôi dưỡng, tắm mát hai bên bờ với phù sa màu mỡ bồi đắp quanh năm. Con người và dòng sông nơi đây cùng hòa quyện với nhau tạo nên một bản sắc riêng có, làm nên cái tinh thần, cốt cách của người xứ Quảng - chịu thương, chịu khó, cần cù, lam lũ nhưng cũng phóng khoáng, hào sảng, cởi mở, chân thành. Và những câu hát ru, hát lý, những câu hò, vè lúc thanh nhàn, rảnh rỗi sau những ngày làm lụng vất vả, cực nhọc, lại được vang lên một cách tự nhiên, khoáng đạt như một cách vừa để giải tỏa tinh thần, vừa nói lên được nỗi lòng, nội tâm phong phú của con người nơi đó. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, những câu hát ấy đã đi sâu vào trong tâm thức, thấm đẫm vào trong

tâm hồn, trong huyết mạch của người Quảng, để ngày nay chúng ta có một loại hình nghệ thuật được cả thế giới công nhận, cũng là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - Nghệ thuật Bài chòi.

Những câu dân ca được cất lên nơi đầu nguồn sông mẹ, xuôi xuống Giao Thủy bãi dâu xanh mướt, rồi qua Gò Nổi đất học nức

tiếng gần xa, rồi từ Câu Lâu xuống tới Thanh Hà ngày đêm đờ lửa, những câu hát đã làm du khách bốn phương say đắm mà tìm đến thưởng thức như một cách để cảm nhận cái dung dị, chân chất nhưng cũng không kém phần sôi nổi, bộc trực của người dân xứ này. Và hơn thế nữa, nó được hát lên hàng đêm bên bờ sông Hoài thơ mộng - không gian diễn xướng Bài chòi Hội An là một nơi như thế.

Bài chòi Hội An không chỉ là một trò chơi dân gian đơn thuần mà còn là di sản phi vật thể trong lòng di sản Đô thị cổ Hội An, điều đó cho ta thấy được sự gắn kết giữa kiến trúc với nghệ thuật, giữa vật chất và tinh thần, làm cho phố cổ thành một thực thể sinh động, phong phú từ không gian sinh sống, lối sinh hoạt

cũng như tâm tư, tình cảm của người dân nơi đây.

Đến Hội An, hình như người ta không còn cảm nhận được ranh giới giữa phố và làng. Cây đa, giếng nước, sân đình - hình ảnh tưởng chừng như khó có thể tìm thấy ở một nơi nhộn nhịp, đông vui tấp nập lại được tái hiện một cách tinh tế và sâu sắc ở không gian diễn xướng Bài chòi. Sự giản dị, đơn sơ, mộc mạc của không gian ấy, là minh chứng rõ nét cho tính dân gian, tính cộng đồng trong văn hóa của người bản địa. Những chiếc chòi tre lợp mái lá dừa với điểm nhấn là lá cờ ngũ sắc, thể hiện tính truyền thống, nguyên bản và tính dân tộc trong không gian diễn xướng. Chưa cần nghe hát, nhìn thôi, cũng đủ để du khách cảm nhận được bối cảnh, hình thức và không khí vốn có của trò chơi Bài chòi xưa. Và cũng có một câu hò từ xưa đến nay chúng ta vẫn còn nghe như thể khẳng định sức cuốn hút mãnh liệt của trò chơi này.

*“Rủ nhau đi đánh Bài chòi  
Để con nó khóc cho lời rún ra  
Rún ra thì mặc rún ra  
Ta chơi cho hết canh ba mới về”.*

Nó hấp dẫn, say mê như thế đấy, nhưng đừng tưởng nó là trò chơi ăn thua, sát phạt. Không, đó là sự kết hợp tinh tế, khôn khéo giữa trò chơi có thưởng và nghệ thuật diễn xướng dân gian. Phần thưởng của trò chơi là một chiếc lồng đèn lục giác có thêu chữ Bài chòi Hội An và hình ảnh chùa Cầu, một biểu trưng của phố cổ. Phần thưởng đó không đơn thuần là một sản phẩm của du lịch, mà còn là sứ giả của văn hóa. Những chiếc đèn lồng như thế sẽ theo chân du khách ra Bắc vào Nam, đi Âu đi Á, vòng quanh thế

giới để giới thiệu cho bạn bè khắp năm châu về văn hóa, kiến trúc, con người Hội An. Một thương hiệu du lịch mang tầm quốc tế như Hội An cần nhiều sứ giả như vậy, di sản văn hóa phi vật thể quảng bá cho di sản văn hóa vật thể, sản phẩm tinh thần quảng bá cho quần thể kiến trúc, phố trong làng, làng trong phố, di sản trong lòng di sản là như vậy.

Ở Hội An, bộ Bài chòi có 30 quân bài, nhưng 30 quân bài đó là cả một kho tàng kiến thức được người xưa đúc kết và lớp con cháu đời sau phát huy, lưu truyền rộng rãi. Đôi khi, có những câu hò nói về gia đình, vợ chồng như:

*“Chiều chiều nhớ lại chiều chiều  
Nhớ nồi com nguội, nhớ niêu nước chè  
Nhớ hồi mô khoai luộc muối mè  
Bậu với ta hủ hủ nằm phê cả đêm  
Bây chừ cũng tại chả tại nem  
Bậu bỏ khoai luộc Bậu quên muối mè  
Chuyện đời sao quá éo le  
Bậu quên tình quên nghĩa, Bậu vượt ve  
con Tám Tiên”.*

Tình cảm vợ chồng, đôi lứa là nội dung thường xuyên xuất hiện trong các câu hò Bài chòi. Câu hò con Tám Tiên ở trên không chỉ miêu tả đời sống sinh hoạt đời thường của gia đình nông dân xứ Quảng xưa, cuộc sống khó khăn với com nguội, khoai luộc, muối mè mà còn dạy chúng ta cách sống, cách giao tiếp, đối xử với nhau giữa vợ chồng trong gia đình; ai tham phú phụ bản, ai có trăng quên đèn, ai vì tiền bạc danh vọng mà đánh mất thủy chung, lòng tin bỏ ngõ khi nghe xong rồi tự soi lại mình sống có tình có nghĩa hay chưa, có trước có sau hay chưa, đạo đức con người trong câu hò cứ thế mà thấm đẫm trong tâm thức người nghe.

Đằng sau từng quân bài được hô là cả một câu chuyện dài của nghệ thuật đối nhân xử thế, lắm lúc người nghe như thấy mình là nhân vật chính trong câu chuyện những câu hô có lúc chân chất, quê mùa nhưng cũng có lúc tinh tế lịch thiệp, thâm ý sâu xa đó, rồi thoáng qua vài phút thôi, ta lại về với không gian đèn lồng lung linh đủ sắc màu của phố cổ. Rồi anh hiệu hô quân bài khác, du khách lại hình dung ra một khung cảnh mới, bối cảnh mới của câu hô, làm cho cả người nghe, người xem thấy được cái vô thường của cảm xúc con người, lúc thâm trầm lúc thảng hoa, lúc bình yên, khi thì sóng gió, buồn đó rồi vui đó, giận đó rồi cũng thương nhau nhiều hơn.

Đôi khi cũng là vài câu chơi chữ, chọc ghẹo đối đáp nam nữ với nhau:

*“Hôm qua Qua nói Qua qua  
Nhưng mà Qua bận nên Qua ở nhà  
Ở nhà Qua chẵn vịt chẵn gà  
Qua tưới bầu, tưới bí, tưới cà, tưới dưa  
Bữa ni trời đổ cơn mưa  
Qua mang toi đội nón, Qua đui đưa sang  
nhà  
Sang nhà em không có ở nhà  
Em đi theo con Nọc Thược, em bỏ Qua  
có một mình”.*

Qua vừa có nghĩa là đi sang, vừa có nghĩa là một đại từ nhân xưng. Chơi chữ nằm trong lối hô hát phổ biến của Bài chòi Hội An. Mỗi khi nghe anh hiệu Lương Đáng chơi chữ, nói lái, là mỗi lần, khán giả được dịp cười nghiêng ngả, khoái chí. Hình ảnh ẩn dụ bộ phận của đàn ông, đàn bà (*Nọc Thược, Bạch Huệ*) được nghệ nhân Lương Đáng lồng ghép khéo léo vào trong câu hô, làm người nghe hình dung, tưởng tượng rồi cười tùm tùm, dư sức biết

nhưng để nói toạc ra thì không ai đủ bản lĩnh để nói, bởi vì nó tục. Tục, nhưng với cử chỉ, điệu bộ, lời ca, diễn xuất của anh hiệu Lương Đáng, nó trở nên thú vị, lành mạnh và đầy sức thuyết phục.

Tính phồn thực cũng là một trong những nội dung thường thấy trong các câu hô, như ở con Hương (*Tứ Cẳng*) sau:

*“Em có chồng từ thuở mười lăm  
Chồng chê em nhỏ không nằm với em  
Đến nay em mười chín đôi mươi  
Em có ngủ dưới đất thì anh cũng lòi lên  
giường  
Lên giường anh nói anh thương  
Một anh thương, hai anh thương,  
ba anh thương, rồi bốn anh thương  
Anh thương chi hung rứa  
Bốn cẳng giường hấn rung rinh”.*

Kể từ khi người Việt tiến xuống phía Nam, theo chân các chúa Nguyễn đi vào Đàng Trong, họ đem theo khát vọng khai hoang lập làng, mở mang bờ cõi thì cũng mang một nỗi lo cơm ăn áo mặc, mùa màng lúa má nơi đồng hoang bãi sinh; vì vậy, ước mong về một cuộc sống với vạn vật sinh sôi nảy nở, sung túc, đủ đầy, đông con đông cháu để nối tiếp truyền thống dòng họ luôn luôn hiện hữu trong mỗi người. Các câu hô tưởng chừng như miêu tả chuyện riêng tư của vợ chồng nhưng ý nghĩa sâu xa lại là biểu hiện về tính phồn thực trong văn hóa của lớp người Nam tiến. Sự hòa hợp giữa trời đất, âm dương, sáng tối, tốt xấu vv... được thể hiện đầy ẩn ý trong các câu hô và bày tỏ một khát vọng về sự phồn vinh, phát triển của dân tộc.

Nếu như các loại hình nghệ thuật truyền thống khác (*Chèo, Tuồng, Cải lương, Ca Huế,...*) chỉ mang tính biểu

diễn thì Bài chòi Hội An nổi bật với tính tương tác. Ngoài tính chất biểu diễn, thì sự tương tác với khán giả là điều không thể thiếu ở loại hình nghệ thuật này. Tính tương tác được thể hiện ở những thẻ bài mà khán giả cầm trên tay. Người thưởng thức được trực tiếp tham gia vào buổi diễn, tham gia vào trò chơi. Điều này là hiếm thấy trong nghệ thuật dân gian Việt Nam và giúp khán giả cảm thụ tốt hơn về mặt nội dung và tinh thần của trò chơi. Người chơi được nghe hô hát, thấy được động tác, điệu bộ, hình thái nhân vật trong từng câu hô và đặc biệt hơn, họ được chạm tay vào nghệ thuật là những thẻ bài. Ngoài ra, khi gần kết thúc một hội cờ, anh hiệu sẽ mời khán giả tự tay rút một quân bài trong ống xúc để kinh cờ, thể hiện sự rõ ràng, minh bạch trong cách chơi. Sự tương tác qua lại liên tục giữa anh chị hiệu và khán giả là một điển hình của tính linh động trong nghệ thuật và tính cộng đồng trong văn hóa của người Hội An.

Mỗi thẻ bài mang một hình ảnh biểu tượng cho tên quân bài đó, trực quan, dễ hiểu, dễ tiếp cận. Cờ bẳng là loại cờ to, được vẽ cách điệu tên quân bài trên một bảng làm bằng nan tre, dùng để đối chiếu với thẻ bài mà khán giả cầm trên tay - là loại cờ nhỏ được làm bằng gỗ và hình ảnh tương tự. Như vậy, Bài chòi hội đủ các yếu tố về văn học, âm nhạc, vũ đạo, và hội họa; giúp ta thấy được tổng quan về nghệ thuật dân gian của Hội An. Sự phong phú và đa dạng trong nội dung, trong hình thức biểu diễn góp phần đưa nghệ thuật Bài chòi vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Nghệ thuật là không ngừng sáng tạo, Bài chòi Hội An cũng vậy. Cái hồn ở những câu hô thai là sự ứng tác, ứng

tấu, sáng tạo tại chỗ. Đối với nghệ nhân Lương Đáng, một người mang trong mình cái chất tiểu lâm, hài hước thì lại càng dễ dàng hơn. Có những câu hô mà khi chúng tôi nghe tưởng chừng như chắc sẽ ra quân bài đó thì anh hiệu Đáng lại “lái” qua con bài khác, làm cho những người chơi Bài chòi rành rỏi cũng phải bất ngờ, ngạc nhiên. Rồi cũng có lúc du khách còn nghe được những bài hát mới, quen thuộc như *Lỡ hẹn với dòng Lam*, *Chiêng dùi chiêng*, *Lá diêu bông*,... cách hô thai kiểu “*tân cổ giao duyên*” với lời nhạc mới trước sau đó hô làn điệu làm cho du khách cảm thấy gần gũi, quen thuộc. Giữa nghệ thuật truyền thống và nghệ thuật đương đại không còn là khoảng cách, ranh giới giữa người chơi với nghệ sĩ được thu hẹp lại, du khách bốn phương ngồi cạnh nhau, cùng lắng nghe, cùng đoán bài và chia sẻ niềm vui chiến thắng.

Đêm xuống, phở cổ lại lung linh dưới ánh đèn lồng, những anh hiệu như Lương Đáng, Văn Cường, Nguyễn Khánh hay những chị hiệu như Lê Nga, Lê Hoa, Thu Sang, Kim Anh lại cất cao lời ca tiếng hát hòa với tiếng trống rộn ràng, tiếng nhị réo rắt như làm cho những con phố bên dòng sông Hoài thêm phần lung linh, huyền ảo. Bài chòi Hội An bây giờ không dừng lại ở không gian cổ kính mà đi xa hơn, tiếng đàn, lời ca mộc mạc, giản dị nhưng cũng trau chuốt, thi vị vang lên tận trời Tây, ở các nước Pháp, Đức, Ý,... hay châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,... nhưng hình ảnh những chiếc chòi tre lợp mái lá dừa, hình ảnh cây đa, giếng nước, sân đình trong lòng phố cổ tấp nập, đông vui vẫn luôn là một kí ức đẹp của mỗi người dân Hội An và du khách mỗi dịp ghé thăm nơi này ♦

# CANH TÁC HOA MÀU, CÂY ĂN QUẢ TRÊN VÙNG ĐẤT RẦY Ở CÙ LAO CHÀM

CN. Lê Thị Ngọc Hương

Hoạt động canh tác nông nghiệp trước đây ở Cù Lao Chàm - xã Tân Hiệp đóng vai trò rất quan trọng và là nguồn cung cấp lương thực chính cho cư dân xã đảo. Điều này qua các tư liệu lịch sử có ghi chép lại. Trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn năm 1776, ghi chép về Cù Lao Chàm như sau: “*Phủ Thăng Hoa, ở ngoài cửa biển Đại Chiêm có núi to gọi là Cù Lao Chàm, ba ngọn nối nhau, hai ngọn lớn mà xanh tốt, có cư dân ruộng nương, có các thứ cam, quýt, đỗ lạc, trên có suối nước ngọt, một ngọn thì nhỏ mà khô khan, ra biển hai canh thì đến*”<sup>1</sup>. Có thể thấy rõ hoạt động canh tác nông nghiệp của cư dân có từ rất sớm và được người dân chú trọng phát triển. Khi hoạt động khai thác rừng chưa có luật định rõ ràng, người dân đốt nương, phát rẫy để trồng các loại cây ăn trái, hoa màu, tùy thuộc vào loại cây trồng mà trồng xen kẽ phù hợp. Trồng hoa màu không có mùa vụ cố định như trồng lúa. Các cây trồng phổ biến như chuối, khoai lang, đu đủ, đặc biệt là khoai môn với các loại như khoai mịn, áp, ngựa, khoai từ, khoai tím... Khoai môn sấp là loài cây đặc sản vùng đất Cù Lao Chàm hiện nay người dân vẫn còn trồng. Đối với khu vực đất cỗi, cứng hơn thì trồng sắn. Loại sắn phổ biến và thích hợp với đất rừng là sắn canh nông, củ rất to. Vào

dịp cuối năm, nhất là thời điểm trước tết dương lịch, người dân thường trồng các loại rau màu như xà lách, cải hành, ngò để ăn Tết. Nhiều năm trở lại đây hoạt động canh tác nông nghiệp không còn phát triển như trước do nhiều nguyên nhân, như nguồn nước không đủ cung cấp tưới tiêu, do các loài động vật gây hại như khi, bò, chuột...

## 1. Thổ nhưỡng

Ở Cù Lao Chàm, thổ nhưỡng có nhiều điểm khác biệt so với đất liền. Việc nắm rõ về các loại đất phần nào giúp hoạt động canh tác nông nghiệp thuận tiện hơn. Theo kết quả nghiên cứu của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội cho biết:

“*Kết quả điều tra thổ nhưỡng tại Cù Lao Chàm cho thấy sự tồn tại của 06 nhóm đất chính trên đảo, đó là nhóm đất tàn tích, đất tàn tích - thêm bóc mòn, đất tầng mỏng sườn Đông bắc, đất sườn tích sườn Tây nam, đất dốc tụ chân sườn và nhóm đất cát.*

*Đất dốc tụ chân sườn và đất thêm tích tụ là nguồn tài nguyên quý giá của đảo. Chúng phân bố hạn chế ở ven Bãi Bắc, Bãi Ông, Đồng Chùa, Bãi Làng, Bãi Hương, ở các độ cao đến 10 - 20m và 30 - 40m. Thành phần đất thường là cát pha, cấp hạt >2mm thường thấp hơn*

1. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.116.



Ruộng Đồng Gieo ở Cù Lao Chàm – xã Tân Hiệp, thành phố Đà Nẵng

10%; bên dưới là các tầng đá gốc phong hóa, tròn cạnh. Có thể xếp các đất này vào nhóm Fluvisols. Chúng có hàm lượng mùn nghèo và ít thay đổi theo độ sâu; đất chua, bị bạc màu.

Đất trên ruộng bậc thang thoái trồng lúa nước ở Bắc Đồng Chùa thuộc đất chua ( $PH_{kcl} = 3,72 - 3,86$ ), nghèo mùn (1,14% trên mặt, xuống 0,26% dưới 50cm), thành phần cơ giới chủ yếu cấp cát thô - bột, cấp hạt 2 - 0,02mm chiếm đến 82% - 86%.

Tại trung thấp ruộng lúa nước của Đồng Chùa, đất cát pha màu xám đen đến xám nhạt, xũng nước, gley, bên dưới có nhiều tầng cục granit tròn cạnh. Đất chua ( $PH = 3,97 - 4,22$ ), mùn khá hơn (2,5% trong lớp trên mặt), thành phần cơ giới bột - cát với cấp hạt 2 - 0,02mm chiếm 84 - 90%.

Trên các sườn thoái (<20%), độ cao 60 - 80m, gặp tổ hợp đất tầng dày. Trong phần diện, đất có màu nâu vàng nhạt, hơi thô, viên cục góc cạnh, thịt trung bình, ít dẻo, bên dưới (15 - 20cm) lẫn nhiều (>50%) sạn thạch anh và các viên cục góc cạnh phong hóa từ granit. Đất chua

( $PH_{kcl} = 4,61 - 4,12$ ), mùn khá hơn (3,32% trên mặt)”<sup>2</sup>

## 2. Cách chuẩn bị rẫy để canh tác

Ở Cù Lao Chàm, tuy vùng đảo nhưng có nhiều ruộng rẫy trên núi được người dân khai thác để trồng trọt, mỗi ruộng cũng tương ứng với tên gọi của người khai hoang canh tác như khu rẫy ông Quy và suối Tình; Ruộng bà Đành, ruộng Bà Môn, rẫy ông Bàn, nà bà Nghiêm, ruộng ông Khương,...

Trước đây, mỗi người chọn cho mình một khu vực phù hợp để khai phá làm rẫy. Khu vực được chọn thường là nơi đồi hơi bằng phẳng, hạn chế vị trí có nhiều cây to, thuận lợi về nguồn nước để dễ tưới tiêu. Ranh giới để phân biệt đám rẫy giữa các hộ với nhau có thể bằng rãnh hoặc đắp bờ ngăn cách. Việc phát rẫy thường vào mùa nắng ấm, tầm tháng 3 đến tháng 5. Khi đi vào rừng, người dân mang theo dao rựa, cuốc, một số vật dụng khác. Dùng dao rựa phát các loại cây cỏ dại, dây leo, thường các cây nhỏ. Khi cây cỏ bắt đầu khô, quy tập lại để đốt thành tro, tro sau này là nguồn dinh dưỡng cho các loại cây trồng. Việc trồng trọt trên rẫy, do địa hình không bằng phẳng nên tùy thuộc vào các dạng địa hình mà chọn phương thức đào hố trồng hay lên giồng. Trên khu vực rẫy chọn vị trí có cây to dùng làm nơi nghỉ mát, nếu làm rẫy lâu năm cư dân ở đây dựng chòi tạm để trú ngụ, cất trữ một số vật dụng cần thiết phục vụ hoạt động

2. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội, Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân vùng chức năng kinh tế -sinh thái - du lịch của Cù Lao Chàm, “Kỷ yếu Cù Lao Chàm - Vị thế, tiềm năng và triển vọng, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An”, năm 2007, tr.12,13.

trồng trọt và làm nơi sinh hoạt nấu cơm, ăn uống.

### 3. Các loại cây hoa màu thường được trồng trên rẫy

- Khoai môn sấp: Giống môn này có củ không quá to như các loại môn khác, ruột màu vàng tươi, có mũ và rất dễ kích ứng đối với da người khi gọt để nấu ăn. Loại môn này dẻo, thơm ngon. Môn sấp trồng được cả dưới đất ruộng nước và đất khô. Thời gian thu hoạch trồng trên đất khô là 6 tháng, còn đất ướt phải mất một năm. Thời gian trồng tùy thuộc vào mỗi hộ gia đình. Giống được duy trì trồng tại khu vực đất ruộng nước hoặc các cánh đồng, khu vực đất trong vườn nhà. Khi chuẩn bị trồng, người dân nhổ môn giống, cắt phần củ, chừa lại một ít phần trên của củ môn, cắt bỏ bớt phần lá mang lên rẫy trồng. Trước khi trồng, đất được lên giồng, chặt các lá cây xung quanh bỏ làm bồi để đất xốp, hoặc đốt thành tro bón lót cho cây. Cũng có khi không cần lên giồng, chỉ đào hục cạn bỏ tro bón lót, đặt môn xuống trồng. Trồng môn không lên giồng phải đợi cây ra được 3, 4 nách lá thì bắt đầu bón phân, lên giồng cho môn. Khi môn bắt đầu có củ, không được giẫm đạp lên giồng, vì sẽ làm cho củ bị thối. Trước khi vun gốc lưu ý phải bỏ phân hữu cơ hoặc phân Ure. Nếu đất ruộng khô, thỉnh thoảng phải tưới nước cho cây. Khi lá môn bắt đầu vàng hoá (*xuống lá*) thì chuẩn bị thu hoạch. Môn sấp thường ra

hiều nhánh củ, nên khi đào phải bới nhẹ lớp đất bề mặt bằng dao, thuổng và nhổ lên. Cắt phần củ mang về, phần mặt để dưỡng trồng cho các vụ tiếp theo. Môn thường được luộc chín hoặc nấu chè, hầm xương. Vào các dịp lễ cúng trong gia đình, cư dân ở Cù Lao Chàm thường dùng môn sấp để nấu canh cari hoặc nấu chè dâng cúng tổ tiên.

- Khoai lang: Ban đầu cư dân ở Cù Lao Chàm vào đất liền mang giống khoai lang ra trồng, thường là các giống khoai trụi, khoai đỏ ruột trắng, khoai bí (*ruột màu vàng như bí, ăn ngọt như mật, vỏ có hai loại màu trắng và đỏ*). Khoai lang là loại cây rất dễ trồng, chỉ cần cắt ngọn, đào hục cạn, bỏ ngọn xuống lấp đất lại là được. Khi trồng thường xuyên tưới nước. Khoai trồng lấy củ thường không cắt ngọn, nếu có cắt ngọn thì chỉ cắt lứ đầu tiên, còn lại để nguyên dây, trồng được tầm 3 tháng thấy lá già, ngả vàng thì có thể đào lấy củ. Củ tươi thường dùng luộc ăn hoặc cắt lát mỏng phơi khô để dành ăn vào mùa đông. Hoặc có thể cắt thành lát mỏng dài bằng ngón tay út phơi khô, bỏ chum, đậy kín để dành ghé cơm ăn dần. Mùa đông cư dân ở đây thường dùng khoai phơi khô làm món khoai ngào đường ăn rất ngon.

Theo niên giám thống kê của thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam trước đây thì diện tích, năng suất, sản lượng khoai lang tại xã Tân Hiệp như sau:

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Diện tích (ha)	2	2	2	2	2	1	1	1	-
Năng xuất (tạ/ha)	30	36	40	37	35	36	32	30	
Sản lượng (tấn)	6	7.2	8	7.4	7	3.6	3.2	3	

Từ bảng thống kê trên cho thấy diện tích trồng khoai lang toàn xã cũng là con số khiêm tốn, chỉ 2ha, còn về sau diện tích giảm dần và việc trồng khoai không còn duy trì kể từ năm 2018.

- Sắn: Giống sắn thường trồng là loại sắn canh nông, cũng mang từ đất liền ra. Loại sắn này củ to, ăn bùi thơm ngon. Cách trồng sắn cũng rất đơn giản, trồng bằng thân cây, chặt từng đoạn thân cây sắn khoảng 20cm, đặt nằm nghiêng trong hục nhỏ cạn, lấp đất lại. Sắn trồng nghiêng thân cây để sắn cho nhiều củ, tuyệt đối không trồng thân thẳng đứng. Việc chăm sóc cũng nhẹ nhàng hơn các loại cây khác, chỉ bón lót lúc ban đầu khi đào hục trồng, nước cũng không phải tưới nhiều. Sắn từ khi trồng đến khi thu hoạch mất 1 năm. Sắn đào về thường luộc hoặc ghế com ăn khi còn tươi, nếu nhiều thì mang đi bán, có nhà cắt lát mỏng phơi khô rồi mới bán.

Bên cạnh các loại cây hoa màu cơ bản cũng có một số loại cây lấy quả được trồng trên rẫy như:

- Chuối: Chuối được gầy giống tại vườn nhà. Sau khi dọn rẫy xong, đào các cây con tầm 2 lá mang lên để trồng. Chuối được trồng vào tầm tháng 7, 8. Giống chuối chủ yếu tại đảo là chuối hột (*lùn*), sủ. Khi phát rẫy xong, đào hố sâu khoảng 50cm, đường kính khoảng 30cm, bỏ các loại lá cây xuống đốt thành tro. Sau khi đã chuẩn bị hố xong, đào các cây con mang lên rẫy đặt xuống hố và lấp đất lại. Giai đoạn đầu khi trồng phải tưới nước, chăm sóc kỹ để cây nhanh bén rễ. Nước tưới được dẫn về tới rẫy, trung bình 3 ngày tưới 1 lần. Chăm sóc đến khi cây ra từ 3 đến 5 lá không cần phải tưới nước

thường xuyên, nếu trời quá khô hạn thì mới tưới thêm nước. Sau khi chuối trở buồng đạt độ già (*trái to, căn bóng*), đôn chuối mang về và chặt bỏ cây để tạo dinh dưỡng cho các cây con phát triển. Việc vận chuyển đường núi cũng rất khó khăn, phải buộc 2 đầu gánh, gánh bộ đường núi về, nếu ở khu vực xa hơn thì gánh chuối ra khỏi bì rừng tập kết lại tại bến/bãi, sau đó vận chuyển bằng ghe hoặc thúng chai. Sau này có xe máy thì dùng xe máy để vận chuyển.

- Đu đủ: Đu đủ được trồng quanh năm, vì trồng trên đất núi có độ dốc nên không sợ ngập úng như ở đồng bằng. Hạt đu đủ ươm thành những cây con trong bầu hoặc ngoài đất, khi cây đạt chiều cao tầm 30cm, búng đem lên rẫy trồng. Loại cây này trồng chủ yếu xen kẽ vào những khoảng đất trống đối với các loại cây khác. Việc chăm sóc cũng dễ dàng, thỉnh thoảng tưới nước, vào phân gốc cho cây.

- Các cây lâu năm như mít, xoài cũng được trồng để lấy quả. Hạt mít ươm lên cây con, đủ độ cao thì búng lên rẫy trồng trong những hố nhỏ. Loại cây này chỉ chăm sóc giai đoạn đầu, tưới nước cho cây bén rễ và phát triển. Thời gian cho trái cũng mất từ 3 đến 5 năm. Khi cây đậu trái, để tránh bị các loại động vật phá hoại, dùng lưới bao bọc phần trái để bảo vệ.

Đối với các loại rau màu như xà lách, cải, rau thơm, bầu bì, ớt xiêm xanh, ớt thường trồng vào dịp cuối năm. Hạt giống được mua trong đất liền, khi gieo trồng lên giồng cao tầm 10cm rộng 30 - 50cm tùy diện tích đất. Sau đó bón phân lót bằng tro, phân bò,.. gieo hạt trên luống. Đối với các loại ớt xiêm xanh, ớt đỏ thì trồng ở vị trí gần hốc đá để tận dụng

khoảng trống của đất canh tác, vì loại ớt này sinh trưởng rất mạnh. Đối với bầu thì trồng và làm giàn cho bầu leo, bí đỏ trồng thả bò dưới mặt đất. Rau trồng chủ yếu để ăn trong gia đình, nếu dư bán cho các hộ xung quanh. Ớt xiêm trồng rất sai trái, các tàu giã ở Đà Nẵng thường ghé mua mang về.

Cây trồng trên rẫy phải thường xuyên chăm sóc, nhổ cỏ, bón phân, tưới nước. Trước đây cây trồng trên rẫy chỉ bón lót bằng cây lá rừng, tro và phân bò đã ủ mục với rơm. Sau này có thêm phân Ure, NPK bổ sung thêm dinh dưỡng cho cây. Để phòng tránh chuột, khi bò phá hoại thì phải đi canh giữ khi rau màu đã đến thời điểm gặt thu hoạch.

#### **4. Việc sử dụng nước tưới trong hoạt động canh tác ở trên rẫy**

Cù Lao Chàm có diện tích đủ lớn (15km<sup>2</sup>) và lượng mưa cao (>2000mm/năm), nên tiềm năng nước ngọt lớn. Nhưng sườn dốc, lớp phủ đất mỏng, một lượng lớn nước mưa đã chảy thẳng xuống biển mà chưa kịp chuyển thành dòng ngầm. Tuy nhiên do nhiều khe nứt và hang hốc, là một điều kiện thuận lợi để lưu giữ một phần lượng nước dôi dào vào mùa mưa để cung cấp cho các mạch ngầm ở chân núi.<sup>3</sup>

Tận dụng những lợi thế về mặt tự nhiên, trước đây nhiều hộ làm rẫy đã có cách tính toán phù hợp để có thể đưa nước về rẫy của mình ví như một số khu vực có cách làm như sau: *Khu rẫy bà Trần Thị Chức và suối Bãi Chồng, nước tưới cho các cây trồng trên triền đồi được dẫn*

*từ đỉnh cao của con suối về bằng ống nước. Người dân kê đá chắn dòng suối và lắp miệng ống nhựa dẫn nước về tích trữ trong hồ gạch xây trên sườn đồi. Từ hồ này bắt các ống nhựa dẫn nước tưới cây trồng. Ruộng bà Môn và khe cây Cắt, nhà bà Nghiêm (ruộng cấu tạo kiểu bậc thang) nguồn nước sử dụng để canh tác là nguồn nước nhi. Tại vị trí cao nhất người dân xây một hồ nhỏ để tích trữ nước tưới cây, đồng thời có trở mương dẫn nước từ hồ này đến các thửa đất tưới cho cây trồng<sup>4</sup>. Đối với ruộng bậc thang nước trở vào bậc cao nhất, khi đầy thì nước sẽ tự tràn xuống bậc thấp hơn.*

Một số khu vực dẫn nước từ khe suối về, đào một cái hồ rộng nằm sát rẫy để giữ nước, khi tưới chỉ việc mức nước gánh tưới rất thuận tiện.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở Cù Lao Chàm trước đây là một trong ngành chính để giúp duy trì nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ. Tuy nhiên, với nhiều điều kiện khó khăn như nguồn nước cạn kiệt, các tác nhân gây hại như bò hoang, khí, chuột... nên việc trồng trọt dường như thưa dần từ năm 2015. Hiện nay một số rẫy ở Bãi Làng, Bãi Hương còn duy trì chủ yếu là trồng môn sấp vì loại cây này các loài động vật không ăn được và cũng không cần nhiều nước tưới và công chăm sóc. Tuy nhiên tri thức về hoạt động canh tác nông nghiệp nói chung vẫn còn lưu giữ trong nhiều gia đình ở Cù Lao Chàm. Đây tư liệu quý giá cho công tác nghiên cứu, bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể của địa phương ♦

3. *Kỷ yếu Cù Lao Chàm - Vị thế, tiềm năng và triển vọng*, sách đã dẫn, tr.13.

4. Võ Hồng Việt, “Hệ thống canh tác thủy lợi cổ truyền ở Cù Lao Chàm”, *Thông tin nghiên cứu Cù Lao Chàm*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An, năm 2014, tr. 48,50.

# NHÓM NHẠC GIA ĐÌNH, BẠN BÈ Ở KHU PHỐ CỔ HỘI AN TRONG ĐÔ THỊ SÁNG TẠO TOÀN CẦU

CN. Trương Hoàng Vinh

Vào đầu thế kỷ XX, Hội An là đô thị hành chính, nơi đặt Tòa Công sứ, các cơ quan hành chính của chính quyền bảo hộ của Pháp ở tỉnh Quảng Nam. Thời kỳ này đánh dấu sự tiếp biến văn hóa Pháp mạnh mẽ, trong đó có sự tiếp thu âm nhạc phương Tây từ các nhóm nhạc gia đình, bạn bè, lưu truyền lại đến ngày nay tạo nên một nguồn lực văn hóa quan trọng góp phần vào sự nghiệp bảo tồn, phát huy Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An. Trong bài viết này xin bước đầu trình bày một số suy nghĩ về giải pháp phát huy đối với di sản văn hóa là các nhóm âm nhạc gia đình, bạn bè trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững.

## 1. Sự hình thành, phát triển các nhóm gia đình, bạn bè ở Hội An

Hội An trở thành một trong những đô thị của Việt Nam sớm hình thành hoạt động âm nhạc phương Tây. Ở Hội An có nhạc sĩ La Hối - là người gốc Hoa (*tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc*), sinh năm 1920 trong một gia đình có truyền thống thương mại, âm nhạc. Ông được gia đình tạo điều kiện học âm nhạc ở Chợ Lớn (*Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*), học ở Quảng Tây - Trung Quốc. Năm 1942, La Hối sau khi về Hội An thành lập Hội Ái hữu âm nhạc Faifoo (*Societe philharmonique de Faifoo*) gồm các thành viên là người trong gia đình, bạn bè. Trong nhóm nhạc,

La Hối sử dụng piano; Vương Quốc Mỹ, Vương Quang, La Gin, Trần Can sử dụng violon; Lâm Cự sử dụng bangio alto hoặc accordion; La Xuân, Thái Chí Hải sử dụng bagnio; Ghibou sử dụng saxophone alto hoặc trompet; Lê Văn Miêng, La Thiều sử dụng trống; Duy Liễu sử dụng saxophone tenor. Đặc biệt, năm 1944, La Hối là người đã sáng tác giai điệu “*Le Printemps et la Jeunesse*” (*Xuân và tuổi trẻ*) để đến năm 1946, nhà thơ Thế Lữ đặt lời Việt cho bản nhạc này. Hội Ái hữu âm nhạc Faifoo còn tổ chức dạy nhạc cho giới trẻ, có người sau này là nhạc sĩ nổi tiếng như: Dương Minh Ninh, Dương Minh Hòa, Lê Trọng Nguyễn, Lê Khuê, Hoàng Tú Mỹ, Trương Đình Quang<sup>1</sup>. Nhiều thành viên, học viên của các nhóm nhạc gia đình, bạn bè ở Hội An sau này trở thành lực lượng nòng cốt của Ban Văn nghệ kháng chiến Liên khu 5. Sau đó, vào nửa đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, ở Hội An có nhóm Du Ca Áo Nâu của các học sinh trung học là Châu Văn Hội, Huỳnh Ngọc Châu, Tống Văn Huy... hoạt động đến năm 1972<sup>2</sup>... Sau năm 1975, có các nhóm nhạc của Hợp tác

1. Trương Nguyên Ngã (2018), “Tân nhạc tại Hội An thời kỳ sơ khởi”, <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/tan-nhac-tai-hoi-an-thoi-ky-so-khoi-748.html>, cập nhật: Thứ hai - 03/12/2018 09:00).

2. Trương Nguyên Ngã (2024), “Dòng chảy âm nhạc tại Hội An”, 30/06/2024 08:00 <https://baodanang.vn/dong-chay-am-nhac-tai-hoi-an-3137190.html>

xã Mành trúc Việt Hoa, của Hợp tác xã Mành trúc Hội An... tham gia hầu hết, đạt được nhiều giải thưởng hội thi văn nghệ quần chúng ở Hội An, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), miền Trung và quốc gia. Năm 1987, nhóm nhạc tự phát có nhóm nhạc Faifo của các anh La Vĩnh Hoàng, Lý Hùng, Lý Dũng hình thành, chủ yếu tham gia các hoạt động văn nghệ quần chúng, các sự kiện gia đình, các quán cà phê. Những năm cuối thế kỷ XX, nhóm nhạc của các anh chị Mỹ Phương, Mỹ Hiệp, Thanh Xuân, Duy Dũng, Lý Hùng, Lý Dũng trình diễn ở cà phê Gạch đỏ trên đường Bà Triệu. Những nhạc sĩ lão thành của Hội An mà hầu hết là học trò của La Hối và Hội Ái hữu âm nhạc Hội An là Thái Chí Hao (*sử dụng phong cầm*), Hoàng Tú Mỹ (*vĩ cầm*), La Gia Quảng (*piano*) và Võ Tân Nam (*mandoline*) đã thành lập Nhóm nhạc Serenat, năm 2008 đổi tên thành Cung đàn xưa, tham gia hoạt động Đêm phố cổ<sup>3</sup>.

## 2. Một số đặc điểm hoạt động biểu diễn

Qua khảo sát bước đầu theo phương pháp kiểm đếm trực quan vào quý IV - 2025, chúng tôi nhận thấy ở các dãy nhà mặt tiền trong Khu vực I (*vùng lõi*) Khu phố cổ Hội An có 16 nhà hàng, quán bar, cà phê có các nhóm nhạc phục vụ<sup>4</sup>.

3. Trương Điện Thắng (2015), “Từ La Hối đến mạch nguồn âm nhạc phố cổ (Báo Quảng Nam)”, <http://www.hoianworldheritage.org.vn/vi/news/Dat-va-nguoi-Hoi-An/tu-la-hoi-den-mach-nguon-am-nhac-pho-co-1207.hwh>, cập nhật: Thứ hai - 14/12/2015 08:31.

4. Gồm: 1. Cà phê - Nhà hàng Cỏ Smoothies - 1 và 4 Hoàng Văn Thụ, 2. Cà phê Rawcoo - 83 Phan Châu Trinh, 3. Nhà hàng, cà phê Uncle Huan - 675 Hai Bà Trưng, 4. Cà phê Moments - 47 Lê Lợi, 5. Iberico - 100 Bạch Đằng, 6. Nhà hàng Seventy One - 77 Nguyễn Phúc Chu, 7. Nhà hàng The Lyly - 33 Nguyễn Phúc

Đặc điểm hoạt động của các nhóm nhạc là: Một số nhóm nhạc thuộc lứa tuổi trung niên trở lên, chuyên sử dụng các nhạc cụ guitar, maldoline, violon, cajon, trống, guitar Hawaii để hòa tấu các bài nhạc tiền chiến và các bài nhạc ngoại nổi tiếng. Trong đó có nhóm nhạc của anh Thiện (*gồm có 4 người*) chơi hàng đêm ở cà phê Cỏ, nhóm nhạc của Lương (*có 3 người*) chơi hàng đêm ở quán Rawcoco, Nhóm nhạc tại cà phê The Son – 98 Lê Lợi. Tại nhà hàng Mệt - 47 Nguyễn Phúc Chu có một nhóm nhạc mặc trang phục Việt Nam cổ truyền chuyên hòa tấu bằng các nhạc cụ dân tộc là đàn tranh, đàn T'rung, đàn nhị/cò. Có một số nơi có biểu diễn của ca sĩ và ban nhạc (*trống, guitar, đàn organ, saxophone...*) như ở quán Madame Kieu, The LyLy, Uncle Huan, Urban. Thành viên những nhóm nhạc này có tuổi đời trẻ hơn, khoảng từ 20 - 40 tuổi, thường hát các bài hát nước ngoài nổi tiếng để phục vụ khách nước ngoài đang ăn, uống tại các nhà hàng, nhà hàng - cà phê. Trong đó có một số bạn trẻ là sinh viên của Trường Cao đẳng Nghệ thuật Đà Nẵng. Tạm tính số lượng các nhạc cộng, nhạc sĩ của các nhóm nhạc gia đình, bạn bè khoảng 80 người ở các lứa tuổi từ 20 - dưới 80.

Các nhóm nhạc trên thường biểu diễn từ 19 - 22h với khoảng 20 - 30 tiết mục. Tần suất biểu diễn tại các điểm là từ 3 - 7 đêm/tuần tùy vào hợp đồng với chủ quán. Vào thời điểm vắng khách là các

Chu, 8. Nhà hàng Ngon - 53 Nguyễn Phúc Chu, 9. Nhà hàng, cà phê Madame Kiều - 43 Nguyễn Phúc Chu, 10. Nhà hàng Mệt - 47 Nguyễn Phúc Chu, 11. Nhà hàng Fox and Hound Sport - 73 Nguyễn Phúc Chu, 12. Nhà hàng Chop - 96A Bạch Đằng, 13. Nhà hàng Cargo - 109 Nguyễn Thái Học, 14. Nhà hàng, cà phê The Son - 98 Lê Lợi, 15. Cà phê Urban - 2 Châu Thượng Văn, 16. Nhà hàng, cà phê Ancient Remedy - 75 Lê Lợi.



Nhà hàng 73 Nguyễn Phúc Chu, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng

tháng 9, 10, 11 thì tần suất giảm đi hoặc có thể tạm chấm dứt hoạt động biểu diễn âm nhạc trong 10 - 30 ngày.

Các nhóm nhạc này hoạt động tự phát, mỗi nhóm thường có 3 - 5, 6 người, trong đó có thành viên lo việc liên lạc ký kết hợp đồng biểu diễn với các tụ điểm. Thu nhập trung bình của mỗi thành viên trong nhóm từ 250.000 đến 500.000đ/đêm diễn. Một số nhà hàng có thuê các nhạc công, ca sĩ người nước ngoài biểu diễn, nhưng số này chưa phổ biến và thường xuyên. Ngoài ra, các thành viên của các nhóm nhạc này có thể nhận tham gia biểu diễn ở các sự kiện khác của gia đình (*tiệc cưới, sinh nhật...*) hoặc các lễ kỷ niệm, khai trương của các nhóm/hội/cơ quan/công ty ở địa phương. Hiện chỉ có 1 công ty chính thức chuyên hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc là Công ty TNHH Một thành viên âm thanh, ánh sáng Đức Yamaha do anh Đức là một nhạc công lâu năm ở Hội An thành lập. Giữa các nhóm nhạc tuổi trẻ và tuổi trung niên cũng có sự liên kết, huy động lẫn nhau về nhân sự để

phục vụ các sự kiện, tại các tụ điểm.

Về phía các nhà hàng, chúng tôi tạm dự tính doanh thu ở quán nhà hàng - cà phê ở đường Phan Châu Trinh (*có mức giá thấp hơn so với các quán ở trung tâm phố cổ*), menu có 51 thức uống, biểu giá các món thấp nhất là từ 45.000đ, cao nhất là 70.000đ và 39 thức ăn cho 1 người có giá từ 70.000đ - 140.000đ/1 người/1 món. Quán có 60 chỗ ngồi, nếu

quán có số lượng khách 60 người (*công suất 100% trong thời gian 3h từ 19 - 22h tối có phục vụ âm nhạc, chưa tính các giờ bán vào buổi sáng, trưa, chiều*). Dự tính, khách sử dụng các loại thức uống với trung bình là 55.000đ (*chưa tính sử dụng thức ăn*) thì doanh thu mỗi đêm của quán là 3.300.000đ. Mỗi đêm quán chi trả cho nhạc công 800.000 - 900.000đ cho 3 người. Như vậy, qua dự tính chưa đầy đủ khả năng doanh thu của một quán có phục vụ âm nhạc cho khách thuộc mức trung bình ấy, thì thấy khả năng trả tiền thù lao cho nhạc công phục vụ âm nhạc là rất cao và lợi nhuận là đảm bảo.

Về đánh giá của du khách đối với hiệu quả của các nhóm nhạc tại các quán nhà hàng, nhà hàng - cà phê - một trong những nguồn lực chính nuôi sống hoạt động của các nhóm nhạc. Vào tháng 10/2025, dựa vào trang web Tripadvisor, qua đọc các phản hồi của du khách về các nhà hàng có liên quan, chúng tôi nhận thấy: Quán Madame Kieu có 20/84 ý kiến đánh giá là có âm nhạc chuyên nghiệp,

đánh giá tiêu cực là âm nhạc quá to. Quán Cỏ Smoothies có 10/19 đánh giá tốt về phục vụ âm nhạc tại đây. Quán cà phê The Son (*có ít nhất 16/131 đánh giá tốt về âm nhạc*), Quán Seventy có 5/18 đánh giá tốt về âm nhạc nhất là đối với nghệ sĩ saxophone và 2/18 đánh giá không tốt về âm nhạc là âm lượng lớn và nghi ngờ ca sĩ hát nhép (?). Nhà hàng Fox and Hound Sport, 73 Nguyễn Phúc Chu có 1 đánh giá tốt về âm nhạc, các quán Moment, nhà hàng Chop được đánh giá cao về âm nhạc. Từ các phản hồi tích cực đó của du khách cho thấy du khách có nhu cầu thực sự thưởng thức âm nhạc.

Ở góc độ khác là biểu diễn phục vụ các sự kiện văn hóa du lịch do chính quyền thị xã/thành phố Hội An trước đây, năm 2008, nhóm nhạc Cung đàn xưa với các thành viên gạo cội của làng nhạc Hội An đã tham gia vào hoạt động Đêm phố cổ - một sự kiện văn hóa đặc trưng thường xuyên và nổi bật của Hội An được hình thành từ 1998 đến nay. Cùng với đó là nhóm nhạc Tiếng dương cầm - Cung đàn tuổi thơ cũng được mời tham gia phục vụ *Đêm phố cổ Hội An* diễn ra vào mỗi ngày 14 hàng tháng Âm lịch. Nhóm nhạc *Tiếng dương cầm - Cung đàn tuổi thơ* biểu diễn từ 19h - 21h tối thứ 6 của tuần thứ nhất và suốt tuần thứ 3 hàng tháng tại số nhà 78 Lê Lợi. Nhóm nhạc có sự tham gia của các học sinh từ lớp 2 đến lớp 7 của các trường Tiểu học và Trung học cơ sở thành phố Hội An trước đây. Nhóm nhạc đường phố *Cung đàn xưa* là nhóm nhạc gia đình với các thành viên là hậu duệ của nhạc sĩ La Hối biểu diễn trong chương trình *Đêm phố cổ Hội An* tại 31 Nguyễn Thái Học và thể hệ kế cận bằng các nhạc cụ là piano, guitar bass, violon, mandolin, hacmonica và trình diễn những bản nhạc xưa nổi tiếng

trong và ngoài nước, hiện nay nhóm vẫn đang hoạt động<sup>5</sup>. Nhạc công guitar Hawai Trần Bùng tham gia hoạt động Đêm phố cổ trong nhiều năm qua.

Cơ quan chuyên môn của thành phố Hội An trước đây là Trung tâm Văn hóa, Thể thao, và Truyền thanh - Truyền hình Hội An, nay là Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã tổ chức 2 đợt liên hoan âm nhạc, vào năm 2015 có *Liên hoan ban nhạc Jazz* và năm 2019 có *Giao lưu các ban nhạc Hội An mở rộng*. Nhiều nhóm nhạc cũng tham gia không thường xuyên một số sự kiện văn hóa khác trong chuỗi các hoạt động, sự kiện văn hóa du lịch của Hội An.

### 3. Một số suy nghĩ về bảo tồn, phát huy

Trong bối cảnh Hội An đang thực hiện phát triển du lịch bền vững và tham gia mạng lưới đô thị sáng tạo toàn cầu, trong lĩnh vực thủ công nghệ thuật dân gian (*ngày 31/12/2023*) và thực hiện phát triển công nghiệp văn hóa, chúng tôi xin có những suy nghĩ bước đầu như sau:

- Hoạt động biểu diễn âm nhạc phương Tây ở Hội An có lịch sử hơn 80 năm, trở thành di sản văn hóa phi vật thể gắn liền với không gian văn hóa Đô thị cổ Hội An và đang góp phần quan trọng trong phát huy lĩnh vực nghệ thuật dân gian của hành trình tham gia mạng lưới thành phố sáng tạo toàn cầu của Đô thị cổ Hội An.

- Nguồn lực nuôi dưỡng hoạt động của các nhóm nhạc gia đình, bạn bè ở Đô thị cổ Hội An là khá dồi dào, thuận lợi

5. Thanh Hải (2015), “Biểu diễn âm nhạc trong phố cổ Hội An (Quảng Nam)”, <https://vietnamtourism.gov.vn/>, cập nhật: 15/06/2015 11:49:10,

vì có truyền thống lịch sử của gia đình, địa phương. Các nhóm nhạc khá dồi dào, hoạt động có chất lượng, chuyên nghiệp. Đồng thời, hiện nay đang có cơ hội mở rộng kết nối với các vùng lân cận trong thành phố Đà Nẵng như: khu vực Trung tâm Hành chính Đà Nẵng, phường Ngũ Hành Sơn, phường Bà Nà, phường Điện Bàn Đông, phường Bàn Thạch, xã Nam Phước, Thu Bồn... Đó là những nơi mà có nhiều khu du lịch lớn, hàng ngày đón hàng ngàn du khách, thường xuyên diễn ra các sự kiện văn hóa nghệ thuật phục vụ du khách - Đây là môi trường, thị trường khá thuận lợi cho mạch sống của hoạt động biểu diễn âm nhạc gia đình, bạn bè.

- Để hoạt động của các nhóm nhạc gia đình, bạn bè thực sự trở thành một thực thể chính thức, hiệu quả hơn trong tham gia mạng lưới đô thị sáng tạo toàn cầu, công nghiệp văn hóa chúng tôi xin có một số đề xuất sau:

+ Đẩy mạnh công tác trao truyền hiệu quả bằng nhiều phương thức truyền thống (*mở lớp dạy nhạc...*) và hiện đại (*thực hiện các buổi trực tiếp trên các kênh truyền thông xã hội để tăng cường độ quảng bá...*). Đồng thời tăng cường sự kết nối giữa các nhóm nhạc để thể hiện sự đa dạng trong nội dung biểu diễn cũng như đáp ứng được nhiều đối tượng du khách. Các nhóm nhạc cần tăng cường thu, phát, phổ biến các buổi diễn của nhóm trên các nền tảng truyền thông, quảng bá giá trị âm nhạc của nhóm, của địa phương, tăng doanh thu từ các nền tảng phát hành.

+ Đối với công tác nghiên cứu, trước đây đã có một số nhà báo, nhà nghiên cứu địa phương viết bài về hoạt động của nhóm nhạc gia đình, bạn bè nhưng tiếp cận ở góc

độ báo chí, lịch sử, văn hóa. Vấn đề đặt ra là cần có những nghiên cứu chuyên sâu về giá trị âm nhạc, kinh tế của các nhóm nhạc gia đình, bạn bè trong thị trường âm nhạc - du lịch Hội An, Đà Nẵng. Một điều cũng cần quan tâm là tổ chức các hội thảo chuyên môn để đánh giá thực trạng, tổ chức kiểm kê di sản để có cơ sở tiến tới đề xuất ghi danh vào di sản văn hóa phi vật thể quốc gia làm cơ sở pháp lý để mở rộng quảng bá, tổ chức các sự kiện lớn hơn cho lĩnh vực nghệ thuật này.

+ Cơ quan chuyên môn các cấp cần nghiên cứu và tổ chức các cuộc liên hoan trình diễn, thi đấu chuyên môn ở cấp quốc tế như mô hình Liên hoan âm thực quốc tế, Liên hoan hợp xướng quốc tế, Lễ hội pháo hoa quốc tế mà trước đây đã thực hiện thành công, tạo điều kiện cho các nhóm nhạc gia đình, bạn bè tham gia các liên hoan chuyên môn ở nước ngoài. Cơ quan chức năng cũng cần giúp đỡ các nhóm ca nhạc gia đình, bạn bè thành lập thành Hợp tác xã hoặc Hội nghề nghiệp để các nhóm nhạc có tư cách pháp lý, thuận lợi trong tổ chức, hợp đồng biểu diễn.

+ Ở góc độ các doanh nghiệp là các khu du lịch, nhà hàng, cà phê, khách sạn cần đề cao hơn nữa tầm quan trọng của phục vụ âm nhạc tại các cơ sở trong công tác truyền thông ở các trang web, facebook để góp phần quảng bá một lĩnh vực văn hóa mà du khách khá quan tâm bên cạnh quảng bá về chất lượng của sự ở, ăn, thái độ phục vụ của nhân viên. Đồng thời, cũng cần quan tâm đến việc hợp đồng sử dụng các nhóm nhạc gia đình, bạn bè chuyên trình diễn các loại hình văn hóa cổ truyền để tăng cường sự thu hút của điểm đến, quảng bá giá trị văn hóa Hội An ♦

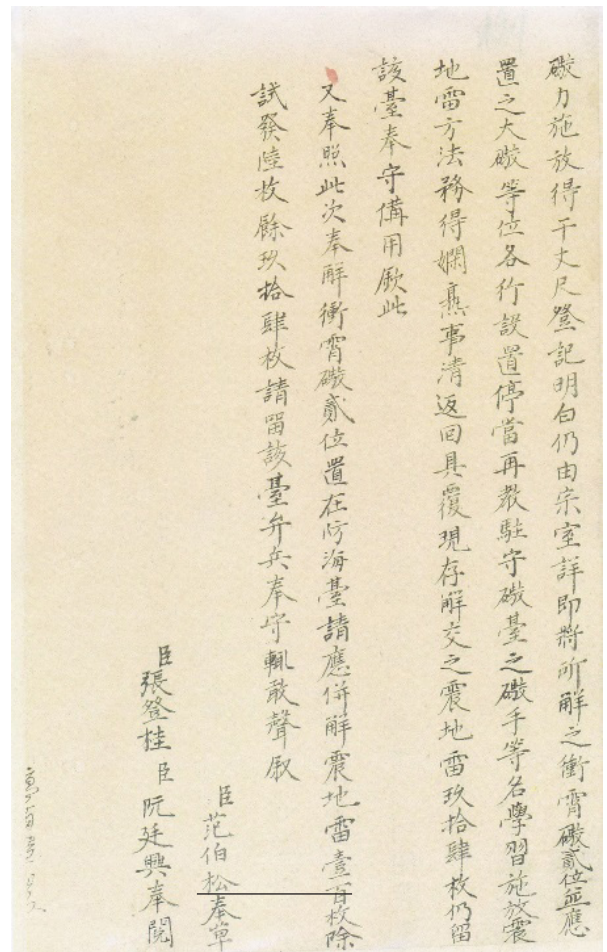
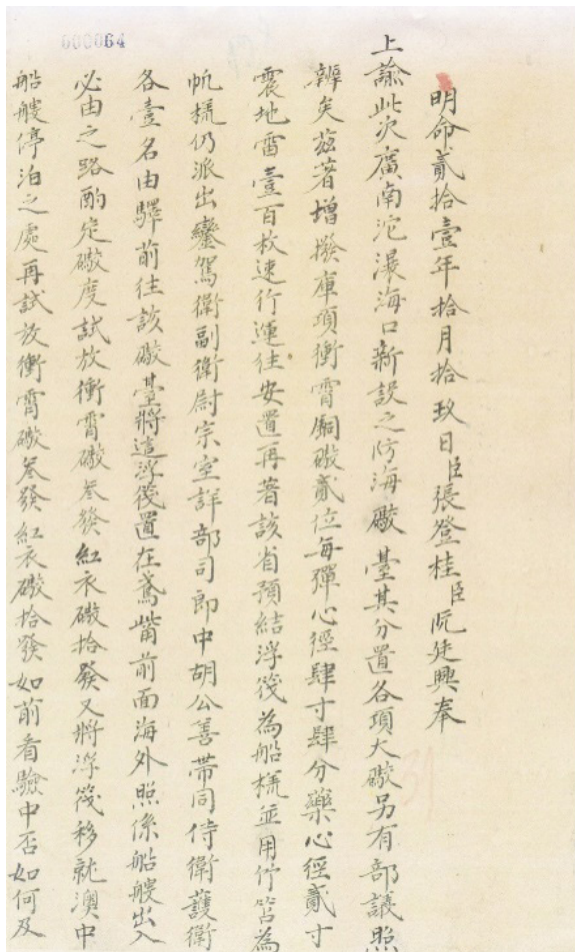
# THÔNG TIN TƯ LIỆU

## THÔNG TIN VỀ VIỆC PHÒNG THỦ CỦA TRIỀU ĐÌNH NHÀ NGUYỄN TẠI PHÁO ĐÀI CỬA BIỂN Ở ĐÀ NẴNG

Phòng Nghiên cứu Khoa học

Trong quá trình sưu tầm tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, chúng tôi đã sao chụp được khá nhiều văn bản châu bản về Quảng Nam, Đà Nẵng, trong đó có một văn bản đề cập đến việc đại thần Trương Đăng Quế phụng thượng dụ về

việc phân chia bố trí các loại đại pháo ở pháo đài phòng thủ cửa biển ở Đà Nẵng. Nhận thấy, đây là tài liệu quan trọng để tìm hiểu, nghiên cứu việc phòng thủ của triều đình nhà Nguyễn trước sự nhòm ngó của các thế lực ngoại xâm, chúng tôi xin



giới thiệu nội dung văn bản này để quý độc giả cùng tham khảo.

**- Phiên âm<sup>1</sup>:**

Minh Mạng nhị thập nhất niên thập nguyệt thập cửu nhật thần Trương Đăng Quế, thần Nguyễn Đình Hưng phụng thượng dụ, thử thứ Quảng Nam Đà Nẵng hải khẩu tân thiết chi phòng hải pháo đài, kỳ phân trí các hạng đại pháo lánh hữu bộ nghị chiếu biện hĩ.

Tư trú tăng phát khổ hạng hàm tiêu đồng pháo nhị vị mỗi đạn tâm kính tứ thôn tứ phân, dược tâm kính nhị thôn, chân địa lôi nhất bách mai tốc hành vận vãng an trí, tái trú cai tinh dự kết phù phiệt vi thuyền dạng tịnh dụng trúc chiêm vi phạm dạng nhưng phái xuất Loan Giá vệ Phó vệ úy Tôn Thất Tường, Bộ ty Lang trung Hồ Công Thiện đối đồng thị vệ hộ vệ các nhất danh do dịch tiền vãng cai pháo đài tương giá phù phiệt trí tại Diên Chủy tiền diện hải ngoại chiếu, hễ tàu sưu xuất nhập tất do chi lộ chức định pháo độ thí phóng xung tiêu pháo tam phát, hồng y pháo thập phát hựu tương phạm phiệt di tựu ao trong thuyền sưu đình bạc chi xứ, tái thí phóng xung tiêu pháo tam phát hồng y pháo thập phát, như tiền khám nghiệm trúng phủ như hà cấp pháo lực phóng đắc can trọng xích đăng ký minh bạch nhưng do Tôn Thất Tường tức tương sở giải chi xung tiêu pháo nhị vị tịnh ung trí chi đại pháo đẳng vị các hành thiết trí đình đương tái giáo trì thủ pháo đài chi pháo thủ

đăng danh học tập thi phòng chân địa lôi phương pháp vụ đắc nhân thực. Sự thanh phản hồi cụ phúc, hiện tồn giải giao chi chân địa lôi cửu thập tứ mai nhưng lưu cai đài phụng thủ bị dụng. Khâm thử.

Hựu phụng chiếu thử thứ phụng giải xung tiêu pháo nhị vị trí tại phòng hải đài tỉnh ung tịnh giải chân địa lôi nhất bách mai trừ thí phát lục mai dư cửu thập tứ mai tịnh lưu cai đài biện binh phụng thủ. Triếp cảm thanh tự.

Thần Phạm Bá Tùng phụng thảo

Thần Trương Đăng Quế

Thần Nguyễn Đình Hưng phụng duyệt

**- Dịch nghĩa:**

Ngày 19 tháng 10 năm Minh Mạng thứ 21 (1840).

Thần Trương Đăng Quế, thần Nguyễn Đình Hưng phụng thượng dụ, lần này có bố trí mới thêm các hạng đại pháo tại các pháo đài phòng thủ biển ở cửa biển Quảng Nam Đà Nẵng, đã có bộ nghị nên chiếu theo đó mà làm.

Nay được kho cấp phát thêm 2 cỗ pháo đồng xung tiêu, mỗi đạn có tâm kính 4 tấc 4 phân, thuốc có tâm kính là 2 tấc, chân địa lôi gồm 100 quả, tức tốc vận chuyển về bố trí. Lại cho tỉnh ấy chuẩn bị kết sẵn bè nổi dạng hình chiếc thuyền, dùng tre trúc đan thành dạng buồm. Phái cho Loan giá vệ Phó vệ úy Tôn Thất Tường, Bộ ty Lang trung Hồ Công Thiện

1. Phiên âm và dịch nghĩa: Tống Quốc Hưng.

cùng dẫn 1 thị vệ, 1 hộ vệ dùng ngựa của trạm dịch chạy đến pháo đài trước đem các bè nổi bố trí phía ngoài biển tại mặt trước Diên Châu (*Mỏ Quạ*), hễ thấy tàu su ra vào đúng khoảng đường liệu định của pháo thì cho phóng thử 3 phát pháo xung tiêu pháo, 10 phát pháo hồng y, rồi bè nổi vào tại các ao thuyền mà dùng tại đó. Lại cho phóng thử 3 phát pháo xung tiêu, 10 phát pháo hồng y như trước rồi khám nghiệm thử trúng không như thế nào pháo lực phóng ra trượng thước bao nhiêu ghi chép rõ ràng. Vẫn giao Tôn Thất Tường lập tức chuyển giải 2 cỗ xung tiêu pháo, bố trí các khẩu đại pháo đúng vị trí tại các pháo đài, dạy cho các pháo thủ học tập cách bắn, phương pháp phóng chấn địa lôi cho thật thuần thục. Việc xong thì về phúc báo, hiện nay số chấn địa lôi còn lại 94 quả, lưu lại và giao cho đài phụng giữ để dùng. Khâm thử.

Lại phụng chiếu lần này chuyển giải 2 khẩu xung tiêu pháo bố trí tại phòng hải đài, xin và được ưng thuận cho chuyển giải 100 quả chấn địa lôi, trừ 6 phát phóng thử còn lại 94 quả lưu đài này giao cho biện binh phụng giữ. Nay xin tâu rõ.

Thần Phạm Bá Tùng phụng thảo.

Thần Trương Đăng Quế, thần Nguyễn Đình Hưng phụng duyệt.

Qua tìm hiểu, nội dung văn bản này cũng được ghi chép đầy đủ trong *Đại Nam thực lục*, Tập 5<sup>2</sup>. Trong đó lý giải

thêm về việc cấp phát 2 cỗ pháo như sau: Kể ra, biết tự trị thì mạnh, có phòng bị thì không lo. Nay cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam, đã đặt thêm pháo đài Phòng Hải; cửa biển Thi Nai ở Bình Định, lại mới xây pháo đài Hồ Cơ, để giữ chỗ hiểm yếu; còn đảo Côn Lôn ở Vĩnh Long; đảo Phú Quốc ở Hà Tiên, đều có đặt đồn bảo chia phái lính thú tuần phòng, để răn ngừa sự lo bất ngờ. Như thế thì ta ngăn giữ bờ biển đã có cái thể đáng sợ mà không thể xâm phạm được. Việc võ bị mà chính đốn, thì người ngoài trông thấy, cũng đủ tiêu tan lòng tà. Không những người Tây dương cách trở xa xôi, không dám trông thẳng vào nước ta, mà nước mạnh láng giềng tiếp giáp cõi đất, cũng không dám lại manh tâm nhòm ngó nữa...<sup>3</sup>

#### \* **Đôi điều nhận xét:**

- Qua nội dung văn bản trên cho thấy, vua Minh Mạng sớm nhận thấy tầm quan trọng của vùng biển đảo đất nước, đã chủ động cho xây dựng pháo đài phòng thủ tại các khu vực quan trọng, trong đó có cửa biển Đà Nẵng, cũng như bố trí lực lượng, pháo, súng để canh giữ trước sự nhòm nhó của phương Tây và các thế lực xung quanh.

- Tuy chỉ gói gọn nội dung trong 2 trang nhưng văn bản này là một tư liệu quan trọng, góp phần cung cấp thêm nguồn tư liệu để nghiên cứu về biển đảo đất nước ta thế kỷ XIX ♦

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.832.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 5, sđd, tr.829.

# SỰ KIỆN NỔI BẬT

## Hội nghị công bố quyết định về công tác cán bộ *Hồng Việt*



Chiều ngày 31/12/2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đối với ông Phạm Phú Ngọc - Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An.

Trước ngày 01/7/2025, ông Phạm Phú Ngọc giữ vai trò Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Từ ngày 01/7 đến nay, ông Phạm Phú Ngọc là Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa thế giới Hội An.

Bà Trương Thị Hồng Hạnh - Thành ủy viên, Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trao quyết định bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm đối với ông Phạm Phú Ngọc và phát biểu chúc mừng tại hội nghị.

Việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An là hoạt động nhằm kiện toàn bộ máy lãnh đạo Trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi

để điều hành thực hiện các nhiệm vụ được UBND thành phố và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố giao trong công tác bảo tồn và phát huy hiệu quả, bền vững giá trị Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An thời gian đến

## Tiếp và làm việc với đoàn công tác đến từ thành phố Wernigerode, Cộng hòa Liên bang Đức

*Sơn Ca*



Sáng ngày 07/01/2026, tại Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng đã có buổi tiếp và làm việc với đoàn công tác đến từ thành phố Wernigerode, Cộng hòa Liên bang Đức. Tiếp đón và làm việc với đoàn có ông Văn Bá Sơn - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cùng đại diện lãnh đạo UBND phường Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây và Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An.

Nội dung buổi làm việc nhằm thảo luận các nội dung liên quan để thúc đẩy tiến độ thực hiện Dự án “Con đường sinh thái

thành phố” ở địa bàn phường Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây. Dự án “*Con đường sinh thái thành phố*” có tổng chiều dài khoảng 4,22km, diện tích 3,2ha. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố Đà Nẵng và tài trợ từ thành phố Wernigerode, CHLB Đức.

Tại buổi làm việc, Bà Kristin Dormann - Chánh Văn phòng Thị trưởng thành phố Wernigerode, CHLB Đức và các thành viên dự án đã thảo luận các nội dung về mục tiêu, thời gian, kinh phí tài trợ, và trách nhiệm của các bên liên quan. Theo nội dung dự án, các hạng mục đầu tư chính bao gồm xây dựng lại hệ thống mương thủy lợi, nâng cấp tuyến đường dành cho xe đạp, cải tạo vỉa hè đường Hai Bà Trưng, nạo vét ao hồ khu vực đầm Trà Quế và xây dựng các công trình quan sát chim, động vật dưới nước... Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào tháng 7/2027

## Hội nghị tổng kết công tác Đảng năm 2025 của Đảng bộ Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An

Phòng NCKH



Vào chiều ngày 09/01/2025, Đảng bộ Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết năm 2025 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Hội nghị có sự tham dự của đồng chí Tào

Viết Hải - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng, đồng chí Trần Thị Cẩm Nhung - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Hội An và đông đủ đảng viên của Đảng bộ Trung tâm.

Đảng bộ Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An tiền thân là Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An - Đảng bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy Hội An (cũ). Từ tháng 7 năm 2025, Đảng bộ Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An được thành lập, trực thuộc Đảng bộ phường Hội An, sau đó được chuyển giao, trở thành Đảng bộ bộ phận trực thuộc Đảng bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng. Hiện, Đảng bộ có 106 đảng viên, trong đó 104 đảng viên chính thức và 02 đảng viên dự bị.

Hội nghị đã thông qua báo cáo kết quả chỉ đạo lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ năm 2026, đề toàn thể đảng viên cùng trao đổi, thảo luận biểu quyết các chỉ tiêu thi đua trong năm 2026.

Qua đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch theo Nghị quyết năm 2025, Đảng bộ Trung tâm đạt được 100% chỉ tiêu đề ra. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An trong thời gian qua, đồng thời tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh để thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị thời gian đến.

Trong Hội nghị, Đảng bộ Trung tâm đã tặng giấy khen cho Chi bộ Hành chính - Tài vụ và 20 đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, công nhận 04 Chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”

## Tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO)

*Sơn Ca*



Trong khuôn khổ triển khai Quỹ hỗ trợ khẩn cấp Di sản của UNESCO và thực hiện Dự án “*Ứng phó khẩn cấp đối với di sản văn hóa miền Trung Việt Nam sau các trận bão và lũ lụt lịch sử*”, vào sáng ngày 16/1/2026, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) đến thăm và làm việc tại khu di sản Hội An.

Mục đích chuyến công tác của đoàn là tiến hành khảo sát thực địa tại Khu phố cổ Hội An, nhằm đánh giá tác động của các trận bão lũ lịch sử vừa qua. Tại buổi làm việc, Trung tâm đã báo cáo những tác động, thiệt hại của đợt bão lụt làm cơ sở để UNESCO xây dựng đề xuất tài trợ, hỗ trợ phục hồi khẩn cấp, đồng thời hỗ trợ tư vấn kỹ thuật nhằm tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao mức độ sẵn sàng ứng phó với các rủi ro trong tương lai tại khu di sản.

Sau buổi làm việc, đoàn công tác của UNESCO do bà Veronica Casasnova - Chuyên gia cao cấp (*đến từ Tây Ban Nha*) và các cán bộ Văn phòng UNESCO Hà Nội đã tiến hành khảo sát thực địa tại một số di tích bị ảnh hưởng trong Khu phố cổ: Nhà số

68 Trần Phú và nhà Biểu diễn Nghệ thuật Cổ truyền (*số 66 đường Bạch Đằng*), cùng một số điểm di tích khác theo đề xuất của địa phương.

Chuyến công tác và làm việc của đoàn chuyên gia UNESCO lần này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của tổ chức UNESCO đối với công tác bảo tồn Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An, đồng thời mở ra cơ hội để địa phương nhận được sự tư vấn kỹ thuật chuyên môn và nguồn lực hỗ trợ cần thiết, nhằm đảm bảo sự an toàn và bền vững cho các di tích trước những thách thức của biến đổi khí hậu

## Một số hoạt động trong Hội Tết Nguyên đán Bính Ngọ do Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An chủ trì thực hiện

*Phòng NCKH*



Nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân và du khách trong dịp Tết Nguyên đán cổ truyền, đồng thời tôn vinh các giá trị truyền thống của địa phương, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã ban hành kế hoạch tổ chức “*Hội Tết Nguyên đán Bính Ngọ - Năm 2026*” với nhiều hoạt động, sự kiện đặc sắc hấp dẫn.

Theo kế hoạch, trong thời gian Tết Nguyên đán Bính Ngọ, Trung tâm đã chủ trì

tổ chức các hoạt động nổi bật như: Hội thi cây nêu ngày Tết, đoàn rước Sắc bùa chúc xuân, hội Tết Nguyên tiêu; cùng với đó là nhiều hoạt động giải trí, biểu diễn nghệ thuật và trò chơi dân gian đặc trưng như Bài chòi, bịt mắt đập nổi, hát bội, giao lưu âm nhạc cổ truyền... Bên cạnh đó, Trung tâm phối hợp tham gia chương trình nghệ thuật chào đón giao thừa Bình Ngô.

Việc tổ chức hoạt động này không chỉ gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống của cư dân Hội An, mà còn tạo không khí vui tươi, phấn khởi phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân và du khách trong dịp Tết cổ truyền, qua đó bảo tồn, phát huy và lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc của Hội An đến với khách du lịch trong và ngoài nước

### **Tiếp và làm việc với Đoàn nghiên cứu đến từ Hàn Quốc**

*Phòng NCKH*



Vào chiều ngày 22/01/2026, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã đón tiếp và làm việc với Đoàn nghiên cứu đến từ Hàn Quốc thăm và làm việc tại khu di sản Hội An. Đoàn công tác gồm có ông Kim Ohjin - Giáo sư Chuyên ngành Giáo dục Xã hội, Đại học Sư phạm - Đại học Jeju và bà Park Heesoon - Trưởng Ban Tổng vụ, Viện Nghiên cứu Giáo dục Văn hóa Nghệ thuật Jeju.

Trong chuyến công tác này, hai bên đã trao đổi, thông tin về chính sách của triều Nguyễn đối với những người Triều Tiên gặp nạn trên biển vào năm 1687. Theo tư liệu Trú Vĩnh Biên, một cuốn sử của triều đình phong kiến Triều Tiên cho biết, vào tháng 10 năm Đinh Mão (1687), một số người dân đảo Tế Châu (Jeju), Triều Tiên trên đường làm nhiệm vụ bằng thuyền đã bị gió bão đánh phiêu dạt vào Cù Lao Chàm. Họ được những cư dân xứ đảo này cứu giúp, cho nước uống, lương thực và đưa vào trình diện quan sở tại ở Hội An. Có thể xem đây là một trong những tư liệu sớm đề cập đến sự có mặt của người Triều Tiên ở Hội An, Đàng Trong nói riêng, Việt Nam nói chung.

Chuyến công tác và làm việc của đoàn đã cung cấp thêm thông tin, tư liệu cũng như gợi mở những định hướng nghiên cứu mới về mối quan hệ giữa Triều Tiên/Hàn Quốc với Việt Nam trong lịch sử, qua đó góp phần tăng cường mối quan hệ hợp tác nghiên cứu giữa các đơn vị với Trung tâm trong thời gian đến

### **Hội nghị Viên chức - Người lao động Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An năm 2026**

*Phòng NCKH*



Vào chiều ngày 23/01/2026, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An

An tổ chức Hội nghị Viên chức - Người lao động năm 2026. Về tham dự hội nghị có ông Văn Bá Sơn - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng, ông Tổng Quốc Hưng - Phó Chủ tịch UBND phường Hội An, ông Phùng Hữu - Chủ tịch Công đoàn phường Hội An cùng đông đủ viên chức - người lao động của Trung tâm.

Hội nghị đã thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị VC-NLĐ năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026; báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị; báo cáo kết quả hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân và bầu Ban Thanh tra Nhân dân nhiệm kỳ mới; báo cáo kết quả công tác tài chính của đơn vị, tình hình thực hiện kinh phí Công đoàn. Hội nghị cũng đã thông qua dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi năm 2026; ký kết giao ước thi đua năm 2026.

Tại hội nghị có nhiều ý kiến trao đổi và thảo luận sôi nổi, dân chủ mang tính xây dựng, đã đánh giá những kết quả đạt được cũng như đưa ra những hạn chế, tồn tại cần khắc phục để thực hiện tốt phong trào thi đua, nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của đơn vị trong năm 2026.

Với sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của các cấp lãnh đạo, cùng sự nỗ lực, đoàn kết thống nhất trong chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025, Trung tâm đã đạt được những thành tích quan trọng: Công đoàn đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 10 sáng kiến của VC-NLĐ Trung tâm được Hội đồng thi đua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyết định công nhận, Trung tâm có 54 cá nhân được công nhận danh hiệu CSTĐ, 43 cá nhân được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố tặng giấy khen, 100% VC-NLĐ Trung tâm đạt danh hiệu lao động tiên tiến

## Tổ chức các hoạt động trải nghiệm và trưng bày “Không gian Tết xưa ở Hội An”

*Phòng NCKH*



Nhằm tái hiện không gian Tết cổ truyền của người Hội An, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống địa phương, vào ngày 9 - 13/2/2026 (nhằm ngày 22 - 26 tháng Chạp Âm lịch), tại Bảo tàng Hội An, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã tổ chức hoạt động trải nghiệm và trưng bày “Không gian Tết xưa ở Hội An”.

Nhiều hoạt động trình diễn và trải nghiệm, trò chơi dân gian phong phú, gắn liền với đời sống người dân Hội An như: Gói bánh tét, bánh chưng; làm bánh thuẫn, bánh in; làm mứt dừa, mứt gừng; pha trà truyền thống; viết thư pháp, câu đối Tết; làm đèn lồng; làm tranh, bao lì xì, thiệp giấy xoắn; vẽ mặt nạ; điêu khắc gốc tre; điêu khắc ngựa gỗ; đập tranh giấy dó; các trò chơi dân gian: đập nôi, cờ gánh, ô làng,...; đặc biệt là hoạt động hô hát Bài chòi đã được diễn ra thu hút đông đảo người dân và du khách tham gia.

Song song với các hoạt động trải nghiệm, một số không gian trưng bày sinh hoạt truyền thống ngày Tết được tái hiện như: Không gian phòng khách ngày Tết; không gian bếp xưa; không gian nghề may; trưng bày ảnh “Cây nêu ngày Tết”. Điểm nhấn hoạt động trưng bày là “Chợ xưa ngày Tết” với các gian hàng giới thiệu các sản vật địa phương phục vụ Tết cổ truyền, sản phẩm

OCOP, không gian ẩm thực truyền thống,... góp phần tái hiện sinh động không khí Tết xưa ở phố Hội.

Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức trang trí tiểu cảnh tại các điểm bảo tàng, di tích như: Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh, Bảo tàng Văn hóa Dân gian, Bảo tàng Nghề y truyền thống, Bảo tàng Thổ sản, di tích Chùa Ông - Chùa Bà, di tích đình Hội An.

Thông qua việc tổ chức các hoạt động nhằm giới thiệu những nét đặc trưng trong phong tục, tập quán, sinh hoạt Tết của cư dân Hội An, đồng thời tạo sân chơi văn hóa, giải trí lành mạnh dành cho người dân địa phương và du khách khi tham quan các bảo tàng, di tích mỗi dịp Tết đến xuân về

### Ký kết thỏa thuận hợp tác về ứng dụng khoa học, công nghệ nâng cao trải nghiệm du lịch và quảng bá di sản

*Hồng Việt*



Chiều ngày 03/02/2026, UBND thành phố Đà Nẵng tổ chức Hội thảo Kế hoạch phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo năm 2026.

Tham dự hội thảo có ông Hồ Quang Bửu - Phó Chủ tịch UBND thành phố; đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành của thành phố; Quỹ Đầu tư phát triển thành phố, Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Liên

minh Hợp tác xã thành phố, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An; lãnh đạo UBND các xã, phường Bàn Thạch, Hương Trà, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hải Châu, Hòa Cường, Bà Nà, Gò Nổi, Quế Sơn; Hiệp hội Doanh nghiệp Đà Nẵng, Hội Doanh nhân trẻ Đà Nẵng; Đại diện doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu, các trường đại học, cao đẳng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ, quỹ đầu tư...

Trong khuôn khổ chương trình hội thảo diễn ra Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An với Công ty Cổ phần Trí tuệ Nhân tạo Việt Nam AIAIVN nhằm mục đích “*ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI - GenAI) để nâng cao trải nghiệm du khách, tối ưu hóa công tác quản lý và thúc đẩy hoạt động văn hóa tại Hội An, đồng thời góp phần quảng bá giá trị di sản ra cộng đồng quốc tế*”. Ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc Trung tâm và ông Phan Thanh Tuấn - Giám đốc Công ty đã ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác giữa 2 đơn vị trước sự chứng kiến của lãnh đạo UBND thành phố, lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ và toàn thể đại biểu tham dự hội thảo

### Rộn ràng Tết Nguyên tiêu ở Hội An - Xuân Bính Ngọ 2026

*Đoàn Cẩm Giang*



Trong không khí rộn ràng của những ngày đầu năm mới, Tết Nguyên tiêu Xuân Bính Ngọ Hội An đã diễn ra tưng bừng, trang trọng trong hai ngày 15 và 16 tháng Giêng âm lịch, thu hút đông đảo người dân và du khách thập phương. Sự kiện này không chỉ là hoạt động văn hóa - tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng mà còn góp phần tôn vinh những giá trị truyền thống đặc sắc của Đô thị cổ bên dòng sông Hoài thơ mộng.

Trong không khí trang nghiêm của ngày rằm đầu năm, cộng đồng và du khách lần lượt đến Miếu Quan Công để dâng hương, cầu xin tài lộc và nguyện cầu những điều tốt đẹp trong năm mới. Tại các hội quán của người Hoa, không khí cũng rất trang nghiêm, long trọng. Từ sáng sớm ngày 15 tháng Giêng, bà con người Hoa tề tựu về đây để mua sắm lễ vật, sửa soạn mâm cúng và thực hiện nghi lễ cúng tế cổ truyền vào dịp Tết Nguyên tiêu.

Cùng với mùi trầm hương lan tỏa theo những hồi chiêng, tiếng trống vang vọng là những âm thanh trong trẻo đến từ những tiết mục diễn xướng Tuồng với những vở diễn, trích đoạn Tuồng vô cùng hấp dẫn tại sân đình Hội An vào những đêm 14 và 15 tháng Giêng. Cũng vào thời gian này, trò chơi Bài chòi được tổ chức tại vòng xuyên đường Nguyễn Thái Học - Bạch Đằng đã tái hiện một cách sinh động tâm tư, tình cảm và đời sống văn hóa đa dạng của cư dân thương cảng xưa.

Từ rạng sáng ngày 16 tháng Giêng, trong tiết trời se lạnh cùng những cơn mưa xuân, đông đảo người dân và du khách đã đến dâng hương tại Quan Công miếu và các di tích tín ngưỡng ở địa phương.

Đặc biệt, nét nổi bật đặc sắc trong chuỗi hoạt động năm nay là lễ dâng hương và diễu hành mừng Tết Nguyên tiêu Xuân Bính Ngọ. Đồng chí Ngô Xuân Thắng - Phó Bí thư Thành ủy Đà Nẵng, đồng chí Nguyễn

Thị Anh Thi - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, đồng chí Trương Thị Hồng Hạnh - Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố cùng các đồng chí trong Ban Giám đốc, đồng chí Nguyễn Đức Bình - Bí thư Đảng ủy phường Hội An, đồng chí Đức Chung - Bí thư Đảng ủy phường Hội An Tây cùng đại diện lãnh đạo UBND các phường, đại diện lãnh đạo các phòng và đơn vị thuộc Sở và Ban Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hoá Thế giới Hội An đã dâng hương, khai hội Tết Nguyên tiêu tại đình Hội An, tham gia diễu hành mừng Tết Nguyên tiêu Xuân Bính Ngọ qua các cung đường phố cổ đến các di tích.

Tết Nguyên tiêu ở Hội An được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2023. Việc tổ chức Tết Nguyên tiêu hằng năm không chỉ để cộng đồng người dân tri ân tiền nhân, tổ tiên, cầu mong một năm mới bình an, hạnh phúc mà còn là dịp để tôn vinh di sản, nâng cao vai trò và trách nhiệm của cả cộng đồng để cùng bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản Tết Nguyên tiêu nói riêng, di sản văn hoá thế giới đô thị cổ Hội An nói chung ♦

### **Tham dự Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương về các thành phố Di sản thế giới và Hành động vì khí hậu năm 2026, tại Kyoto, Nhật Bản**

*Phòng NCKH*

Từ ngày 7 đến ngày 9/3/2026, tại Kyoto, Nhật Bản đã diễn ra Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương về các thành phố Di sản thế giới và Hành động vì khí hậu. Hội nghị có sự tham dự của các nhà quản lý di sản và cán bộ chính quyền địa phương phụ trách công tác bảo tồn Di sản thế giới và hành động vì khí hậu tại các thành phố Di sản thế giới khu vực châu Á



- Thái Bình Dương; đại diện các cơ quan di sản, các tổ chức quốc tế liên quan; các chuyên gia trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa và hành động vì khí hậu. Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã cử ông Phan Văn Quang - Phó Giám đốc Trung tâm tham dự và có bài phát biểu tại hội nghị này.

Hội nghị được tổ chức nhằm chia sẻ các kết quả nghiên cứu, tăng cường hợp tác và nâng cao năng lực, đồng thời tìm kiếm các giải pháp khả thi nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu trong bối cảnh các đô thị di sản. Hội nghị tập trung vào một số nội dung chính: trao đổi kiến thức về các thực tiễn địa phương, những thách thức và sáng kiến trong thích ứng với biến đổi khí hậu; xác định các nhu cầu cấp bách và dài hạn, những khoảng trống cũng như các giải pháp tiềm năng nhằm định hướng cho các hoạt động hợp tác và hỗ trợ trong tương lai; tăng cường năng lực liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt thông qua việc vận dụng các nội dung cốt lõi của Bộ công cụ Hành động vì khí hậu đang được xây dựng...

Việc tham dự hội nghị là cơ hội để Trung tâm trao đổi, tiếp cận và nắm bắt các thông tin, kinh nghiệm thực tiễn từ các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và nhà quản lý các Di sản văn hóa thế giới. Đồng thời, đây cũng là dịp để tăng cường mối quan hệ hợp tác, nâng cao năng lực trong việc tìm

kiếm các giải pháp khả thi cho khả năng chống chịu và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần phục vụ hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An

## **Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đón tiếp và làm việc với Đại học Chiang Mai Rajabhat (Thái Lan)**

*Son Ca*



Sáng ngày 12/3/2026, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã tiếp và làm việc với đoàn giảng viên, sinh viên Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Chiang Mai Rajabhat, Thái Lan đến thăm và tìm hiểu thực tế tại Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An.

Đoàn gồm 20 thành viên, do bà Phisutthilaksana Boonto - Giám đốc Chương trình Cử nhân Lịch sử và Di sản văn hóa làm trưởng đoàn. Tại buổi làm việc, hai bên đã trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa tại Đô thị cổ Hội An và thành phố Chiang Mai.

Bà Trương Thị Ngọc Cẩm - Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An cho biết, việc đón tiếp và làm việc với đoàn không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An mà còn mở ra cơ hội trao đổi, thảo

luận về khả năng hợp tác nghiên cứu, đào tạo chuyên môn trong thời gian đến.

Sau buổi làm việc, đoàn đã tham quan thực tế tại Khu phố cổ Hội An và thưởng thức chương trình biểu diễn nghệ thuật truyền thống, nhằm tìm hiểu sâu hơn về mô hình bảo tồn thích ứng cũng như sự gắn kết giữa di sản với cộng đồng địa phương.

Việc đón tiếp và làm việc với đoàn là hoạt động nằm trong chương trình tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần nâng cao vị thế của Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An trong mạng lưới các đô thị di sản khu vực Đông Nam Á

## Tổng kết và trao giải hội thi “Cây nêu ngày Tết” Xuân Bính Ngọ năm 2026

*Ngọc Hương*



Vào chiều ngày 13/3/2026, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An đã tổ chức tổng kết, trao giải cho các đơn vị đạt giải trong hội thi “Cây nêu ngày Tết” Xuân Bính Ngọ năm 2026.

Tham dự buổi tổng kết có đại biểu lãnh đạo Ủy ban nhân dân, phòng Văn hóa - Xã hội các phường/xã, Ban Tổ chức, Ban chấm chọn hội thi và đại diện các chủ di tích, cơ quan, trường học, tổ dân phố có cây nêu đạt giải.

Năm nay có 51 đơn vị dựng nêu và đăng ký tham gia chấm chọn, trong đó

phường Hội An có 7 đơn vị, phường Hội An Tây có 27 đơn vị, phường Hội An Đông có 14 đơn vị và xã Tân Hiệp có 3 đơn vị tham gia dự thi. Ngoài ra, trên địa bàn các xã/phường còn có rất nhiều đơn vị vẫn duy trì tục dựng cây nêu ngày Tết nhưng không đăng ký tham gia.

Tại buổi tổng kết, Ban Tổ chức đã trao giải cho 22 đơn vị dựng cây nêu đẹp gồm 5 giải A, 7 giải B, 10 giải C và 4 giải tập thể cho các xã/phường.

Buổi tổng kết diễn ra trong không khí trang trọng, vui tươi và nhận được nhiều ý kiến trao đổi cởi mở của các đại biểu tham dự, trong đó có nhiều ý kiến đề nghị các địa phương tiếp tục quan tâm, duy trì và phát huy hoạt động dựng nêu. Dựng nêu không chỉ là hoạt động văn hóa truyền thống cần gìn giữ mà còn góp phần gắn kết cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy tục lệ truyền thống tốt đẹp tại Đô thị cổ Hội An

## Đại sứ Colombia thăm và làm việc tại Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An

*Sơn Ca*



Sáng ngày 19/3/2026, tại trụ sở Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An, ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc Trung tâm đã có buổi tiếp và làm việc với bà Camila Polo Flórez, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Colombia tại Việt Nam.

Tại buổi làm việc, hai bên đã dành nhiều thời gian trao đổi về công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An. Đặc biệt, nội dung về công tác tuyên truyền giáo dục di sản cho thế hệ trẻ cũng như công tác quản lý tổ chức hoạt động du lịch của Hội An, được nhấn mạnh như một điểm sáng trong việc giữ gìn các giá trị của di sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Bà Đại sứ Camila Polo Flórez bày tỏ sự quan tâm đặc biệt đến những nỗ lực của Trung tâm trong việc bảo vệ các di tích và mong muốn tìm hiểu những kinh nghiệm thực tiễn từ Hội An. Buổi làm việc mở ra những triển vọng mới trong quan hệ hợp tác giữa Đại sứ quán Colombia và Trung tâm trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội trong thời gian đến.

Việc tăng cường trao đổi quốc tế này khẳng định vị thế của Di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An trong mạng lưới di sản thế giới, đồng thời góp phần thúc đẩy các chương trình giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo tồn các giá trị truyền thống bền vững ♦

### **Giới thiệu sách *Hội An - Những người con trung hiếu vẹn toàn* Liễu Chi**



Hướng đến kỷ niệm 51 năm Ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975

- 29/3/2026) và giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026), vào ngày 27/3/2026, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An tổ chức buổi ra mắt, giới thiệu tập sách *Hội An - Những người con trung hiếu vẹn toàn*. Tập sách này vừa được Trung tâm xuất bản vào cuối năm 2025, nội dung kể những câu chuyện về gương chiến đấu kiên cường, bất khuất của đồng bào, chiến sĩ bị địch bắt và tù đày trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược trên quê hương đô thị cổ Hội An.

Buổi giới thiệu sách *Hội An - Những người con trung hiếu vẹn toàn* được tổ chức tại di tích lịch sử cách mạng Nhà lao Hội An, số 240/12 đường Lý Thường Kiệt, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng, như một nén tâm nhang tưởng nhớ, tri ân những chiến sĩ cách mạng đã hy sinh trong lao tù của địch; đồng thời, thể hiện lòng biết ơn những người con Hội An đã có đóng góp lớn lao trong sự nghiệp giải phóng quê hương, xây dựng nền hòa bình, độc lập dân tộc. Những vị khách mời đặc biệt là các cựu tù yêu nước Hội An, người thân những cá nhân được giới thiệu trong tập sách và các tác giả bài viết đã đem đến cho buổi giới thiệu sách thêm nhiều câu chuyện ý nghĩa và tự hào về một thời gian khó hào hùng của quê hương, đất nước.

Đây cũng là dịp quảng bá, thông tin nội dung cuốn sách đến với công chúng, đặc biệt là những nhà quản lý, nghiên cứu, các thư viện, trường học ở Hội An nhằm trao đổi, tiếp nhận thêm thông tin, tư liệu liên quan đến nội dung của cuốn sách, làm sáng tỏ hơn giá trị, bổ khuyết cho lần tái bản và tạo điều kiện để thế hệ trẻ hiểu sâu sắc hơn về truyền thống yêu nước, lịch sử đấu tranh cách mạng trên quê hương Hội An anh hùng ♦

# VĂN BẢN PHÁP QUY

## TRÍCH THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ NGHIÊN CỨU, SƯU TẦM, KIỂM KÊ, LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ, TỔ CHỨC THỰC HÀNH, TRÌNH DIỄN VÀ TRUYỀN DẠY DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Ngày 31/12/2025, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL về quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể. Thông tư gồm có 6 Điều, trong tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số 1 (71) - 2026 này xin trích giới thiệu nguyên văn nội dung thông tư này.

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm: Nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể; sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể; kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật

thể; tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này (*sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công*) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Thông tư này là mức tối đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chức danh lao động trong Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật được xác định như sau:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức áp dụng theo Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn

chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động thực tế không như quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này thì cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc của chức danh lao động tương đương hoặc hạng của chức danh lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế. Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức tại Thông tư này.

d) Đối tượng là công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này.

### **Điều 3. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (8 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% của tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng.

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ 10% tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

a) Tên định mức;

b) Thành phần công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, gồm:

- Hao phí nhân công: Chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí lao động;

- Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng;

- Hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí vật liệu sử dụng;

- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số hao phí nhân công, hao phí máy móc, thiết bị sử dụng, hao phí vật liệu;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn của định mức trong các trường hợp điều kiện kỹ thuật khác nhau (*nếu có*) để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc nhất định.

#### **Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể được áp dụng nội dung và định mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư 02/2023/TT-BKHCHN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật

thể được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này.

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này.

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

7. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung ứng dịch vụ sự nghiệp công nghiên cứu, căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*qua Cục Di sản văn hóa*) để xem xét, giải quyết♦

# DI SẢN ĐÓ ĐÂY

## CÁC THỊ TRẤN SPA LỚN CỦA CHÂU ÂU

*Sưu tầm và dịch: Bảo Vy*

Di sản xuyên quốc gia theo chuỗi này gồm 11 thị trấn spa, thuộc 7 quốc gia châu Âu: Baden bei Wien (*Áo*), Spa (*Bi*), Františkovy Lázně, Karlovy Vary, Mariánské Lázně (*Cộng hòa Séc*), Vichy (*Pháp*), Bad Ems, Baden-Baden, Bad Kissingen (*Đức*), Montecatini Terme (*Ý*) và thành phố Bath (*Vương quốc Anh*). Điểm chung của tất cả các thị trấn này là đều hình thành và phát triển từ các nguồn suối khoáng thiên nhiên.

Không chỉ đơn thuần là những điểm nghỉ dưỡng, các địa danh này còn phản ánh một nền văn hóa spa mang tầm châu Âu, phát triển mạnh từ đầu thế kỷ XVIII đến những năm 1930. Từ các nguồn khoáng tự nhiên, những thị trấn này dần trở thành các trung tâm điều dưỡng và nghỉ dưỡng quốc tế, nơi hình thành nên một kiểu không gian đô thị rất đặc trưng, gắn với các công trình như nhà tắm khoáng, kurhaus, kursaal, nhà uống nước khoáng, hành lang cột, đường dạo, cùng nhiều hạng mục phục vụ trị liệu và thư giãn.

Bao quanh các công trình ấy là cả một hệ thống không gian và dịch vụ hỗ trợ như vườn cảnh, khách sạn, biệt thự, nhà hát, sông bạc, phòng hội họp và các

hạ tầng kỹ thuật chuyên biệt. Tất cả hòa quyện trong một tổng thể đô thị được tổ chức hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, tạo nên một môi trường vừa phục vụ chăm

sóc sức khỏe, vừa đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, giao tiếp xã hội và hưởng thụ văn hóa. Chính vì vậy, chuỗi di sản này không chỉ có giá trị về kiến trúc và quy hoạch, mà còn thể hiện sinh động sự phát triển của y học, khoa học và liệu pháp suối khoáng trong lịch sử châu Âu.

### Giá trị nổi bật toàn cầu

#### 1. Tóm tắt khái quát

Các thị trấn spa lớn của châu Âu là minh chứng đặc biệt tiêu biểu cho hiện tượng spa châu Âu, một hình thức văn hóa - xã hội từng phát triển rực rỡ trong giai đoạn từ khoảng năm 1700 đến thập niên 1930. Chuỗi di sản này quy tụ những thị trấn spa tiêu biểu nhất, nổi bật nhất và có sức ảnh hưởng quốc tế mạnh mẽ nhất trong số hàng trăm thị trấn spa từng xuất hiện trên khắp châu Âu.

Dù mỗi nơi mang một diện mạo riêng, tất cả đều được hình thành quanh nguồn nước khoáng, yếu tố cốt lõi làm nên bản sắc và chức năng của từng đô thị. Từ đó, các thị trấn này phát triển thành những không gian chuyên biệt cho chữa bệnh, điều dưỡng, nghỉ ngơi và giao tiếp xã hội. Người ta không chỉ đến đây để



chữa trị, mà còn để nghỉ dưỡng, gặp gỡ, giải trí và tận hưởng một lối sống thanh lịch gắn với văn hóa spa.

Những hoạt động ấy đã tạo ra nhu cầu về một hệ thống công trình và không gian rất đặc thù: từ nhà tắm khoáng, nhà uống nước khoáng, cơ sở trị liệu, cho đến khách sạn, nhà hát, sông bạc, đường dạo, công viên, vườn hoa, khu thể thao và cả những tuyến hạ tầng kỹ thuật như đường dẫn nước, đường sắt hay hệ thống phục vụ khai thác khoáng chất. Nhờ đó, các thị trấn spa không chỉ là nơi điều dưỡng mà còn trở thành những đô thị nghỉ dưỡng được quy hoạch đồng bộ, nơi trị liệu, giải trí và cảnh quan cùng tồn tại trong một chỉnh thể hài hòa.

## 2. Tiêu chí (ii)

Các thị trấn spa lớn của châu Âu phản ánh rõ nét sự giao lưu và lan tỏa của các ý tưởng mới trong lĩnh vực y học, liệu pháp suối khoáng và văn hóa nghỉ dưỡng trong suốt hơn hai thế kỷ. Từ khoảng năm 1700 đến thập niên 1930, những tư tưởng này không chỉ định hình nên mô hình phát triển

của các thị trấn spa ở châu Âu, mà còn ảnh hưởng đến nhiều nơi khác trên thế giới.

Giá trị đó được thể hiện rất rõ qua cách các thị trấn này được quy hoạch và xây dựng: mọi yếu tố đều xoay quanh nguồn suối khoáng thiên nhiên, đồng thời phục vụ cả hai nhu cầu lớn của con người là sức khỏe và hưởng thụ cuộc sống. Đây là nơi những tiên bộ về trị liệu, kiến trúc, cảnh quan và phong cách sống gặp nhau, tạo nên một mô hình đô thị đặc biệt.

Các thị trấn spa cũng là nơi luôn đổi mới để bắt kịp nhu cầu của thời đại. Bên cạnh giới y học, những người góp phần quan trọng vào quá trình này còn có kiến trúc sư, nhà thiết kế và người làm vườn cảnh, những người đã kiến tạo nên môi trường sống và nghỉ dưỡng đặc trưng của văn hóa spa. Nhờ đó, di sản này lưu giữ nhiều hình thức kiến trúc tiêu biểu như kurhaus, kursaal, nhà uống nước khoáng, hành lang cột và đường dạo, tất cả đều gắn chặt với việc khai thác và sử dụng nguồn khoáng thiên nhiên trong đời sống trị liệu và nghỉ dưỡng.

## 3. Tiêu chí (iii)

Các thị trấn spa lớn của châu Âu là minh chứng nổi bật cho một nếp sống và tập quán điều dưỡng đặc thù của châu Âu, có cội nguồn từ thời cổ đại nhưng chỉ thực sự đạt đến đỉnh cao trong giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX.

Việc “*đi spa*” trong bối cảnh ấy không đơn thuần là tắm khoáng hay uống nước khoáng. Đó là cả một chế độ sinh hoạt được tổ chức chặt chẽ, với lịch trình rõ ràng và sự kết hợp giữa chữa trị, vận động, thư giãn và giao tiếp xã hội. Người ta đến đây để tắm, uống, hít khoáng, đi bộ,

vận động ngoài trời, đồng thời tham gia các hoạt động giải trí như nghe nhạc, xem biểu diễn, khiêu vũ hay gặp gỡ giao lưu.

Chính lối sống ấy đã tác động trực tiếp đến cách tổ chức không gian đô thị và hình thành nên cái gọi là “kiến trúc spa”. Các công viên, đường dạo và không gian công cộng không chỉ phục vụ thư giãn mà còn là một phần của liệu trình điều dưỡng, đồng thời là nơi con người hiện diện trong đời sống xã hội – nơi để gặp gỡ, quan sát và được nhìn thấy trong một không gian mang tính cộng đồng và biểu tượng rất rõ nét.

#### 4. Tính toàn vẹn

Mười một hợp phần của di sản theo chuỗi này đại diện cho những ví dụ tiêu biểu và đặc sắc nhất của mô hình thị trấn spa châu Âu. Mỗi nơi đều lưu giữ những đặc điểm cốt lõi được hình thành trong giai đoạn phát triển hưng thịnh nhất của loại hình này, tức từ khoảng năm 1700 đến thập niên 1930. Điều đáng chú ý là cho đến nay, phần lớn các thị trấn ấy vẫn tiếp tục duy trì chức năng và bản sắc vốn có của mình.

Chuỗi di sản này cho thấy khá đầy đủ tiến trình phát triển của hiện tượng spa ở châu Âu: từ những trung tâm spa có ảnh hưởng lớn trong thế kỷ XVIII, đến các đô thị spa kiểu mẫu của thế kỷ XIX, và tiếp đó là những địa điểm phản ánh giai đoạn phát triển muộn hơn vào đầu thế kỷ XX. Nhờ vậy, di sản không chỉ có giá trị ở từng địa điểm riêng lẻ mà còn ở mối liên kết lịch sử và loại hình giữa các hợp phần.

Ranh giới di sản được xác định dựa trên các yếu tố trực tiếp thể hiện giá trị nổi bật toàn cầu, bao gồm: các công trình và



cấu trúc spa quan trọng, cơ sở phục vụ trị liệu, không gian giải trí – xã hội, nơi lưu trú, hệ thống hạ tầng liên quan và cảnh quan trị liệu bao quanh. Các vùng đệm cũng được thiết lập để bảo vệ cả nguồn nước khoáng lẫn bối cảnh cảnh quan có liên quan.

Nhìn chung, các hợp phần đều đang ở trong tình trạng bảo tồn tốt. Tuy vậy, thách thức vẫn tồn tại, nhất là khi các thị trấn này cần tiếp tục thích ứng với yêu cầu hiện đại về dịch vụ, vệ sinh, công nghệ và công năng sử dụng, trong khi vẫn phải bảo đảm gìn giữ các giá trị lịch sử vốn có. Đây là bài toán không đơn giản, đặc biệt đối với những công trình cũ cần được tái sử dụng thích ứng mà không làm mất đi bản sắc ban đầu.

#### 5. Tính xác thực

Di sản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tính xác thực, thể hiện qua nhiều phương diện như hình thức, thiết kế, vật liệu, công năng, truyền thống, cũng như vị trí và bối cảnh tồn tại.

Điểm đáng quý là hầu hết các hợp phần vẫn còn lưu giữ được những yếu tố làm nên bản sắc nguyên gốc của mình. Đó là các nguồn suối khoáng tự nhiên với đặc tính vốn có vẫn được duy trì; là bố cục không gian đặc trưng của từng thị trấn; là kiến trúc spa vẫn giữ được dáng vẻ, vật liệu và tinh thần ban đầu, dù một số công trình ngày nay đã được sử dụng cho những mục đích mới.

Không chỉ kiến trúc, mà cả cảnh quan trị liệu, hệ thống hạ tầng spa và nhiều yếu tố phục vụ hoạt động điều dưỡng cũng vẫn tiếp tục tồn tại và vận hành, dù đã có những điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu đương đại. Chính sự tiếp nối đó giúp cho di sản không chỉ còn là dấu tích của quá khứ, mà vẫn là một thực thể sống, tiếp tục phản ánh tinh thần và chức năng vốn có của mình.

Ngoài ra, tính xác thực của di sản còn được củng cố bởi hệ thống tư liệu lưu trữ phong phú gồm bản vẽ, văn bản, ấn phẩm và ảnh chụp lịch sử, cùng với quá trình bảo tồn lâu dài và có cơ sở khoa học tại từng hợp phần. Điều này giúp bảo đảm rằng các giá trị được công nhận không chỉ tồn tại trên hình thức, mà còn có nền tảng tư liệu và lịch sử rõ ràng, đáng tin cậy.

## **6. Yêu cầu về bảo vệ và quản lý**

Công tác bảo vệ và quản lý các hợp phần của di sản được thực hiện ở cả cấp quốc gia, cấp vùng và cấp địa phương, tùy theo cơ chế quản lý của từng quốc gia thành viên. Mỗi hợp phần đều được bảo vệ bằng hệ thống pháp luật, quy hoạch và các công cụ quản lý phù hợp, đồng thời nhiều công trình và cảnh quan quan trọng

còn nằm trong sở hữu công hoặc được quản lý bởi các tổ chức có trách nhiệm bảo tồn.

Ở cấp độ từng địa điểm, mỗi hợp phần đều có người phụ trách quản lý hoặc điều phối viên di sản, cùng với kế hoạch quản lý riêng, nhưng vẫn thống nhất với định hướng quản lý chung của toàn bộ chuỗi di sản. Ở cấp độ tổng thể, di sản được vận hành theo một hệ thống quản lý chung, dựa trên Kế hoạch Quản lý và Kế hoạch Hành động đã được các bên liên quan thống nhất.

Cơ chế điều phối quốc tế của di sản bao gồm Ủy ban Liên chính phủ, Ban Quản lý các thị trấn spa lớn (*GSMB*), Nhóm các Nhà quản lý di sản và Ban Thư ký. Các bộ phận này phối hợp với nhau để theo dõi, điều hành, phân bổ nguồn lực, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và thúc đẩy trao đổi kinh nghiệm giữa các hợp phần. Đây là một mô hình quản lý cần thiết đối với một di sản có quy mô xuyên quốc gia và tính chất liên kết cao như vậy.

Trong thời gian tới, một trong những yêu cầu quan trọng nhất là tiếp tục củng cố sự phối hợp giữa các hợp phần, bảo đảm hệ thống quản lý chung được vận hành hiệu quả và có đủ nguồn lực. Bên cạnh đó, những sức ép đến từ phát triển đô thị, nhu cầu sử dụng hiện đại và gia tăng hoạt động du lịch cũng sẽ là những vấn đề cần được kiểm soát cẩn trọng. Vì đây là những đô thị sống, việc bảo tồn không thể tách rời khỏi nhu cầu phát triển, mà cần được thực hiện theo hướng hài hòa, bền vững và có tầm nhìn dài hạn ♦

*Nguồn:* <https://whc.unesco.org/en/list/1613>

## Nhà xuất bản Thuận Hóa

Số 33 - Đường Chu Văn An - Phường Thuận Hóa - Thành phố Huế

ĐT: 02343.849730 - 02343.823847

Email: [nxbthuanhoa@yahoo.com.vn](mailto:nxbthuanhoa@yahoo.com.vn)

Website: [nxbthuanhoa.hue.gov.vn](http://nxbthuanhoa.hue.gov.vn)

**Chịu trách nhiệm xuất bản:** TS. NGUYỄN DUY TỜ

**Biên tập:** ThS. NGUYỄN THỊ THÈ

*Thực hiện liên kết xuất bản:* **Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An**

ĐC: 10B Trần Hưng Đạo - Phường Hội An - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 02353862367, Email: [hoiancmmmp@gmail.com](mailto:hoiancmmmp@gmail.com),

Website: [hoianheritage.net](http://hoianheritage.net) - [hoianheritage.danang.gov.vn](http://hoianheritage.danang.gov.vn)

OAzalo: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, Facebook: Di sản Hội An

## HỘP THU

*Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Phạm Phú Ngọc, Quảng Văn Quý, Võ Hồng Việt, Nguyễn Thị Vĩnh Linh, Trương Hoàng Vinh, Phạm Phước Tịnh, Nguyễn Văn Thịnh, Trần Thanh Hoàng Phúc, Thái Thị Liễu Chi, Lê Thị Ngọc Hương, Phan Văn Dưỡng, Đoàn Cẩm Giang, Lê Sơn Ca... Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những tin, bài đã nhận. Những tin, bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.*

*Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.*

### ***Bìa 1: Di tích Văn Thánh miếu Cẩm Phô***

In 200 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam - 260 Hùng Vương, P. Tam Kỳ, Tp. Đà Nẵng. ĐT: 02353.859367. Email: [Chebaningnam@gmail.com](mailto:Chebaningnam@gmail.com). Số ĐKXB: 1483-2026/CXBIPH/3-61/ThuH. GPXB số 62/QĐ-NXBTH do Nhà xuất bản Thuận Hóa cấp ngày 28 tháng 04 năm 2026. Mã số ISBN 978-632-626-282-7.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2026.